

PHỒ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỒ-BIÊN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỘ MỚI SỐ 55 — 15-4-1961

1.—	Viết Sứ và đọc Sứ	Nguyễn-Vỹ	6 — 9
2.—	Sưởi nước nóng ở Nhật-bản	Nakamura	10 — 13
3.—	Quận He, với tám năm vùng vẫy ở Bắc-Hà	Hồ thị Hồng	14 — 20
4.—	Mộng ước (thơ)	Mạc Lệ Kiều	21
5.—	Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	22 — 26
6.—	Những phương pháp cận đại tìm mỏ dầu hỏa	Phạm văn Ngọc	27 — 32
7.—	Quyền truyện đầu tay (truyện ngắn)	Mỹ-Khanh	33 — 36
8.—	Một giấc mơ hoa	Cô Duyên-Hồng	37 — 41
9.—	Ngày kỷ niệm Hai Bà Trưng, Vịnh cái bóng giả (thơ)	Bà Tương-Phó Hoàng vũ Thành	42
10.—	Những người đàn bà lừng danh	Tân-Phong	43 — 47

11.—	Nhớ nước đau lòng... con Đổ-Vũ	Trọng-Thôn	48 — 53
12.—	Đời sống các danh nhân trên thế-giới: Charlie Chaplin	Tân-Phong	54 — 59
13.—	Năng lực phương nào? (thơ)	Hỷ-Khương	60
14.—	Một đời người (hồi ký)	Thiếu-Sơn	61 — 65
15.—	Tô phở	Phượng-Châu	66 — 69
16.—	Nha-trang du ký	Nguyễn-Vỹ	70 — 74
17.—	Vườn dầm mưa (thơ ngoại-quốc)	Dạ-Nguyệt	75 — 76
18.—	Mình ơi!	Diệu-Huyền	77 — 84
19.—	Những áng thơ hay	Bàng Bá Lôn	85 — 87
20.—	Thơ lên ruột: xích-lô đập tự thân	Tú-Be	88 — 89
21.—	Atala (truyện dài rút ngắn)	Trần Chu	90 — 94
22.—	Nhân vật xuân thu	Thiếu Sơn	95 — 100
23.—	Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn-Vỹ	101 — 111
24.—	Nhớ quê hương (thơ)	Hồng-quốc-Trung	112
25.—	Nụ cười Phồ Thông	Đặng Nhâm	113
26.—	Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền	114 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Ba Tèo, Tạp-chí PHỒ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lại, cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chi quốc-tế)

★ Bài lại cáo không đăng, không trả lại.

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

• Tous droits de traduction, d'adaptatation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.



* NGUYỄN VỸ

MỘT bà đánh ghen một cô trên đường Hồ-xuân-Hương, 5 giờ chiều thứ Bảy. Công chúng đổ xô lại coi, đông chừng 50 người. Sáng thứ Hai, một tờ nhật báo đăng tin : « Bà K. ngồi rình trong tiệm kem gần đây, từ hồi 3 giờ, vừa vãn rạp, là trông thấy cô M. cặp tay chồng mình từ trong rạp Cinê đi ra, bà nhảy ra nắm lấy đầu cô M. đánh túi bụi, và xé rách chiếc áo nylon. Ông chồng sợ bỏ chạy đau mắt. » Tờ báo khác đăng tin : « .. Bà K. dắt con đi chơi vừa đến trước tiệm kem thì thấy chồng ngồi trong xe với cô M. Bà nổi ghen chạy đến túm lấy cô, hỏi : « Đây là ai, sao ngồi trong xe của chồng tao ? » Thế là hai người ẩu đả. Ông chồng bệnh cô tình

nhân, xô bà vợ ra té xuống hè, rồi lái xe chở cô đi mất dạng ». Tờ báo thứ ba đăng : « Cô M, chủ một tiệm buôn danh tiếng ở Thủ-đô, đi xem cinê một mình, vãn rạp vừa ra đường thì ngẫu-nhiên gặp ông K. giám-đốc một hãng xuất nhập cảng ở đường Pasteur. Hai người nói chuyện về công việc bán buôn, chứ không có tình-ý gì. Tình cờ bà vợ của ông K. ở đầu lù-lù chạy tới đánh cô M. một cách vô cùng dã-man, và dùng những lời thô-bỉ để nhục mạ cô. Cảnh sát đến, mời cả ba người về bót. Nghe nói cô M. đã vào đơn kiện người đàn bà kia về tội hành-hung và mạ-ly trước công chúng. »

Một việc vặt thường xảy ra hằng ngày tại Sài-gòn, và các tờ nhật báo thông-tin cũng thường

đăng các tin ấy, nhưng mỗi tờ báo tường thuật mỗi khác. Nhiều khi trái ngược hẳn nhau. Biết bao nhiêu vụ xảy ra mà tin-tức các báo lại mâu-thuẫn với nhau một cách lạ-lùng, khiến người đọc báo hoang-mang không biết tờ nào nói đúng, và tờ nào nói sai.

Ông ký-giả báo X. muốn bình bà kia thì viết bài nói xấu cô này. Ông ký-giả báo Y. quen biết với cô này, lại viết bài nói xấu bà kia.

Chỉ có ông Quan Toà đọc hết cả các báo, xem những tờ khai của đương sự, và nghe những người chứng, mới thấu triệt chân lý của vụ đánh ghen.



Không cần nói các bạn cũng thấy rõ rằng một chuyện vặt hằng ngày xảy ra trong xã hội, như trên kia, chính là phản-ảnh của Lịch-sử một dân-tộc, trong một giai-đoạn tiến-triển nào đó của nó.

Có hai hạng người VIẾT LỊCH SỬ, cũng như có hai hạng phóng viên nhà báo viết tin vặt.

Có hai hạng người ĐỌC LỊCH-SỬ, cũng như có hai hạng người đọc tin trên các báo.

Không nói chi cho xa, về thời Hồ-quý-Ly, hay Tây-Sơn chẳng

hạn. Chúng ta hãy nhớ gần đây như thời kỳ Khôi-Định : Các nhà Viết Sử ăn lương Nam-triều thì gọi Phan-bội-Châu, Phan-châu-Trinh, là bọn phiếm-loạn, « tạo yêu thư yêu ngôn ». Các nhà Việt sử của nhân-dân thì tôn sùng hai ông kia là hai bậc Chí-sĩ, hai vị Anh hùng Dân-tộc.

Chúng ta là những kẻ đọc Sử. Nếu chúng ta chỉ đọc sử sách của Nam-Triều để lại, thì chúng ta cũng bị nhồi sọ bởi các sách ấy, mà cho rằng Phan-bội-Châu và Phan-chu-Trinh là hai kẻ nguy-tặc, phản vua, phản thầy Đại-Pháp, và chực làm loạn. Trái lại, nếu chúng ta chịu khó nghiên cứu tất cả các tài-liệu về sinh-hoạt chính-trị, và chủ-trương cách-mạng của hai ông kia, thì chúng ta không còn mù quáng nữa, mà nhận thấy rằng hai nhà họ Phan là hai vị Cứu-Quốc, Cứu Dân.

Lịch-sử Việt-nam, dưới thời Tự-Đức, có vụ Hồng Bảo, và giặc Chày Vôi.

Sử sách do các nhân viên Quốc-sử-Quán của Vua Tự-Đức viết ra, thì nhất định là suy tôn Vua Tự-Đức, đề cao bà Từ-Dũ, và khen ngợi Tể.

Tướng Trương Đăng Quế, một vị Đại thần có uy-quyền lớn của hai đời Vua.

Ngày nay chúng ta là kẻ hậu-sinh, nếu chỉ đọc những quyển sử của Nam Triều, như « *Thực lục tiền biên* », « *chính biên* » « *Liệt truyện tiền biên* », thì, dĩ nhiên, chúng ta hiểu Lịch-Sử đời Tự-Đức như Quốc - Sử Quán đã chép vậy.

Nhưng nếu chúng ta chịu khó tìm tòi học hỏi nơi các tài-liệu khác, tuy không phải « *chính thức* », — vì không phải của Nam Triều — nhưng đó là những tài liệu vô cùng quan-trọng do những Sử-gia của nhân-dân ghi chép, hoặc dưới hình thức bài vè, ca-dao, thơ, hoặc truyền tụng bằng miệng (sợ tội chết), thì họa chăng chúng ta mới tìm ra chân-lý Lịch-Sử.

Cũng như ông Quan tòa phải đọc hết cả các bài tường thuật của các báo, có khi mâu-thuẫn nhau, và các lời khai của đương-sự, và của nhân chứng, rồi mới tìm ra trạng huống xác thực trong vụ đánh ghen của bà lớn bà bé đầu đường Hồ-Xuân-Hương.

Ai cũng có quyền dẫn-chứng

các sử-liệu do các Sử-gia của vua Tự-Đức viết ra để bào - chữa cho vua Tự-Đức trong vụ Hồng Bảo bị chết oan, hoặc bệnh vực bà Từ - Dũ, hay Trương Đăng Quế. Nhưng không ai có quyền bắt buộc hết thấy mọi người phải công - nhận rằng những sử-liệu đó là xác thực hơn cả. Kẻ viết Sử của Vua, ăn bổng-lộc của Vua, muốn tăng bực vua thế nào cũng được. Nhưng kẻ đọc Sử cần phải sáng suốt, vô tư trong việc kê cứu, độc lập trong sự phán đoán, thì mới khỏi bị nhồi sọ và bị lầm lạc.

Chính Lê quý Đôn (1749) và Phạm Huy Chú (1820), là hai nhà Sử học vô-tư nhất, cũng đã than phiền rằng các quan chép sử nước ta cứ « *theo lệnh triều đình mà biên soạn* », cho nên « *sử sách có nhiều chỗ sai lầm lộn xộn* ». Hồi xưa thì như thế được, vì là đời quân chủ chuyên-quyền. Bọn hậu sinh chúng ta ngày nay phải thấp đuốc rọi vào các bóng tối của Lịch-Sử để tìm cho ra Chân lý.

Các nước Âu-Mỹ, dù là dưới các thời Vua chuyên chế, các nhà Sử-học, các nhà Văn-học, Triết-học, vẫn viết sách để lại hàng

kho. Nhờ vậy, ngày nay chúng ta nghiên-cứu, biết rõ hết thực trạng xã-hội và chính-trị của các Dân-tộc Tây phương, dù là dưới các thời đại César, Néron, Alexandre, Pierre le Grand, Henri VIII, Louis XVI, Napoléon...

Ở nước ta, trái lại, từ đời Hồng-Bàng đến nhà Nguyễn hầu hết là sử sách của các quan Đại Thần biên chép sơ-sài, thiên vị, theo lệnh Vua Chúa một thời.



Nhưng tệ-hại ấy không kéo dài được nữa. Chính-phủ nào dù độc tài đến đâu chăng nữa, cũng chỉ biểu-dương oai-quyền được một

thời-gian mà thôi. Bài học của Hitler, Mussolini, Staline, đã quá rõ ràng. Các nhà Sử học của nhân dân, âm-thầm, lặng lẽ, gom-góp các tài liệu mất thấy tổ-trường, tai nghe minh-xác, sẽ đưa ra chân-lý Lịch-sử cho muôn thế-hệ tương lai. Nhờ vậy chúng ta đã phục-hồi uy-quyền và địa-vị xứng đáng của những nhân vật đã bị nguyên rủa, bị đào mả, đốt xương, như Hồ-quý-Ly, như Nguyễn-Huệ...

Cũng như ông Quan Tòa đã phán-xét minh-bạch vụ đánh ghen chiều thứ bảy trên một đường phố Thủ-đô !

N.V.



★ CHỒNG CHUNG

Đã hết hè. Lan và Huệ rủ nhau đi mua sách vở. Phụ-nữ thì làm cái gì cũng lâu, kể cả trang. điềm. Họ cố ra công chọn vở bìa một màu, mỗi người đã để riêng được một chồng khá cao. Lan thoáng thấy Huệ đặt tay lên chồng vở của mình, liền la :

— Đùng, đùng lấy lộn chồng của tao mày !

— Không, chồng này của tao chứ.

Khi ấy có một chàng thanh-niên đang đứng gần mỉm cười lên tiếng can - thiệp :

— Thôi, hai cô lấy chung một chồng vậy !

TÚY HỒNG
(Huế)

NHỮNG SUỐI NƯỚC NÓNG



Ở NHẬT-BẢN

TRONG mấy năm vừa qua, hàng ngàn suối nước nóng ở khắp nước Nhật đã thu

hút rất nhiều du khách và trở thành những nơi thắng-cảnh vô cùng náo-nhiệt.

Về mùa Xuân và mùa Thu, những nơi danh thắng ôn-tuyền này đều tấp nập tưng bừng, đầy

★ S. NAKAMURA

NHỮNG SUỐI NƯỚC NÓNG

khách thập phương lui tới du ngoạn. Nhiều người vô tình ghé qua thường không kiếm được chỗ trọ nếu không giữ chỗ trước ít nhất là một tháng.

Thời tiền chiến, rất ít người chú trọng đến suối nước nóng, chỉ có một số nông dân lui tới thăm viếng hay tìm chỗ nghỉ ngơi sau những ngày mùa vất-vả, hoặc một số người muốn lánh xa nơi đô-thị nóng nực ồn-ào.

Ngày nay những suối nước nóng này được đa số dân chúng chú trọng đến và trở nên những thắng cảnh có danh tiếng. Quang cảnh náo nhiệt và phồn-thịnh ở những ôn-tuyền đã làm cho các chủ tiệm ngày càng mở thêm nhiều khách-sạn và nhà hàng để đón tiếp du khách. Có nhiều chủ-nhân đào thêm nhiều suối nước nóng khác, đôi khi làm cho nước suối khan hiếm.

Dưới đây là những nét đại-cương hướng dẫn các suối nước nóng ở rải rác khắp nước Nhật.

● 11.886 suối nước nóng

Vì Nhật-Bản là một nước có nhiều núi lửa, nên được liệt vào hàng quốc-gia có nhiều suối nước nóng danh tiếng vào bậc nhất thế-giới. Sự thật này không

những được chứng tỏ bằng số-lượng các ôn-tuyền của Nhật, mà còn đáng chú ý hơn nữa là giá-trị và nhiệt-độ của nước suối có đặc-tính chữa bệnh rất hiệu-nghiệm.

Tính tới cuối năm 1957, khắp trong nước có 1.335 suối nước nóng được kể là những thắng-cảnh ôn-tuyền. Đứng đầu bảng kê là địa-hạt Niigata có 97 suối, rồi đến Nagano có 87 suối, Fukushima có 83 suối, Akita có 69 suối và Hokkaido có 63 suối.

Tổng số ôn-tuyền toàn-quốc lên tới con số khủng-kh khiếp là 11.886 suối. Bộ Cứu-tế Xã-Hội phụ-trách về các danh thắng ôn-tuyền đã ấn-định 21 suối nước nóng làm nơi thắng cảnh quốc-gia kể từ năm 1954. Mục-đích việc chỉ-định này là để giúp điều-kiện dễ dàng cho công-chúng du ngoạn các suối nước nóng tương đối chỉ tốn rất ít tiền.

Nhiều trung-tâm giải-trí trong các đô-thị có thêm suối nước nóng, như tại Đông-Kinh và Osaka, theo sở-thích của dân-chúng ở các đô-thị lớn. Sở-thích này cũng đã thấy xuất-hiện tại các đô-thị nhỏ.

Hiện nay, ở rải-rác khắp trong nước đang đào thêm nhiều giếng nước nóng. Đáng chú-ý

là công-cuộc của Bộ Cứu-tế Xã-Hội đang đào hơn 50 suối nước nóng tại Nanki dọc theo đường xe lửa Kisei mới hoàn thành tại đô-thị Wakayama.

Gần đây có tin sắp thành lập một thiết-lộ nối liền Ito và Shimoda (thuộc đô-thị Shizuoka), tin này vừa mới được loan báo đã gây một phong-trào đào giếng nước nóng dọc theo con đường gần Ito. Người ta nói rằng đào được một giếng tốt thì chủ-nhân sẽ kiếm được số lời từ 10 triệu đến 20 triệu Yen và giá-trị những thửa đất kề cận cũng sẽ tăng vọt lên. Hiện nay trong quận này đã khởi công đào trên 20 giếng, vì người ta dự trù sẽ có không biết bao nhiêu du khách lui tới sau khi đường xe lửa hoàn-thành.

Tại nhiều quận khác trong nước cũng đang dự trù đào giếng nước nóng như trên do những nhà kinh-doanh nuôi hy-vọng làm giàu bằng cách đào trúng được một giếng tốt.

● Tất cả người Nhật đều du-ngoạn mỗi năm một lần

Theo bản khảo sát của Bộ Cứu Tế Xã - Hội công bố, lối 4.800

khách - sạn và nhà hàng được thiết-lập tại các danh-thắng nhiệt tuyến rải rác khắp trong nước. Hết thấy có chừng 790 hồ tắm và nhà tắm bằng nước suối nóng, ngoài ra còn có 1.300 biệt-thự và lưu-trú-xá có suối nước nóng, của Chính-phủ và của các công-ty tư-nhân.

Trong số 102 bệnh-viện quốc-gia và dưỡng-đường rải rác khắp trong nước thì phần lớn đều dùng suối nước nóng cho bệnh nhân trong thời kỳ dưỡng bệnh. Bộ Cứu-Tế Xã-Hội ước lượng mỗi năm có chừng 100 triệu người được tiếp nhận tại các khách sạn và nhà hàng ở các suối nước nóng. Như vậy nghĩa là tất cả dân Nhật-Bản đều có du ngoạn ôn-tuyền mỗi năm một lần.

Gần đây dân-chúng đua nhau thăm viếng các suối nước nóng đến nỗi các khách-sạn chật ních không còn chỗ chứa, nhất là trong mùa du - lịch, không thể nào kiếm được một phòng trọ tại một suối nước nóng có danh tiếng, nếu không giữ chỗ trước rất nhiều ngày.

Tuy nhiên các chủ nhân khách-sạn và nhà hàng đều muốn những tiện-nghi của mình được đa số quần chúng sử dụng, hơn là chỉ

theo sở-thích của một số ít người giàu có. Vì vậy Bộ Cứu-Tế Xã Hội dự định trong tương lai sẽ tăng thêm số thắng cảnh quốc-gia có suối nước nóng được chỉ định, để mỗi quận trong nước đều có ít nhất một thắng cảnh ôn-tuyền.

Vì khách - sạn mở mang và giếng mới đào thêm nhiều cho nên giá trị của suối nước nóng

bị ảnh-hưởng về phẩm-chất và dung lượng xuất phát cũng kém sút đi. Có nhiều khoáng-tuyến bị khan hiếm nước và nhiệt-độ nước suối cũng giảm xuống rất nhiều. Theo bản ước lượng của Bộ Cứu-Tế Xã-Hội, tổng số nước suối nóng tiêu-thụ trong toàn-quốc vào khoảng 391.800 triệu lít mỗi năm.



★ Thời buổi làm tiền

Buổi sáng, trước khi đi chợ, bà Ba bảo cậu con trai 8 tuổi:

— Con ở nhà quét cái sân cho sạch. Chốc nữa má về, má sẽ thưởng cho con 2 đồng ăn kẹo.

Một giờ sau, bà Ba về, thấy sân sạch-sẽ, thưởng cho cậu con trai 2 đồng và kịen:

— Con ở nhà quét sân giỏi lắm.

Cậu con trai vội đáp:

— Con đâu có quét, má! Con chia cái sân ra làm 5 khoản, con gọi 5 thằng bạn của con đến rồi bảo đứa nào quét sạch nhất con cho 5 cắc. Như vậy, con còn được lời 1\$50, mà khỏi quét sân

B.T.

QUẬN HE

(Nguyễn - hữu - Cầu)

VÙNG VÃY TÁM NĂM

tại Bắc - Hà

* HỒ THỊ HỒNG

Tôi biết câu chuyện của Phạm-dình-Trọng và Nguyễn-hữu-Cầu thuở tôi còn bé. Mỗi bận giờ cuốn «*Luân-lý Giáo-Khoa thư lớp Sơ-Đặng*», tôi lại thích thú ngắm hình vẽ Hữu Cầu ngồi xếp bằng trong củi gỗ, cổ đeo gông; và đằng sau Phạm-dình-Trọng ngồi trên lưng ngựa có lính cấp gươm theo hầu. Thuở ấy, tôi phục Đình-Trọng và ghét Hữu-Cầu lạ-lùng. Có lẽ vì Đình-Trọng : «... lẽ-phép, biết kính trên nhường dưới, đủ điều hiếu thảo, thực là một người nết nài ai thấy cũng khen. » Còn

Hữu-Cầu thì «... vô lễ, vô phép, & nhà không nghe lời cha mẹ, không thuận-hòa với anh em, ra đường thì lừa thầy dối bạn, thực là một người gian-giảo, ngộ-nghịch ». Ông thầy dạy hai người đã tiên-đoán Đình-Trọng rồi sẽ làm quan, danh tiếng lừng lẫy, Hữu-Cầu lại vì « có học mà không có hạnh, ngày sau chắc là một đứi gian nghịch » nên sẽ là giặc cướp.

Hữu-Cầu đi làm giặc, đúng như lời tiên-đoán của ông thầy. Nhưng sau này, tôi thường tự-hỏi : Hữu-Cầu có phải vì ngộ-

ngịch mà làm giặc không, y là người thế nào, đã làm những gì mà sử sách còn nhắc tới mãi; và Hữu-Cầu có phải chỉ là một tên giặc cướp không?

Viết bài này, tôi muốn đưa ra một số dẫn chứng để minh oan cho Cầu, vì thực ra Cầu không chỉ là một tên giặc thường, như các kẻ đồng thời. Những đoạn sau sẽ cho ta thấy Cầu đã gây khó khăn thế nào cho triều đình lúc ấy. Và muốn hiểu rõ hơn về Nguyễn-hữu-Cầu, Thiết tưởng nên xét qua tình trạng Xã-hội ta dưới thời họ Trịnh làm Chúa ở Bắc-hà.

* Xã Hội Việt-Nam từ UY-MỤC đến HIỂN-TÔNG

Triều Lê suy từ khi Lê-Uy-Mục lên ngôi (1505 — 1509) cho đến Lê-cung-Hoàng (1527) thì ngôi vua về tay họ Mạc. MẠC - ĐĂNG - DUNG hàng quân Minh, làm nhục quốc thể. Trong phải lo chống lại các đạo quân khởi nghĩa với danh-hiệu phò Lê» mà mạnh nhất là Nguyễn-Kim (kế tiếp là Trịnh-Kiểm). Có thể nói rằng từ lúc mới lập cho đến ngày tàn của

nhà Mạc, nước ta không hề được thái-bình.

Nhà Lê trung-hưng ở Thanh-hóa, nước ta lúc ấy có hai triều vua, Bắc-triều là nhà Mạc; Nam-triều thì nhà Lê. Miền Nam, Trịnh-Tùng thay thế Trịnh-Kiểm, lộng hành. Vua Lê-Anh-Tông và 4 Hoàng-tử phải bỏ trốn (sau bị giết), quân Mạc lại vào đánh luôn. Sau một thời gian cố thủ. Năm Tân-mão (1591) Trịnh-Tùng chia 5 vạn quân cho Thái-phó Nguyễn-hữu-Liên, Thái-úy Hoàng-dình-Ái, Lân quận-Công Hà-thế-Lộc, Thế quận-Công Ngô-cảnh-Hữu và tự mình đem hai vạn quân cùng kéo ra Bắc. Mạc Mậu-Hợp điều động 10 vạn quân, cùng Mạc-ngọc-Liên, Nguyễn-Quyện chia làm 3 đạo chống cự. Tháng giêng năm Nhâm-thìn (1592) Trịnh-Tùng đánh bật Mạc-ngọc-Liên, Bùi-văn-Khue và bắt sống được Nguyễn-Quyện, chiếm thành Thăng-long, san phẳng thành lũy xong thì rút về Thanh-hóa.

Năm sau, Quý-tỵ (1593) Trịnh-Tùng lại ra đánh bắt được Mạc-mậu-Hợp, chiếm Thăng-long. Con cháu họ Mạc

chạy lên miền núi.

Tháng được họ Mạc, Trịnh-Tùng còn phải đương đầu với nhà Minh. Tháng 3 năm Bình-hân (1596) Thượng-thư Đổ-Uông và Đờ-ngự-Sử Nguyễn-vân-Giai lên tiếp sứ Tàu ở Nam-quan; tiếp đến là hai Hoàng-thân Lê-Cánh và Lê-Lựu cùng Công-bộ Tả thị lang Phùng-khắc-Khoan đem vàng, bạc và cái ấn cũ nhà Lê, cùng ấn vua Tàu ban cho họ Mạc lên cho quan Tàu xét.

Tháng 4 năm sau (1597) vua Thế-Tông lên hội kiến lần thứ hai với quan Tàu ở Nam-Quan, có Thái-úy Hoàng-đình-Ái hộ giá. Sau đó Phùng-khắc-Khoan đi sứ Tàu để cầu-phong. Vua Tàu phong cho vua Lê làm An-nam Đờ-thống-sứ, và buộc để đất Cao-bằng cho họ Mạc. Trịnh-Tùng bắt đắc dĩ phải nghe theo.

Năm Canh-tí (1600) một số quan lại không chịu được sự lộng hành của họ Trịnh khởi binh chống lại ở cửa Đại-an (Nam-Định), Thái-úy Đoan-quận-Công Nguyễn-Hoàng mượn cơ đi dẹp loạn ấy, rồi trốn vào Nam, sau 8 năm ở lại đất Bắc giúp Trịnh-

Tùng đánh dẹp giặc giả. Sự ra đi lần này của Nguyễn-Hoàng mở đầu cho cuộc nội chiến Nam-Bắc trong suốt 45 năm. Từ năm Đinh-mão (1627, đời Lê-Thần-Tông) đến năm Nhâm-tí (1672, đời Lê-Gia-Tông), quân 2 bên đánh nhau đến 7 lần, quân sĩ chết hại nhiều, thường dân cũng thiệt hại không kém.

Gần nửa thế kỷ, hai bên chỉ lo đánh dẹp, lương tiền hao tổn dân gian cũng như quân lính phải chịu đủ điều cực khổ. Trại tráng phải đi lính, đi phu, xây đồn lũy (Trường-dục, Trục-lê...) Nhưng miền bị dùng làm chiến trường (từ Quảng-binh ra Nghệ-an, Thanh-hóa) dân gian còn làm sao yên ổn mà canh-tác. Xã-hội ta là xã-hội nông nghiệp, mà dân lại bị dùng nhiều vào việc chiến-tranh, ruộng vườn thiếu người làm lụng. Lại ở Bắc-hà có nội loạn luôn luôn, dân không còn bụng dạ ăn làm nữa. Trong khi ấy các vị chúa cuối giòng họ Trịnh lại ăn chơi xa-xỉ, sự áp bức vua

Bài này viết theo sử-liệu của Trần-trọng-Kim (Việt-Nam sử-lược).

Lê ngày càng tăng. Quần chúng phần uất vì phải cung phụng đủ mọi thứ cho gai cấp quý-tộc để họ tranh giành nhau. Vua lại vô quyền, tôi trung bị giết. Loạn từ trong giai cấp thống trị cho đến đồng quê. Cho nên, hễ có một ai vùng lên chống lại chính quyền là dân nổi lên theo ngay. Tình trạng nước ta lúc bấy giờ thực là rối ren và đen tối hơn bao giờ hết trong lịch-sử.

Ta kể ra đây các cuộc nổi loạn lớn hơn cả.

— Trước tiên là các người Tôn-thất nhà Lê nổi dậy đốt kinh thành như Lê-duy-Quy, Lê-duy-Chức, Lê-duy-Mật. Việc bị bại, Lê-duy-Mật từ bỏ kinh thành (1738) trốn sang Trấn-ninh. Năm Giáp-tí (1764) Duy-Mật cầu chúa Nguyễn-vũ-Vương giúp. Năm Đinh-hợi (1767) về đánh Hương-Sơn và Thanh-Chương, chúa Trịnh dụ hàng nhưng không được. Năm Kỷ-sửu (1769) Bùi-thế-Đạt, Nguyễn-Phan và Hoàng-đình-Thế vây Trấn-Ninh. Vì con rể là Lại-thế-Chiều làm phản, Duy-Mật cùng vợ con thua phải tự hỏa thiêu.

— Giặc Ngân-già tức nhóm Vũ-dình-Dung, Tú-Cao, Đoàn-

danh - Chấn cầm đầu ở vùng Ngân-già (Sơn-nam) năm Canh-thân (1740). Giặc này giết được quan Đốc-linh Hoàng-kim-Qua. Trịnh-Doanh thân đi dẹp mới yên.

— Giặc Ninh-Xá do Nguyễn-diên, Võ-trác-Dánh chiếm vùng Từ-sơn, Thuận-thành, Nam-Sách và Hồng-châu, năm Kỷ-mùi (1739). Cùng lúc ấy có Nguyễn-Cừ chiếm đất Đổ-lâm ở Gia-phú, Nguyễn-Tuyển ở núi Phao-sơn (Chí-linh) quân lính hàng vạn người. Năm Tân-Sửu (1745) Thống-linh Hải-dương là Hoàng-nghĩa-Bá đánh bại Nguyễn-Tuyển, và Hiệp-đồng Phạm-đình Trọng bắt được Nguyễn-Cừ ở núi Ngọa-vân (vùng Đông-Triều).

— Nguyễn-danh-Phương tục gọi là Quận Hèo, trước theo hai tên Tể và Bồng làm loạn ở Sơn-tây. Sau khi Tể và Bồng bị Chinh-tây đại-tướng quân Võ-tá-Lý bắt, Danh-Phương giữ ở Tam-đảo (1740). Năm Giáp-tí (1744) Danh-Phương hùng cứ vùng Tuyên-Quang, lập ra một nước riêng vùng vậy gần 10 năm trời. Năm Canh-ngọ (1750) Trịnh-Doanh thân đi dẹp.

tướng Nguyễn-Phan đánh tan quân Danh-Phương, Phương bị bắt ở làng Tỉnh huyện, huyện Lập-thạch.

— Hoàng-công-Chất, cũng nổi loạn một lần với giặc Ninh-Xá. Năm Ất Sửu (1745) giết trấn thủ Sơn-nam. « Việt-sử thông giám cương-mục » ghi như sau : « Hoàng-công-Kỳ trấn-thủ Sơn-nam, bị bọn Hoàng-công-Chất đánh bắt giết. » (Chính biên XL, tờ 18). Công-Chất chiếm giữ phía bắc Hưng-hóa và bị bệnh chết. Năm Kỷ - Sửu (1769) Thống-linh Đoàn Nguyễn-Thục lên đánh. Con Chất là Hoàng-công-Toản thua chạy sang Vân nam.

— Tóm lại, tình trạng nước ta trong quãng thời gian này vô cùng rối loạn. Nội loạn liên miên, hết đám này đến đám khác, quan quân không ngừng đánh dẹp. Dân chúng sống trong hoang mang lo sợ, nào cung đốn cho lũ giặc cướp, nào phục tùng triều-đình ; tất cả mọi hoạt động đều bị ảnh-hưởng. Lực-lượng triều đình cũng như dân gian đều suy yếu. Dân gian chỉ được hưởng chút thái bình vào quãng thời gian các chúa Trịnh.

Tạc, Trịnh - Căn và Trịnh-Cương cầm quyền mà thôi. Và sự suy yếu khởi nguồn từ lúc này là nguyên nhân của sự sụp đổ ngôi vua họ Lê và kéo luôn theo ngôi Chúa của họ Trịnh vào đời Trịnh-Khai.

*** Nguyễn - hữu - Cầu con người làm tội chúa Trịnh làm phen lao-đao.**

Sử không ghi rõ Hữu-Cầu ở làng nào, chỉ chép là người Hải-dương. Căn-cứ theo « Nam sử liệt truyện khảo-cứu » của Lê-thúc-Thông đăng trong Nam - phong tạp - chí, số 101, Décembre 1925 thì Nguyễn-hữu-Cầu người làng Tỏi-động, huyện Thanh - hà, tỉnh Hải-dương. Tục gọi là quận He. Ngoại truyện có chép, lúc nhỏ Hữu-Cầu học với Phạm-đình-Trọng một thầy. Đình-Trọng thì thông-minh, Hữu-Cầu đã dốt lại ngỗ-nghịch, thường bị thầy la đánh. Một ngày nọ, thầy ra về đời rằng :

— Mục thị Hạng-Vũ.

Đình-Trọng đời lại :

— Dục tế Bái-công.

được thầy khen. Còn Hữu-Cầu

vì dốt, lại không biết biện ngẫu thể cách ra làm sao, vụt đời như sau :

— Vũ tự lập vi Tây sở bá Vương.

Câu đời ấy làm học trò cả trường cười ò. Lúc ra cửa, Hữu-Cầu bảo Đình-Trọng rằng : « Thầy nói mày sau làm quan lớn, ta sau quyết làm giặc đánh mày ».

Lớn lên, Hữu-Cầu lấy con gái Nguyễn - Cừ là Nguyễn - thị - Quỳnh làm vợ. Khi Nguyễn-Cừ làm loạn, Hữu-Cầu theo giúp nhạophụ. Hữu-Cầu sức khoẻ, lúc ra trận hai tay hai siêu đao quay như chong - chóng, quan - quân thấy đều khiếp sợ. Nguyễn-Cừ bị bắt, Hữu-Cầu một mình cầm quân, gây cho chúa tể họ Trịnh nhiều phen thất điên bát đảo. Dân Bắc-hà tặng Hữu - Cầu danh hiệu « Nam-quốc Hạng-vũ ».

Lúc Phạm đình-Trọng được đi dẹp Hữu - Cầu. Cầu bèn đào mã thân mẫu Đình-Trọng đổ xuống sông, khiến sau này vì mối thù đó, Đình-Trọng thề quyết giết Hữu-Cầu, cương cả lệnh của chúa Trịnh cho Cầu về hàng. Năm Bính - dần (1749) vì yếu thế, Hữu-Cầu xin hàng và được Trịnh - Doanh

phong làm tướng-nghĩa Hầu. Nhưng Hữu-Cầu lại phản, Trịnh Doanh cho Tham-Tri Nguyễn-phi-Sảng đi triệu Hữu-Cầu về. Đang lúc hội đàm thì Đình-Trọng đem quân đánh úp. Cầu thua chạy. Và từ đó lại mộ quân chống lại Triều Đình.

Ngay lúc mới khởi binh vào năm Quý-hợi (1743) Hữu-Cầu đã giết được quan Thủy-Đạo Đốc-Binh Trịnh-Bằng, rồi xưng làm « Thống-quốc Bảo dân Đại tướng quân ». Các tướng của triều đình ngoại trừ Phạm-đình-Trọng đều lần lượt bị Hữu - Cầu cho ném mũi bại trận. Hữu - Cầu là người võ dũng lại nhiều mưu, (ở những trận đánh với quan quân sau đây ta sẽ thấy rõ hơn) ngày thường chuyên cướp nhà giàu và quan quân rồi lại chia cho dân nghèo. Bởi thế rất được lòng dân, dù có bị thua không còn một tên lính, thoát thân được vài ngày, Cầu lại có trông tay vài vạn binh lính ngay.

Năm Tân-vị (1751) Hữu-Cầu bị thua chạy vào huyện Nam - Đường (Nghệ - an), hợp đảng cùng tên Diên, bị Đình - Trọng đuổi theo đánh. Hữu-Cầu chạy đến làng Hoàng-mai thì bị bắt,

nhằm năm Cảnh-hưng thứ XII, Càn-long thứ 16, nhà Thanh bên Tàu.

Hữu-Cầu chết, vợ là Nguyễn-thị Quỳnh có văn khóc rằng :

« Nhớ từ xưa một đoàn ong đây, dựng lê hoa vọi vọi ngất trời ;

Nhận tới khi bốn bể hùm reo, chốn bình địa âm âm nổi sét »(1)

Sử có chép lúc Cầu bị giải đến làng Xuân-hi, huyện Kim-anh thì gặp quân Trịnh-Doanh vừa bắt được Nguyễn-danh-Phượng giải đến đây. Trịnh-Doanh mở tiệc khao quân, bắt Phượng dâng rượu và Hữu-Cầu thổi sáo. Về đến Thăng-long thì chém cả hai.

Nguyễn-hữu-Cầu một mình một ngựa, hô một tiếng có ngay hàng vạn binh-sĩ, chọc trời khuấy nước luôn trong 8 năm trời. Cả

một vùng Bắc-hà cho đến Nghệ an đều nghe danh biết tiếng. Hàng tướng tá của triều-đình đều chạy mặt Cầu. Trịnh-Doanh đã phải quở mắng các danh tướng như Hoàng-ngũ-Phúc, Đinh-văn-Goài. Có lần Cầu đánh sát về kinh-đô gây náo động cả một vùng sông Nhị. Để thấy rõ những khó khăn của triều-đình trong việc đánh Quận He, tôi xin đưa ra đây các trận đánh lớn giữa các tướng chúa Trịnh với quân Nguyễn-hữu-Cầu.

Đọc qua các cuộc gặp gỡ giữa hai bên, ta mới thấy được Nguyễn-hữu-Cầu không chỉ là một tên giặc cướp tầm thường. (Còn nữa)

(1) Nam-Sử liệt truyện khải Cửu. Nam - phong số 101. décembre 1925.



★ DANH NGÔN : Không gian và thời gian

Tham vọng của con người thường thay đổi, tùy theo tuổi tác. Trẻ thì thích không gian, già lại thích thời gian.

(L'homme change d'ambition avec l'âge. Jeune il vent l'espace. Vieux, il vent le temps).

PAUL MORAND
(Văn sĩ Pháp)

mộng-ước

Mây hơi, về đâu ? Mây ở đâu ?
Đường xa heo hút, gió kêu sầu.
Nửa trang tâm-sự buồn ray rứt
Lộng ý mùa Thu, giăng mắt sầu.

Nét bút trình nguyên chừng cả thẹn
Giường tim sai nhịp, thờ diên cuồng
Cổ chôn tiếng nấc linh hồn héo
Vào đây mờ xanh, tả phần hương.

Muốn hét cho to, thấu tận trời
Ngõ ngang, chẳng được mấy lăm hơi
Chống tay viết nốt bài thơ tím
Sương bụi u-sầu lớp... lớp... rơi.

Tha thiết từ lâu một mển thương
Hai mươi năm trọn, khấp đầu buồn
Mà chưa tìm được người Tri-kỷ
Đành gửi tình chôn trong gió sương.

Những tháng buồn, thương, gặm nát tim
Những đêm hoang lạnh đến ghê mình
Xem đi... xem lại bài thơ cũ
Mà tưởng lời ai trong vắng im.

Tội lắm, người ơi, nữ ngoảnh đi.
Tuổi hoa, không đời Ngọc kình kỳ
Chỉ đem thơ tím vào tâm sự
Mà đời tình thương, chẳng ngại chi.

Người sẽ cùng tôi kết ý thơ
Tô xanh mái tóc, cột mộng chờ
A ha, ngày ấy, niềm thương tự...
Tám hướng về theo một mối mơ.

MẠC LỆ KIỀU
(Đài phát thanh—Đalat)



● NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo PT số 54)

Thằng Chuột thật là quái-ác! Thanh đã dặn nó đừng tiết - lộ cho ai biết câu chuyện « bức thơ quốc-ngữ » của cô Ba Hội gửi cho chàng, thế mà thằng nhỏ « lặc-léo mè-dòng-lô » cứ quen tính bép-xếp, đi mách lẻo cùng cả dây phố, làm cho ai nấy cũng phải ôm bụng cười.

Bống - dựng cô Ba Hội nổi danh khắp xóm cửa Bắc, rồi dần dần khắp tỉnh-ly, vì mấy giòng « thơ bất tận ngôn » của cô viết bằng chữ Quốc - ngữ để thách đố cậu bốn Thanh. Chàng thanh - niên Nho-sĩ đã nổi tiếng là thuộc lâu kinh-sử của Kh ông - Mạnh không dè lại bị cô con gái của ông Bá-Hộ chế-nhạo là không đọc được văn A. B. C.

Từ hôm đó, cả ngày Thanh không dám bước chân ra phố.

Chàng lén đưa tiền bảo thằng Chuột mua giùm cho chàng « một manh giấy tây », « một cán bút sắt » một viên phàm tím để hòa thành mực, và nhờ thằng Chuột cứ tới tới đến dạy cho chàng học « chữ Quốc-ngữ ». Thằng Chuột đâu phải « giáo-sư » ! Nhưng năm 1910, tìm đâu cho ra cả xóm cửa Bắc một ông Thầy Giáo dạy chữ Quốc-ngữ ! Hầu hết thanh - niên trong vùng cũng như khắp nơi,

còn trung-thành với Kh ông-học, và không dám từ bỏ nề - nếp Nho-phong. Chỉ có mỗi một mình thằng Chuột, con chú thợ nề, là « lặc-léo-mè-dòng-lô » mà thôi. Cả xóm đều biết rằng vì vợ chồng chú nghe thầy Giáo hăm dọa nếu không cho thằng Chuột đi học trường Nhà-Nước thì sẽ bị Quan Sứ bỏ tù cho nên cực chẳng đã chú thím phải cho thằng con trai đi học « chữ Quốc-ngữ » và « chữ Tây » đó thôi.

Thằng Chuột học hết văn xuôi văn ngược, và đã tập viết, tập đọc, ba tháng sau khi đến trường. Bây giờ nó dạy lại cho cậu bốn Thanh học A. B. C.

Nhưng thân-sinh của chàng, là ông Xá, không bằng lòng. Một hôm ông rầy chàng với một giọng tức-bực :

— Mày đã 18 tuổi, thằng Chuột 9 tuổi mà nó làm Thầy mầy, thiệt ố-t-nhột quá.

Chàng trả lời :

— Thưa cha, ở xóm mình không có ai biết chữ Quốc-ngữ, con phải học nó.

Ông Xá ngồi trong nhà nhai trà, đôi mắt rầu-rĩ ngó ra ngoài trời, ông than thở :

— Sách Thánh-Hiền có dạy :

Quân, Sư, Phụ. Trên hết là Vua, rồi đến Thầy, dưới hết mới đến Cha. Mày để cho thằng Chuột làm Thầy mầy, cũng khác nào mầy để nó ngồi trên đầu tao.

Chàng thanh-niên Nho - học, nghe cha nói có lý, không dám cãi. Chàng rưng-rưng nước mắt :

— Thưa cha, hôm nay con đã thuộc hết văn xuôi, văn ngược. Con đã đánh văn được rồi. Vậy con xin vâng lời Cha, từ nay con không học thằng Chuột nữa.

— Ủ, thôi, con à. Người « An-Nam » học « chữ An-Nam » ; chứ học « chữ Tây » làm gì !

— Thưa Cha, chữ Quốc-ngữ không phải là chữ Tây.

— Tao nghe mầy học A, B, C, đó là chữ của Tây chứ đâu phải « chữ Ta » ?

— Thưa Cha, chữ Tây nhưng đánh văn thành ra chữ ta. Thí dụ như con muốn viết chữ « cha », thì con đánh văn là *ch-a-cha*. Chữ « Mẹ » thì đánh văn là *M-e-me-nặng-me*.

Ông Xá lại hỏi :

— Còn « lặc-léo-mè-dòng-lô » là gì ?

— Thưa Cha, đó mới là chữ Tây, như thằng Chuột học trong trường Tỉnh.

Tối hôm ấy, thằng Chuột đến



Thằng Chuột, (Trần-anh-Tuấn)

như mấy đêm trước. Nhưng lần này cậu Bốn Thanh bảo nó :

— Tao đánh vần quốc - ngữ được rồi. Vậy thì từ nay mày đừng đến nữa.

Thằng Chuột cười hóm-hỉnh :

— Anh đánh vần chữ...

«Chuột» cho tui nghe có trúng không đã nào ?

— Chuột, thì : ch-u-chu, u-ô-t-uốt là chuột, nặng chuột.

— Chữ... « Mèo » ?

— Mèo, thì : M-e-me-o-eo, là meo, huyền mèo.

— Bây giờ tui đố anh 3 chữ, anh đánh vần được hết 3 chữ, thì anh giỏi.

— Ba chữ gì, đố đi !

— Ba chữ : *Cô Ba Hợi*

Thanh cười ha-hả, đỏ cả mặt, tía cả tai :

— Ba chữ đó dễ ợt : *C-ó-có, B-a-ba, H-ơ-hơ, ơ-t-ơt, là hơt nặng hợi.*

Thằng Chuột khoái-chí, cười sắc-súa :

— Tui cho anh đố *Cử-nhơn* đó!

Thanh vào nhà giữa xin cha một quan tiền, để trả ơn cho thằng Chuột. Ông Xá bảo :

— Tiền, cha cất ở dưới rương, con vô lấy.

Thanh cầm một quan tiền ra để trên bàn trước mặt thằng Chuột :

— Tao trả ơn mày dạy chữ Quốc-ngữ cho tao đó.

— Thôi, tui không lấy tiền đâu.

— Sao vậy ?

— Tui dạy chơi cho vui mà, anh Bốn.

— Tao đọc, tao viết được chữ Quốc-ngữ, cũng nhờ ơn mày. Tao đền ơn mày.

Đấy chàng nhanh-niên nhỏ-sĩ Lê-văn-Thanh



Bán tự vi sư, dù sao mày cũng là thầy tao.

— *Nhất tự vi sư, bán tự vi sư* là gì vậy, anh Bốn ?

— Bậy nà ! *Nhất tự vi sư, bán tự vi sư* nghĩa gì, anh Bốn nói kỳ quá.

— Một chữ là Thầy, nửa chữ cũng là Thầy, huống chi mày dạy tao học hết vần xuôi, vần ngược, rồi đánh vần, tập viết, tập đọc. Tao phải biết ơn mày chứ.

— Thôi anh Bốn, tui không lấy tiền đâu. Tui mà lấy tiền, về Cha tui ông đánh tui chết.

Thằng Chuột nói xong, bỏ chạy một mạch ra về.



Thanh ăn cơm tối xong, pha trà cho Cha, rồi lấy sách *Mạnh-Tử* ra đọc chương *Lương-Huệ-Vương*. Hết canh một, ông Xá ngủ, chàng mới xếp sách *Mạnh-Tử* để trên đầu giường, và len-lén lấy tờ «giấy Tây», «cán bút sắt» và bình mực tím ra ngồi bàn. Dưới ngọn đèn dầu-phong (1), chàng vừa đánh vần, vừa viết như sau đây :

Cô Ba Hợi,

Sách Thánh - Hiền có dạy : Quân tử chi học giả, dĩ mỹ kỳ thân, tiểu-nhân chi học giả, dĩ vi

(1) *Dầu phụng, dầu lạc, thông dụng trong các gia-đình Việt-Nam vào khoảng 1900-1914, cả ở thành-thị vì bấy giờ chưa có dầu hỏa.*

cầm độc (2). Tôi phải học chữ Quốc ngữ cũng vì cô, nói thật ra cũng nhờ cô khích-lệ mà nay tôi mới khỏi thua sút một người yêu-điều thực-nữ, tôi mới được dĩ-mỹ kỳ thân, chứ không đến nỗi dĩ vi cầm độc. Thật là muôn tạ ơn cô, vạn bội, vạn bội.

Ba tháng trước đây, khi cô trao cho tôi lá thư đầu tiên bằng chữ Quốc-ngữ, nếu là người con trai nào khác thì chắc có lẽ họ giận cô lắm. Nhưng kẻ tiện-sĩ này thật không dám giận cô. Vì tôi trộm nghĩ : huyết-khí chi nộ bất năng hữu, nghĩa-lý chi nộ bất năng vô (3), nhưng tôi không có cái huyết-khí chi nộ, mà cũng không có cái nghĩa lý chi nộ. Tôi cho rằng lá thư khinh thị của cô chính là một lời khích-lệ, cô đã khuyến-khích tôi học chữ Quốc ngữ đó chẳng ? Cho nên tôi đã không giận cô, mà còn tuân theo tôn-y của cô nữa. Phù chí, khí chi sủy giã ; khí thể chi sung giã. (4) Thừa cô Ba, có phải vậy không ? Chính nhờ cô, mà tôi rèn

luyện được chí-khí vậy.

Nay tôi tự tay viết lá thư Quốc-ngữ này, trước là đề xin đền đáp ơn cô, sau là đề xin hồi âm những lời vàng-ngọc của cô đã dạy cho ba tháng trước đây.

Thơ bất tận ngôn.

Lê-văn-Thanh

Chàng thanh-niên viết bức thư dài hai trang giấy tây, chữ thật to (vì mới tập viết), từ đầu canh hai qua đầu canh ba mới rồi. (1)

(Kỳ sau tiếp)

2) Người quân-tử học là để làm tốt cho thân mình. Kẻ tiểu nhân học, là để làm trâu ngựa.

3) Cái giận vì nóng-nảy không nên có, cái giận vì nghĩa-lý không nên không.

4) Mình phải có chí, cái chí - khí là thầy đưa đường cho mình đi. Có chí khí thì thể phách của mình mới nảy-nở đầy đủ vậy.

(1) Vào khoảng từ 9 đến 12 giờ khuya.



* Danh ngôn

Người đi đêm tuy không phải là người gian. nhưng không thể cấm chó không cắn được.

(Chiến-quốc sách)

những phương-pháp cận-đại

TÌM MỎ DẦU HỎA

* PHẠM-VĂN-NGỌC

Cử-nhân khoa-học, Kỹ-sư Địa-cầu
Vật-lý-học Trung-tâm khảo-cứu Địa-cầu
Vật-lý-học GARCHY — (Pháp)

NGUỜI ta thường ví mỏ dầu hỏa như một hang thiên-nhiên dưới đất, chứa đầy chất dầu đen quý-báu ấy. Nhưng thật ra, sự cấu tạo mỏ dầu - hỏa hoàn-toàn khác hẳn với sự tương tượng đó.

Dầu, cũng như nước, thấm vào các lớp đất xốp hay đá thừa thớt như đất cát hay sa-thạch. Các lớp đất hay đá ấy, trong danh-từ của

nhà chuyên-môn, gọi là « lớp đá chứa » (roches magasins). Nhưng nếu muốn dầu đọng lại thành mỏ, trên lớp đá chứa ta cần phải có một lớp đất không thấm nước như đất thó hay đất sét.

Người ta lại cũng biết rằng dầu hỏa được tạo thành do sự lên men của những di - vật hữu cơ chứa trong những lớp đất lắng, gọi là những « lớp đá mẹ » (roches-mères), chõng-chất dưới sâu từ mấy nghìn muôn năm.

Trải qua một thời-gian lâu dài, dầu hỏa sau khi được tạo thành, lần lần tràn lên trên vì bị sức nặng của những lớp đất nằm trên ép xuống, xuyên qua các lỗ hổng trên đá, thấm vào các lớp đất xốp, và chỉ tụ-hội lại làm thành mỏ khi gặp một lớp đất không thấm nước. Vì thế lớp đất mẹ có khi nằm rất xa lớp đất chứa, nên thường người ta tìm được mỏ dầu, mà không biết dầu từ đâu đến.

Nếu muốn dầu được ứ lại, không những ta cần phải có một lớp đất không thấm nước, mà lớp đất ấy phải có hình " cái chuông" để dầu khỏi lan-tràn đi trong chiều ngang. Cách cấu tạo địa - chất có hình chuông rất thông - thường và được các nhà địa-chất học gọi là "lớp đất trời" (anticlinal).

Tôi tưởng cũng nên nói qua cho các bạn rõ thế nào gọi là một mỏ giàu, thế nào gọi là một mỏ nghèo.

Nếu muốn khai khẩn một mỏ dầu hỏa được dễ-dàng với năng-suất cao, dầu của mỏ cần phải tụ lại một chỗ, đấy là một mỏ giàu. Nếu dầu lan-tràn lẫn lộn với đất cát và đất xốp, đấy là một mỏ nghèo.

Khi xưa, người ta thường tìm mỏ dầu hỏa bằng cách kiểm xét

các triệu chứng trên mặt đất, chẳng hạn như những vết dầu trong nước giếng hoặc những vết nhựa lịch-thanh trong đất cát, v... v... Khi tìm được những triệu-chứng ấy, người ta tưởng đã gặp một mỏ rất giàu, nhưng thật ra mỏ đã cạn đi ít nhiều, vì dầu không bị gì ngăn cản nên mới có thể thấm lên đến mặt đất. Thí dụ mỏ dầu lửa ở Péchelbron miền Đông-bắc xứ Pháp. Từ xưa dân làng này nhận thấy nước của đầm có nhiều vết dầu nên thường đem xe lại để rửa. Khi người ta bắt đầu khai - khẩn mỏ ấy thì người ta nhận thấy rằng dầu hoàn-toàn trộn - lộn với đất cát. Muốn lấy dầu, người ta phải đào đường hầm như trong các mỏ than đá, và sau cùng, vì năng-suất kém quá, người ta phải ngưng sự khai khẩn.

Bởi thế, tìm mỏ dầu hỏa một cách trực tiếp bằng những triệu-chứng trên mặt đất mất cả giá-trị, lần lần người ta ráng tìm những mỏ nằm sâu dưới đất không để dấu vết gì trên mặt đất bằng những phương - pháp gián - tiếp. Những phương - pháp gián-tiếp hiệu lực nhất là những phương-pháp dùng Địa-cầu Vật-lý-học.

Trong vòng thế kỷ vừa qua, mỏ

dầu lửa chỉ tìm được một cách ngẫu nhiên ; người ta thuật lại rằng những nhà tìm mỏ ở Texas hay Pensylvanie cứ cầm nón tung lên trời, rồi hễ nón rớt nơi nào thì cứ ngay nơi đấy mà đào. Hơn nữa, kỹ thuật đào rất chất-phác, bề sâu từ vài chục thước đến trăm thước là cùng.

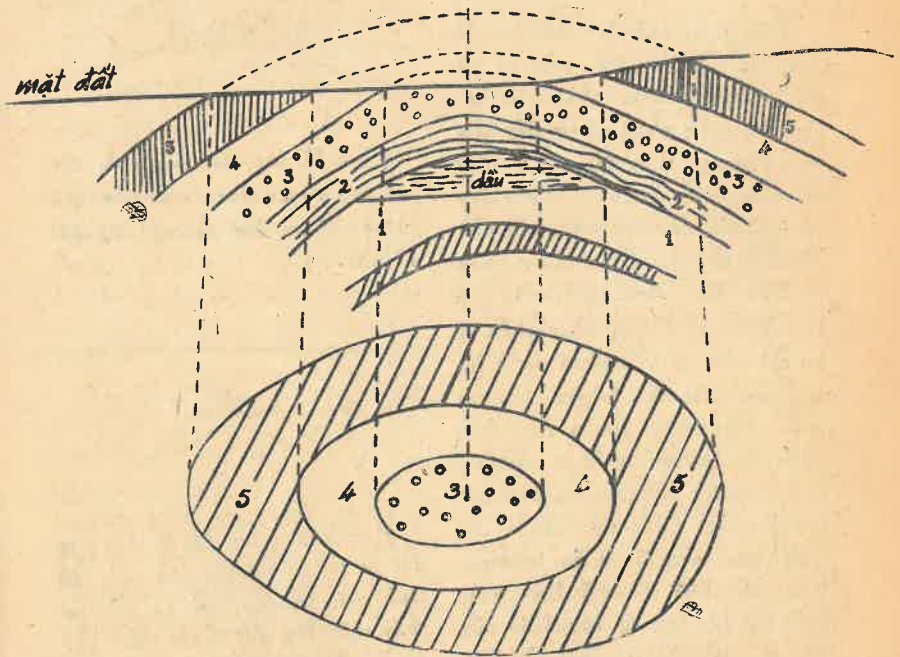
Lần lần người ta nghĩ đến cách khai - thác các mỏ sâu hơn và vào đầu thế kỷ này khoa " địa - chất dầu hỏa" bắt đầu nhóm nề. Nhờ

sự khảo cứu của khoa ấy mà người ta mới rõ nguồn gốc và cách cấu-tạo các mỏ dầu hỏa mà tôi đã nói trên. Lẽ tất nhiên khi ấy công việc tìm mỏ dầu hỏa chỉ dành riêng cho các nhà địa - chất - học vì đấy là một vấn-đề cấu-tạo địa-chất.

Ta lấy thí dụ một mỏ nằm trong một "lớp đất trời" (xem hình dưới)

Ta có những lớp đất 1, 2, 3, 4, 5, bị ép, uốn cong lên thành hình " lớp đất trời". Trải qua

Đỉnh "lớp đất trời"

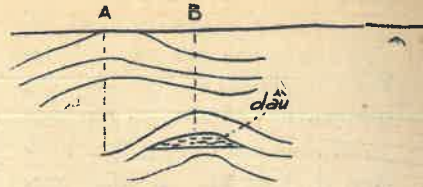


Một "lớp đất trời" thông thường có thể là bẫy của dầu hỏa.

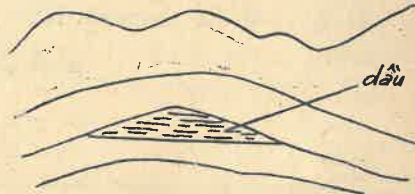
thời-gian, nước và gió xoi mòn đỉnh " lớp đất trời " làm cho mặt đất được bằng phẳng. Như trong hình 1 chỉ cho ta thấy, nếu ta đi từ trái sang phải, ta sẽ tiếp - tục gặp những lớp 5, 4, 3, 4 và 5. Dòm trên mặt đất, ta sẽ thấy lớp 3 nằm giữa, bao quanh bởi lớp 4, và lớp 5. Công việc của nhà địa - chất - học là phải phân biệt những lớp trên mặt đất bằng cách kiểm xét những lớp lõi trên mặt đất.

Tiếp đến, nhà địa-chất lập ra một bản địa chất đồ, trên ấy họ ghi những đường phân biệt hai lớp đất khác nhau và từ đấy tìm hình những " lớp đất trời " như ta thấy trong hình 1. Xem đây các bạn đủ rõ công việc của nhà địa chất rất khó khăn nhọc nhằn và đầu sào, kết quả của họ không được rõ ràng chắc chắn vì họ chỉ căn-cứ ở những sự kiểm xét trên mặt đất. Nhiều khi họ phải dùng máy khoan đất đem dưới sâu lên những khúc đất gọi là " ca-rốt " để kiểm xét sự cấu-tạo địa chất dưới mặt đất.

Nhưng trong rất nhiều trường-hợp, các nhà địa-chất-học phải chịu bất lực và sự suy-doán của họ có thể rất sai lầm. Những tình sau đây cho ta vài thí dụ :



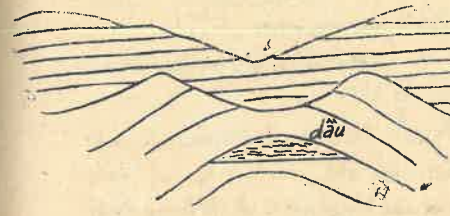
2.—Theo sự kiểm xét trên mặt đất, các nhà địa-chất-học sẽ đoán dầu nằm dưới điểm A. Nhưng dưới sâu, dầu có thể nằm dưới điểm B.



3.— Vì lớp đất nằm trên dày quá, nên sự xoi mòn của nước và gió không thể ăn đến những lớp đất ở dưới.



4.— Những lớp đất lõi lên mặt đất có thể bị khí-hậu làm thay đổi tính chất hóa-học, và ta chỉ tìm thấy một lớp đất thuần nhất gọi là lớp đất biến-chất lấp mắt hình "lớp đất trời".



5.— "Lớp đất trời" có thể bị nước biển tràn lấp và sau một thời gian biển rút đi để lại một lớp đất lắng khác bao phủ cả "lớp đất trời"

Những sự sai-lầm của các nhà địa chất có thể làm tổn kém rất nhiều khi ta biết rằng tiền số-phí để đào đến bề sâu 3.000 thước có thể trị giá đến 150.000.000 quan và trong vòng từ năm 1859 đến 1928 ở Hoa-kỳ, người ta đào trong 100 lần chỉ có 5 lần tìm gặp được dầu hỏa.

Xem đến đây, các bạn sẽ tự hỏi ngay : « Thế thì làm cách nào dòm xuyên qua mặt đất để tìm những mỏ dầu nằm dưới sâu ? » Vấn-đề ấy đã được các nhà khoa học nghiên - cứu đến và lần lần này sanh ra một khoa học mới-mẻ cách đây lối 30 năm, gọi là khoa " Địa - cầu Vật-lý - học áp-dụng ".

Tôi xin định-nghĩa khoa " Địa cầu Vật-lý-học áp-dụng " như sau đây :

"Địa-cầu Vật-lý-học áp-dụng là một khoa chuyên dùng những hiện tượng vừa thiên-nhiên vừa nhân tạo trên mặt đất, những luật, thuyết và kỹ thuật của Vật-lý để tìm ra các thứ mỏ."

Người đầu tiên có sáng ý nghĩ đến việc áp-dụng Vật-lý để học quả Địa - cầu là nhà thông - thái Hung-gia-Lợi, R. Eotvos, vào năm 1900. Người ta biết rằng các thứ đá có tính chất lý - học khác nhau như tỉ - trọng, tính từ-thâm, tính dẫn điện, tốc lực của sự dao-động, v. v. . . Bởi thế, nếu có một khối nằm trong một lớp đất thuần nhất có tính chất khác nó, thì tất nhiên tính chất lý-học của đất bị gián đoạn, và vì thế, sự phân-bổ trên mặt đất của trường-trọng - hấp, địa-cầu từ-trường, điện-trường và tốc-lực của luồng sóng dao-động xuyên qua khối ấy đều bị thay đổi. Từ sự kiểm xét những "ngoại lệ" (anomalies) ấy, Địa cầu Vật-lý-học áp - dụng có thể cho ta biết hình trạng, bề sâu và bản chất của khối nằm trong lớp đất thuần nhất.

Nhưng ta phải đợi đến khoảng

thời-gian từ năm 1920 đến năm 1925 khoa Địa - cầu Vật-lý - học áp-dụng mới được chính-thức ra đời, nghĩa là được người ta công-nhận sự ích lợi của nó trong việc tìm mỏ. Những phương - pháp dùng trong khoa Địa-cầu Vật-lý-học rất nhiều và rất thay đổi. Không có một hiện-tượng lý-học nào mà không được dùng đến. Mỗi ngày, nhờ sự tiến-triển mau-lẹ của kỹ thuật, nhiều phương-pháp mới được áp-dụng thêm, và hiện nay nhà Địa-cầu Vật-lý-học có thể giải-quyết tất cả mọi khó-khăn trong việc tìm mỏ.

Ta có thể phân-biệt 4 nhóm phương-pháp cơ-bản sau đây :

1 — Phương - pháp dùng Nghiệm-trọng - lực

2 — Phương-pháp dùng Địa-cầu từ khí.

3 — Phương - pháp dùng Địa-cầu điện khí

4 — Phương - pháp dùng Địa-chấn nhân-tạo

Trong khuôn - khổ bài này tôi không thể giải rõ từng phương-pháp vì mỗi phương-pháp cơ bản gồm nhiều phương - pháp phụ thuộc để các nhà Địa-cầu Vật-lý-học chọn lựa dùng tùy trường-hợp. Tôi chỉ xin trình, trong những bà sau, ý chính của mỗi phương-pháp.



☆ **Chồng và em chồng**

Bà quả phụ còn trẻ, bị chồng chết sớm. Bà tái giá với ông anh chồng. Một hôm có cô bạn ở xa đến thăm, nhìn một bức ảnh treo trên tường, cô bạn hỏi :

— *Hình của anh đó phải không chị ?*

— *Không phải, hình của em chồng tôi đây.*

Tôi nghiệp chú ấy mới chết hồi năm ngoái.

Quyển truyện đầu tay

★ **PHAN THỊ MỸ-KHANH**

Ông quần Nhân, loang mấy vết to tướng. Thăng bé suýt phỏng tay, ngẩng đầu lên định sừng sộ, nhưng có lẽ nhìn chiếc quần tây sang trọng bị bẩn, mắt nó dịu hẳn lại và nói nhanh :

— Thôi, xin lỗi ông, cũng tại ông vô ý.

NHÂN vui vẻ bước lên tàu. Niềm vui đơng dậy trong lòng khiến đôi chân chàng như nhẹ hẳn. Toa tàu hạng tư hơi đông khách. Phải những lúc khác thì chàng đã nhủ mày nhả mặt về nõi phải chen lấn chật chội này rồi nhưng hôm nay, Nhân bình tĩnh lách mình giữa mấy người khách gần đến ga đứng sẵn ngoài cửa chực xuống, mấy giỏ hành lý ngồn ngang, đề bước vào trong toa. Bỗng, người chàng va vào cánh tay một thằng bé đơng bụng ly cà-phê sữa lên toa hạng ba. May ra chiếc ly chưa rơi xuống sàn tàu, nhưng cà-phê nóng hổi chao mạnh, tạt xuống tay thằng bé, văng lên đôi

Nhân cũng thấy mình đi vô ý. Chàng điềm nhiên nhìn thằng bé với một nụ cười tha thứ rồi bước lại tìm chỗ ngồi. Chàng chợt nhớ lại bài học ‘Lòng thương kẻ tội tớ’ trong sách ‘Quốc văn lớp Dự bị’ mà chàng đã thuộc lòng ngày xưa ; ‘... Ôi ! tay người bồng còn đau đớn nhiều, áo quý hoen bẩn là việc nhỏ. Ông Lư Khoan biết quên mình mà chỉ nghĩ đến tay bồng của đầy tớ, thật là một

cử chỉ đáng khen vậy ! » Nhân mỉm cười khi nghĩ rằng đấng này Nhân quen chỗ quần bị loang bần không phải vì nghĩ đến tay trắng bê bông cà-phê mà chính vì lòng chàng đương rạo rạt một nỗi vui mới mẻ, dịu dàng.

Ngót mấy tháng trời cặm cụi viết, sửa đi sửa lại, tô điểm thêm nét duyên dáng cho tác phẩm mình. Hôm nay Nhân được nhìn thấy nó nằm chễm chệ trong tủ kính khắp các hàng sách, sạp báo của đất Thần-kinh thơ mộng.

Buổi sáng, ghé lại nhà xuất bản, chàng đã nhận hai chục quyền « Một linh hồn » mới choang, trang trọng xếp vào cặp. Số sách ấy là phần chàng dự tính tặng cho bạn bè, thân thích. Chàng không quên nụ cười tươi như hoa và cái bắt tay đầy vẻ nồng nhiệt của ông chủ nhà xuất-bản, lúc tiễn chàng ra cửa :

— Có lẽ tác phẩm ông sẽ bán chạy ! Ông cứ cố gắng tiếp tục xây dựng những quyển khác !

Và Nhân ôm cặp bước đi, lòng tràn đầy hy vọng.

Nhân ngồi thu gọn người lại. Mấy chỗ trái chiếc cặp da và rút ra một quyển, âu yếm cầm trên tay ngắm nghía. Mùi thơm của giấy

in bay lên thoang thoang. Bìa sách trình bày đẹp một cách giản dị. Dưới ba chữ « Một linh hồn » to đậm, bút hiệu Thanh-Hữu của Nhân in nhỏ nhỏ bằng chữ xiên, nửa như phôi khoe, nửa như e ấp. Tác phẩm đầu tay mà !

Một hồi còi huýt lạnh lạnh làm Nhân giật mình xách cặp chạy vội lại cửa dòm xuống đường. Chàng thở phào, nhẹ nhõm khi nhận ra chưa đến ga Th. Kh. Chàng toan trở về chỗ cũ thì đã thấy có người ngồi đấy rồi, một thiếu nữ có vẻ học sinh về nhà nhân dịp nghỉ lễ. Nhân bảo thầm : « À, mai là lễ Phục-sinh mà ! »

Nàng mặc toàn màu trắng, không chút điểm trang. Dáng ngồi nghiêm chỉnh hai tay giữ chiếc cặp da đen trên đùi, mắt mở to nhìn phong cảnh bên ngoài, qua khung cửa đối diện.

Thỉnh thoảng nàng đưa tay xem giờ rồi liếc mắt về phía đầu toa ra ý mong ai.

Một thiếu-nữ áo hồng, suýt soát tuổi nàng, từ toa hạng ba bước xuống, chạy ngay lại, tíu tíu :

— Ngồi đây à ? Thế mà mình tìm mãi. Đi lên trên kia, đi Vân ! Thiếu nữ tên là Vân khẽ lắc đầu, chỉ một bà đứng tuổi ngồi

cạnh nàng :

— Thôi, Vân ngồi đây thôi, có bà cô Vân đi nữa đấy.

Rồi nàng đứng dậy vói tay giựt một vật gì trên tay cô bạn áo hồng :

— À, sách mới ! Quyền gì đây Thu ? Mới mua à, cho mượn xem hót nhé !

Thu lờm Vân :

— Mày chỉ được cái giỏi mê tiêu-thuyết lắm ! Mê thì mua lấy mà xem !

Nhưng Vân chỉ đáp vắn tắt :

— Tôi biết rồi ạ. Tớ nữa xuống ga mình trả lại cho.

Bóng Thu đã khuất sau cửa toa, Vân để đẹp cái cặp da qua một bên rồi bắt đầu giờ lẫn từng trang sách.

Ngồi lúi về phía cuối toa, trên dãy ghế đối diện, Nhân theo dõi từng cử chỉ của thiếu nữ. Chợt lòng chàng hồi hộp khi chàng nhìn rõ ba chữ « Một linh hồn » to đậm in ngoài bìa sách. Nhân xao xuyến, cảm động vì lần đầu tiên trong đời chàng, được nhìn tận mắt một độc giả đọc tác phẩm mình, và hơn nữa, độc giả lại là một thiếu nữ xinh đẹp.

Bàn tay trắng trẻo của thiếu nữ

mon man trên trang sách, Nhân có cảm giác như chính mình được hưởng sự êm dịu gây nên bởi làn da mịn màng của đôi tay. Thiếu nữ vẫn chăm chú xem, thỉnh thoảng đôi môi nở một nụ cười nhỏ, hoặc đôi mày cau lại với những giòng chữ trên trang sách.

Lòng Nhân rạo rục quá. Chàng bần khoản ngồi không yên chỗ, luôn luôn quay vào, quay ra như sốt ruột mong chờ ai. Mà chàng mong chờ thật. Chàng mong thiếu nữ áo hồng trở lại và hai nàng sẽ bàn tán về tác phẩm của chàng. Chàng tưởng tượng họ sẽ hỏi nhau : « Thanh Hữu là ai nhỉ ? Trẻ hay già ? Không biết ông ta người đâu nhỉ ! » hoặc « Mình phục cái lối văn này quá ! » hay, « Chuyện ông ta viết cảm động lắm, vân vân và vân vân... » toàn những câu khen, ca ngợi tài hoa chàng.

Lúc đó, Nhân sẽ hết sức giữ vẻ khiêm tốn và duyên dáng đáng yêu trước người đẹp : « Thưa cô, tôi là Thanh Hữu đây ». Và nàng sẽ ngạc nhiên, hơi pha một chút thẹn thùng : « Ô, ông đấy ư, rất hân hạnh được biết ông. Vân ông đáng mến lắm ! » Rồi đôi bên sẽ quen nhau, rồi chàng sẽ

tặng nàng quyền « Một linh hồn » in giấy đẹp với một câu đề tặng rất ý nghĩa và rất là văn vẻ. Nhân nghĩ trước mấy câu : « Mến tặng cô, kỷ niệm trên một chuyến tàu », hay là « Mến tặng cô, kỷ niệm cuộc gặp gỡ không hò hẹn », hoặc « Trên con tàu về Đà-thành, một chiều vui », vân vân, thiếu gì chữ kêu !

Thiếu nữ sẽ đỡ lấy sách, cần thận cất vào cặp da, bên cạnh những chiếc khăn tay thơm ngát và đôi môi nàng sẽ hé mở « Cảm ơn ông ». Suy nghĩ miên man, chàng nghe lòng lâng lâng dễ chịu.

Con tàu chạy chậm chậm rồi từ từ dừng hẳn. Khách lên xuống rộn rịp, xô đẩy nhau. Nhân thò đầu ra ngoài cửa toa, nhìn quanh quần. Ba chữ « Ga Đà-Nẵng » kẻ đậm trước mắt chàng. Giọng người đông đảo đổ về phía cửa mở ra đường phố. Trong đám mây cô thiếu nữ chen nhau chỗ cửa, Nhân nhận ra hai cô nữ sinh

ban nãy đi bên cạnh cái bà đứng tuổi. Bất giác, chàng quay nhìn về chỗ thiếu nữ áo trắng ngồi xem sách. Bỗng Nhân trở mắt ngạc nhiên : Quyền « Một linh hồn » nằm lẩn lóc dưới ghế, cạnh mấy giỏ chuối chín vàng tươi. Nhân cầm lên. Quyền sách đã nhàu nát, mất hết mùi thơm tho, vẻ trong trắng của thuở ban đầu. Nhân thò đầu ra cửa. Chàng định gọi với theo « Này, cô ! Cô bỏ quên quyền sách ! » Nhưng con tàu chuyển bánh rồi băng mình trên đường sắt. Thành phố xa dần, lùi dần về phía sau. Hình ảnh thiếu nữ ngồi xem sách lại hiện ra, rõ rệt trước mắt Nhân với nụ cười nhỏ và đôi mày thỉnh thoảng cau lại với những giòng chữ trong sách. Nhân bực tức lấy tay khoa khoa trước mặt như muốn xua đuổi hình ảnh đáng ghét ấy khiến bà hàng chuối ngồi gần ngó ngác nhìn chàng, không hiểu :

— Ông nói gì kia ạ ?

MỸ - KHANH
(Xuân 1.961)



* Tục ngữ Âu-Châu : Bạn và Thù
Kẻ thù của kẻ thù tôi, là bạn của tôi.



Một giấc Mơ hoa



* DUYÊN-HỒNG

* Mồng-Một Tết, 9 giờ sáng. — 1956

MÙA Xuân ! À, sướng quá, vui quá, Mùa Xuân ! Sáng nay pháo nổ vang cả Saigon hoa-lệ ! Xuân đã đến rồi đây, mùa Xuân mới của cô cây non nước, mùa Xuân mới trong tim Duyên-Hồng ! Xuân mới của cô cây non nước, mùa Xuân mới trong tim Duyên-Hồng ! Thầy Me khéo đặt cho Hồng cái tên đẹp làm sao ! Thơm làm sao ! Yêu-yêu là ! ...Ồ, Hồng phải cảm ơn Thầy Me... ! Lúc này 8 giờ, Hồng mặc chiếc áo mới màu hồng, hoa xanh, dải thướt-tha của Me may cho hôm trong năm để Hồng « mặc Tết », quần lụa trắng cũng mới may, đi giày cao-gót mới mua, ra nhà ngoài để « mừng tuổi » Thầy Me cùng với mấy anh, mấy chị, mấy em, y như thường lệ. Không hiểu sao năm nay

đặc biệt Thầy Me lại «h-xì» cho Hồng đến hai trăm đồng, toàn giấy bạc mới-tinh, để thưởng lạ!

Hồng vừa quay vào nhà trong với Thưa, và Út, thì nghe giọng nói dịu hiền của Me khẽ nói với Thầy :

— Con Hồng chóng khôn nhì!

Thầy cười :

— 16 tuổi, bé-bông gì nữa!

Hai câu nói của Thầy Me làm cho Hồng hơi suy nghĩ tý-tý... Á, mà thật, Tết năm ngoái hình như Hồng chưa biết gì sất, có nhẽ tại Hồng còn «con-nít». Thế mà Tết năm nay Hồng cảm thấy như thể là Hồng đã thành ra «người khôn» rồi đấy! Phải chăng, vì Hồng đã được 16 tuổi, còn bé-bông gì nữa, như Thầy bảo? Nghĩ đến tuổi «người khôn», Hồng thích-thích làm sao ấy..., nhưng Hồng lại thẹn thẹn... Hồng không phân-tách được lý do, mình đâu có phải nhà tâm-lý-học?...

Thời rồi, có bác Đốc đến... Hồng lại phải ra chào Bác...

* Mừng-Một Tết, 6 giờ chiều.

Lúc sáng, bác Đốc chúc Hồng một câu, làm Hồng ngỡ ngàng quá đi mất. Bác bảo thế này chứ : «Năm mới, bác chúc cho cháu Hồng, đầu năm có chông... cuối năm đẻ con giai!» Bác nói có vần, tưởng đâu bác ngâm một bài thơ chứ! Nhưng bài thơ của bác Đốc dở lắm, Bác thật là lắm-cảm...(Mình nói lên bác, bác mà nghe được bác chửi chết!) Nhưng tại sao bác lại chúc Hồng đầu năm nay đã có chông? Rồi cuối năm nay lại có con? Có chông là thế nào nhì? Có chông rồi sao lại có con nhì? Hồng chẳng hiểu... Có lẽ tại vì Hồng hầy còn «bé-bông». Hồng chưa phải là «người khôn» đâu, Phải 21, 22 tuổi, như chị Vân, chị Mai, mới là người khôn chứ. Thời, chết rồi, tiếng ai chào Me ở phòng khách, y như là tiếng con Lan... con Huệ... Chắc là hai con quý ấy chứ chẳng ai! Hai đứa nó đến «mừng năm mới» Hồng đây. Hồng phải giấu quyển Nhật-ký này trong ngăn kéo, khóa chặt lại... Đừng cho chúng nó trông thấy, kéo chúng nó cười chết! Rồi chúng nó lại mét với cô Giáo... Đích thị là cô Lan, cô Huệ,... cả hai cô Túy-Hồng, Túy-

Phượng... Tụi bây đi chơi Tết vui thế?... Ở ngoài ấy, Hồng ra, các cậu đừng có vào nhé!

* 9 giờ Khuya

Mấy con nhãi con! Mình bắt buộc Me rót rượu ngọt mời các quan khách đến nhà trong dịp Tân Xuân, mình cũng mời bốn đĩa nó ngồi ghế xa-lông, và rót 4 ly rượu ngọt mời chúng nó mà chả đĩa nào dám uống cả. Chúng nó sợ say. Quả thật là tụi này còn trẻ-con. Hồng hồi tuổi mới biết con Lan Tết này 17 tuổi, (đáng nhẽ Hồng phải gọi bằng chị đấy!) con Huệ 16 tuổi, nhưng nó hơi cao hơn Hồng. Túy-Hồng và Túy-Phượng là hai chị em sinh-đôi, cùng 16 tuổi. Hồng thấy cả bốn cô đều yêu kiều, diễm-lệ, nhưng cô nào cũng khen Hồng là đẹp hơn họ. Tụi nó nói khiêm-nhường, hay là nói nịnh Hồng đấy? Hồng đẹp thật ư?... Có nhẽ Hồng đẹp thật cũng nên?... Á, lúc 11 giờ trưa, anh Khanh, con giai của bác Hồng-Đức, đến mừng tuổi Thầy Me, anh ấy cứ nhìn trộm Hồng... Hồng «mắc cỡ» chạy biến vào bếp. Tại sao từ trước đến nay anh chả bao giờ nói chuyện gì với Hồng, mà hôm nay lại cứ nhìn trộm Hồng thế nhì? Hồng thẹn thẹn là... Nhất định lần sau có gặp, Hồng sẽ không cho anh ấy nhìn trộm như thế nữa đâu.

* Mừng Hai Tết, 3 giờ chiều

Mỹ-Thanh hôm nay diện «quá xá cỡ»! Tuy cô bé học lớp đệ Ngũ, kém Hồng một lớp, nhưng lại thích chơi với Hồng. Hồng cũng thích Mỹ-Thanh. Thanh ngoan, và lành như con chiên con. Hôm nay Mỹ-Thanh lại đến «mừng năm mới» Duyên-Hồng. Thế là buộc lòng mình dù muốn dù không cũng phải đến «mừng năm mới» lại cô ả. Lúc này nó rủ đến nhà chơi, Hồng đã không đi rồi, viện cớ là phải ở nhà giúp Me tiếp khách. Nhưng nếu 3 ngày Tết Hồng không đến chơi với nó, thế nào chừng vào lớp cô ả cũng giận Hồng cho mà xem! Mỹ-Thanh lại bảo Hồng thế này chứ : «Anh Năm của Thanh học trường Đại-học Văn-khoa, có thấy Hồng một lần, khen Hồng đẹp lắm.» Có thật thế không, bay

bị ? Anh ấy là ai, sao Hồng không biết ? Trông thấy Hồng hỏi nào ?

Hồng hỏi thế, Thanh chỉ cười :

— Anh Hải của em có trông thấy chị một lần rồi thật đấy mà. Anh ấy khen chị là «đẹp nhất Saigon» !

Hồng ngượng quá, khe đánh vào tay Thanh :

— Hồng xấu như con ma-lem, chứ đẹp gì mà đẹp !

★ **8 giờ tối.**

Hồng bị chị Mai mắng, ức lắm. Hồng chơi trong sân với bé Thừa và con Út, lượm các cái pháo còn nguyên, đốt cho nó xì, xem chơi. Thế mà chị Mai mắng Hồng : « Hồng, mấy chơi pháo thế có ngày cháy cả áo đấy ! »

Sao chị ấy gọi Hồng bằng «mày» ? Hồng đâu phải là «trẻ con» mà để cho cháy áo ? Chị ấy lên giọng người lớn, chỉ quen bắt nạt Hồng. Nay Hồng đã 16 tuổi rồi, chứ bé-bông gì nữa ! Thầy Me chả bảo thế là gì ? Hồng giận quá, vào buồng ngồi khóc một mình... Năm mới, đã gặp chuyện «xuôi xẻo» ! Ghét !

★ **Mồng Ba Tết. 9 giờ sáng.**

Hồng muốn đến chơi với Mỹ-Thanh, sợ xin phép Me không cho... Phải ở nhà giúp Me tiếp khách.

Kkhách của Thầy Me sao mà đông thế ? Cả ngày mồng một, mồng hai, nay là mồng ba rồi vẫn còn khách. Thế này, bao giờ Hồng mới được «xuất hành» ngày Xuân nhỉ ?

★ **10 giờ.**

Ồ, thích quá ! Tự-nhiên Me gọi Hồng, và dịu dàng bảo :

— Hồng ơi, con muốn đi thăm các bạn bè của con thì con đi được rồi.

Mình khoái làm sao, nhưng còn già-vò :

— Thừa Me, con ở nhà giúp Me tiếp khách chứ ạ.

— Có chị Mai và chị Vân của con ở nhà. Me đã cho hai chị con đi chơi hai ngày mồng Một và mồng Hai, hôm nay là ngày của con đi chơi. Con nhớ 12 giờ trưa về nhé, muốn đi chơi nữa thì 2 giờ chiều hãy đi nhé con.

Hồng mừng quỳnh. Hồng ôm lấy cánh tay Me :

— Thừa Me vâng ạ. Con xin phép Me cho con đến nhà Mỹ-Thanh ở phố Tủ-khoa Huân, Me nhé ?

— Ừ, con đi chơi cho vui-vẻ. Con nên tránh những chỗ đất pháo, kéo cháy áo nhé.

Lạ nhỉ ! Me cũng sợ Hồng để cháy áo vì pháo ư ?

Thế ra Me cũng cho Hồng là «trẻ con» nốt.

Hôm nay Hồng đến nhà Mỹ-Thanh, Hồng phải làm ra vẻ người lớn, xem ra làm sao nào !..



★ **Danh ngôn : Học hỏi**

Chút ít điều mà tôi đã học được bấy lâu nay chẳng thấm vào đâu so với những điều tôi chưa biết. Tuy vậy tôi hy vọng còn có thể học được nữa (*Le peu que j'ai appris jusqu'ici n'est presque rien en comparaison de ce que j'ignore, et que je ne désespère pas de pouvoir apprendre*)

DESCARTES

(Triết-học Pháp, Thế kỷ XVII)

★ **Danh ngôn : Được yêu**

Một người được yêu chỉ thật hoàn-toàn sung-sướng là khi nào y biết đã được yêu hơn ai.

(*Un être aimé n'est pleinement heureux que lorsqu'il sait à qui il a été préféré*)

EDNA FERBER

Ngày kỷ niệm Hai Bà Trưng
cảm nghĩ



Nón sóng cũ mây mù khói tỏa
Nước Tây.bồ tắm cá bóng chim
Anh.linh nay biết đâu tìm
Khói hương để mãi đàn em sau này
Năm năm hội lòng ngậy-ngất nhớ
Sử xanh còn muôn thuở ghi công
Yếm khăn đổi lấy tang bồng
Hai Bà Trưng để má hồng nghìn thuat

TƯƠNG-PHỐ

Vịnh cái
bông già

Cũng nhụy, cũng đài, cũng cánh hoa
Cũng chung lọ sứ để bàn ngà
Chán chường vênh mặt khoe hàng phố.
Đổi trả mang danh hẻm giống nhà
Ngoài mặt phố trương lòe sắc thắm
Trong lòng trống rỗng chẳng hương pha
Cái danh vô vị sao không thẹn
Còn khéo bày trò trước mắt ta.

HOÀNG-VŨ-THÀNH
(Tam.kỳ)

Những người đàn bà lừng danh trên Thế.giới

12.- Những

NGƯỜI

YÊU

của

NAPOLÉON



I
DÉSIRÉE
CLARY





APOLÉON
Bonaparte ,
(1769-1821)

chàng sĩ quan bé nhỏ trong Đội Pháo-binh của Cách-mạng Pháp hồi 26 tuổi, đến năm 35 tuổi (1804) được dân chúng tôn lên làm Hoàng đế của người Pháp, quả thật là một bậc kỳ-tài trong Lịch-sử Thế-giới. Trên phương-diện tình-cảm, Ông có rất nhiều vợ và tình-nhân mà sử-sách cũng nói đến không ngớt, nhắc đi nhắc lại mãi, mà các thế-hệ loài người đọc đến lúc nào cũng thấy thích-thú. Những bà vợ trẻ và đẹp của Napoléon I, đã được dùng làm đề-tài cho hàng nghìn hàng vạn sách báo trên thế-giới, đủ các thứ tiếng, trải qua đời này đời khác vẫn còn quấy-rối trí-óc tò-mò, học hỏi, của các lớp người. Trước khi nói đến những bà vợ có danh tiếng nhất của Napoléon I : Joséphine, Walewska, Marie Louise... chúng ta không nên bỏ qua người vợ - hôn - thê đầu tiên của ông, từ một cô hàng vải nhút nhát ở Marseille trở nên một bà Hoàng-hậu oai-nghi của xứ Suède : **DÉSIRÉE CLARY.**

Cô con gái út của ông chủ

hàng vải chỉ được hân-hạnh lọt vào cặp mắt xanh của Napoléon trong lúc ban-sơ, khi ông này hãy còn là một Thiếu-úy Pháo-quân vừa ở đảo Corse qua, nhưng từ đây nàng đã bước vào Lịch-sử dưới tia sáng chói-lọi của ngôi sao Hoàng-đế đang xuất-hiện trên trời Âu.

Người anh cả của Napoléon Bonaparte, là Joseph Bonaparte, đã kết hôn với người chị cả của Désirée, cô Julie, không đẹp, nhưng hiền-lành, dễ thương. Thấy Napoléon bê-bối, mèo-mỡ lung-tung, Joseph quyết-định lập gia-thất cho em, và một hôm đưa chàng đến chơi nhà mẹ vợ.

Napoléon mặc y-phục lôi-thôi lếch-thếch. Tóc để dài phủ lấp hai bên tai. Quần-áo nhà binh thì nhều nát, cũ-kỹ, da mặt thì xanh dòn, khuôn mặt dài và nhọn như lưỡi dao, trông không có vẻ đẹp trai tí nào cả. Điệu-bộ thì nóng nảy, cương-quyết, bộ mặt oai-vệ, tuy rằng vẫn lịch-thiệp và nhã-nhặn.

Nơi phòng khách của gia-đình Clary, Désirée ngồi tiếp chuyện với Napoléon, nhưng ngay giây phút đầu tiên, thái-độ, cử-chỉ, ngôn-ngữ, và cặp mắt, cặp mắt sáng-rực của chàng, đã làm cho trái tim Désirée đê-mê, xao-động.

Tuy bẽn-lên, rụt-rè, nàng chưa

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ LỪNG DANH

dám tỏ lộ tâm-tình với chàng, nhưng sau khi chàng ra về nàng nhõng-nheo thú thật cùng chị : «Napoléon là một người khác thường... Em yêu chàng rồi đó, chị ạ... em bắt đền chị đó...»

Julie mỉm cười :
— Sao em lại bắt đền chị...?
— Ai bảo chị giới-thiệu chàng cho em !

Ngày hôm sau, Napoléon đến, gặp Désirée ngoài vườn. Trông thấy chàng, Désirée đỏ ửng đôi má. Chàng nắm tay nàng, hỏi vồn-vả :

— Thế nào, em muốn kết duyên với anh không ?
Désirée thẹn, chưa trả lời. Napoléon hối thúc :

— Sao em ? Nói nhanh lên cho anh nghe... Anh nóng lòng muốn biết em nghĩ như thế nào.. Em muốn làm vợ anh không ?

Désirée nhút-nhát, cúi mặt xuống, mỉm cười nhưng không nói ra lời, tay trái cứ mân-mê một cành lá. Napoléon lại thúc-dục :

— Sao, em ? Em yêu anh, hay không yêu anh ? Anh, thì anh yêu em rồi đó... Em thì sao ? Nói mau lên.

Nàng ngược mắt lên âu-yếm

nhìn chàng. Không cần dài dòng văn-tự, khách-sáo vô-ích, Napoléon kéo Désirée vào lòng, ôm ghì lấy nàng, dè môi lên môi nàng, hôn say-sưa, thật lâu, thật lâu, rồi buông ra, tùm-tùm cười nhìn nàng, hỏi :

— Em là vợ — hôn-thê của anh nhé ?

Désirée sung-sướng, gật đầu, và xiết chặt bàn tay người yêu.

Nhưng Napoléon nhờ thắng trận Toulon, vừa được đặc biệt thăng chức Thiếu - Tướng, và nhận được lệnh của Bộ Tổng Tham-mưu gọi lên Paris gấp.

Chàng hôn người yêu dề tằm từ-giã, và căn-dặn :

— Anh lên Paris xem công việc như thế nào, rồi anh về ngay để cưới em. Em chờ anh nhé ?

— Vâng, em chờ anh.

Napoléon ở luôn trên thủ - đô.

Désirée Clary, buồn, nhớ, khóc, viết thư :

«... Anh ơi, anh giữ gìn sức-khoẻ quý-báu của anh nhé. Sức-khoẻ của anh chính là sức - khoẻ của em, vì không có anh chắc là em không sống được. Anh nhớ lời thệ-ước trăm năm mà anh đã trao cho em. Em, thì em trung-thành với lời hứa...»

Napoléon trả lời thư cũng tha thiết yêu đương. Chàng xin ảnh của Désirée, và gửi ảnh tặng nàng...

Nhưng người anh cả gia-đình, là Etienne Clary, không thích Napoléon lắm. Ngắm bộ-tịch của chàng, Etienne đã có lần bảo với Désirée :

— Tao tưởng gia-đình mình có một thằng Bonaparte cũng vừa rồi. Chị mầy lấy Joseph thì được. Chứ mầy muốn lấy Napoléon nữa, tao thấy không nên. Thằng đó không có tương-lai đâu.

Kể đó, bà Clary, mẹ của Désirée, đưa nàng sang du - lịch bên Ý, ở thành - phố Gênes. Désirée hơi chán-nản. Phần thì thấy gia - đình không sốt sắng về việc nàng đính hôn với Napoléon, phần thì người yêu ở luôn trên Paris, đường cái xa xôi, thư từ bất tiện, giữa lúc nước Pháp đang trải qua một cuộc cách-mạng lớn, tình thế lộn - xộn, Désirée dần-dần lười viết thư cho « vị hôn phu ».

Napoléon ở Paris vẫn nhớ Désirée, và viết cho anh cả, Joseph, ở Marseille :

« Anh à, sạo dạo này Désirée

không viết thư cho tôi nữa ? »

Có lần, chàng chán-nản, viết cho Joseph : « Cuộc đời là một giấc mộng thoáng-qua »

Thấy anh có hạnh - phúc với Julie, chàng đã thốt ra một câu : « Cái anh Joseph khi thế mà sung - sướng ! » — *Qu'il est heureux, ce coquin de Joseph !*

Bật tin Désirée lâu quá, Napoléon nhắn hỏi anh cả :

« Désirée còn sống, hay đã chết ? »

Désirée, thật ra, vẫn một lòng yêu nhớ vị hôn phu. Nàng lại biết rằng Napoléon có sở đào hoa, và ở Paris chàng vẫn vui thích với mấy cô thiếu-nữ và mấy bà goá-chồng còn trẻ đẹp. Nàng bỗng nổi ghen, gửi cho chàng một bức thư :

« Lâu lắm, anh chả viết cho em một chữ. Sao thế, anh ? Anh có biết rằng ở đây em buồn lắm chán lắm không ? Dù non-sống cách trở, em vẫn một lòng nhớ anh. Cuộc đời của em vẫn là của anh... « Vừa rồi, một người bạn của anh Joseph có đến Gênes, và gặp em. Y cho biết ở Paris người ta chơi bởi vui thích lắm... Em

mong rằng cuộc sống phồn - hoa náo - nhiệt ở Thủ - đô không thể khiến anh chóng quên con bé quê-mùa ở Marseille, vợ chưa cưới của anh. Y gặp anh cặp tay đi chơi mát với bà T... (1) trong khu rừng Boulogne, nhưng em nghĩ có lẽ nào anh lại quên hôm đi dạo mát của hai đứa mình trên bến Marseille ? »

Désirée không ngờ một điều là Napoléon đang danh tiếng như cồn, nhờ chiến công của chàng trong ngày lịch-sử 13 Vendémiaire... Napoléon được Chính-phủ cách mạng đặc biệt lưu - ý, và được các giới chính khách Paris tặng-bức, đề cao, như một vị anh-hùng. Chàng cũng đang say - mê một bà quả phụ đẹp lộng lẫy, lớn

hơn chàng 12 tuổi, và cũng yêu chàng tha thiết : bà Joséphine de Beauharnais.

Bà này là vợ của Đại - tướng Beauharnais đã tử trận, và là bạn thân của các nhân vật cao cấp, nhất là của Barras, Chủ tịch chính phủ cách-mạng.

So-sánh Joséphine với Désirée Clary, Napoléon thấy hai người khác nhau như một trời một vực.

Thế rồi, không bao lâu, Napoléon chính thức kết-hôn với Joséphine...

(kỳ sau tiếp)

(1) Bà Taklien, một tình nhân của Napoléon ở Paris.



★ Thích đi học

Cu Tuấn, 6 tuổi, cặp sách đi học được một năm. Trước hôm nghỉ hè, Má Cu Tuấn hỏi nó :

— Con đi học, con thích những gì, nói cho Má nghe

— Thưa Má, con thích 4 thứ lắm.

— Con thích vẽ, thích học văn, thích tập viết, thích hát... phải không ?

— Không phải, Má à. Con thích nhất là ngày chủ nhật, nhì là nghỉ hè, ba là nghỉ Tết, bốn là nghỉ N-ôen.

NHỚ
NƯỚC
ĐAU
LÒNG
CON

ĐỒ - VŨ

Đồ - vũ là một điển tích xưa nay được rất nhiều người nhắc đến trong văn chương, thiết tưởng nhắc lại là một việc thừa ; nhưng có điều là chúng ta chỉ hiểu lơ mơ về con vật ấy qua hai chữ Đồ-Vũ của Tàu mà thôi. Vì thế khi dịch qua văn Việt, người thì bảo là con quốc, người cho là con cuốc, cú, hay có kẻ hiểu là con gà hoang, vịt nước... Nhưng sự thực là thế nào? Chúng tôi không dám trả lời câu hỏi ấy, mà chỉ trình bày đôi ý kiến thô thiển dưới đây để quý vị cùng chung bàn luận.

* TRỌNG - THÂN

LÀ N bước vào rừng thì vẫn Việt-nam cũng như Trung - quốc, ngoài cái vẻ đẹp muôn màu của hoa lá mười phương, chúng ta còn gặp rất nhiều những cánh chim qua bốn mùa thời-gian, Tiếng chim oanh líu lo trong nắng

mới, giọng hót của họa mi thỏ thẻ trao tình, rồi cánh nhạn mang về bao thương nhớ, đàn én liệng trong gió ấm đầu xuân... Nhưng có lẽ, trong đám « muôn điều » ấy chưa giống nào được cái điểm phúc của con chim cuốc cuốc. Nhờ một câu chuyện thần thoại con vật này bỗng được mang cái tên Đồ-Vũ và được các văn nhân thi sĩ nâng lên địa vị đặc biệt trong văn chương. Người ta dùng nó để tượng trưng cho nỗi u hoài buồn tủi, lòng thương vua nhớ nước hay sự trách oán kẻ bạc tình.

SÁI KINH, một nhà thơ Trung-hoa không ngần ngại nỗi lòng buồn nhớ của mình trong một chiều xuân, đã viết

NHỚ NƯỚC ĐAU LÒNG CON ĐỒ-VŨ

Tường đầu đục đoạn lưu oanh
thiệt
Nguyệt hạ hành lai Đồ-Vũ hồn
(Trên tường hầu dứt lời oanh gọi
Dưới nguyệt rồn vang tiếng Quốc
đưa)

Bà HUYỀN-THANH-
QUAN xót xa trước thời cuộc
đổi thay cũng đã ký thác nỗi lòng
thương nhớ vào trong tiếng quốc
ai oán:

Nhớ nước đau lòng con quốc-
quốc

Thương nhà mỗi miệng cái gia
gia...

Cái tâm sự ấy chúng ta còn gặp trong tiếng cuốc bi thương của CHU-MẠNH-TRINH khi nhìn những di tích của một triều xưa vang bóng giờ chỉ còn sót lại một đồng gạch ngói ngồn ngang:

Tịch tịch tiền triều cung ngoại
miếu

Đồ-Quyên đề đoạn nguyệt âm âm
(Cung miếu nhiều xưa đâu vắng
ngắt)

Trăng mờ khắc khỏi cuốc kêu
sầu)

Rồi trong cảnh nước mất nhà tan chúng ta không khỏi đau lòng với tiếng cuốc của cụ NGHỀ YÊN-ĐỒ:

Khắc khoải sầu đưa giọng lữ lơ
Áp hồn Thực-đế thác bao giờ

Năm canh máu chảy đêm hè vẫn
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ
Có phải tiếc xuân mà đứng đợi
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ...

Hoặc nghẹn ngào thông cảm với tiếng cuốc trong bài PHŨ TÂY-HỒ:

Kêu trị loạn đau lòng con Đồ-Vũ
Gọi công tư mỗi miệng cái hà mô

Đôi khi cũng phải bực giục, ray rức vì tiếng cuốc giục mau trong lửa hạ của DƯƠNG-BÁ-TRẠC (1)

Ai nuôi con cuốc gọi vào hè

Cái nắng nung người nóng
nóng ghê...

Và ai mà chẳng du hồn theo tiếng cuốc reo rắc lần qua cung bậc của nàng con gái họ Vương:

Khúc đầu êm ái xuân tình.

Ấy hồn Thực-đế hay mình Đồ-
quyên ?

Hay vô vàng u uất với tiếng cuốc nở non trên bến Tầm-Dương:

(1) Hai câu này rút trong bài «Tiếng cuốc kêu mùa hạ» thường được coi là của Nguyễn-khắc-Hiếu. Nhưng có nhiều người lại bảo là của Dương-bá-Trạc. Vậy ai là tác giả «chính thức» của bài thơ trên ?

Tiếng chi đó nghe lần sớm tối
Cuốc kêu sâu vượn hót véo von.

Cũng có lúc tiếng cuốc khiến
chúng ta phải giật mình vì "ngày
xuân chín chực" đã trôi qua :

Dưới trăng yên đã gọi hè
Đầu cành lữ lựu lập lòe đăm
bông.

Nhưng có lẽ tiếng cuốc thấm
thía sâu xa vào tâm hồn người
nghe, cũng như hàm súc không
biết bao nhiêu nỗi u uẩn của tác-
giả, chính là tiếng cuốc của vị
trung thần nhà Lê, ông TRẦN-
DANH-ẤN :

*Giá cô mình gia gia
Đồ yên mình «quốc quốc»
Vi cầm thượng hữu quốc gia
thanh*

*Có thần đối thử tình nan cực
(Chim đa đa kêu «gia gia»*

Đồ yên kêu quốc quốc»

*Loài chim nhỏ còn có tiếng kêu
quốc gia*

*Nỗi lòng kẻ cô thần đối với sự
tình ấy khôn sao kể xiết !.)*

Và bóng dáng của con Đổ Vũ
còn hiện ra nhiều nơi nữa không
sao kể hết, nhưng thiết tưởng chỉ
ngắn ấy thì liệu cũng đủ cho chúng
ta thấy cái địa vị của nó trong
thơ văn.

★

● Con «cuốc» qua các
tự điển

Mặc dù nhìn vào văn chương, con
Cuốc hay Quốc, hay Đổ yên
đối với chúng ta không mấy xa
lạ, nhưng chỉ biết nó một cách
mập mờ mà thôi, thực tế hình
dáng của con vật ấy ra sao cũng ít
người chú ý quan sát cho
tường tận. Cũng may mà qua nhiều
danh từ Đổ-Vũ, Đổ-yên, cuốc,
cút... quốc, tựu trung người ta
cũng hiểu chỉ có một con vật thôi.

1.) Theo ông THANH-NGHI
trong Từ-điển Việt - Nam thì
Cuốc : loài chim hay lủi thủi
dưới các lùm cây nhỏ và thường
kêu cả mùa hè, giọng rất buồn,
thường cũng gọi là cuốc cuốc (B.
H.T.Q.) — Poule d'eau.

Đổ-Vũ : Như Đổ-yên
Đổ-yên cũng gọi là con cuốc.

2.) Theo ông ĐÀO-ĐẮNG-
VỸ trong Việt Pháp từ điển :
Đổ yên, Đổ-Vũ : (chim) Râle
d'eau, Poule d'eau.

3.) Theo ông ĐÀO-DUY-
ANH trong Hán Việt từ điển :
— Tử qui : Tên riêng để gọi
chim Đổ yên.

— Đổ - yên : Chim quốc,
cũng gọi là tử qui hoặc đổ vũ.

— Đổ vũ : Sách xưa chép rằng

Đổ Vũ là một ông vua nước
Thục (Thục đế) gặp buổi thủy tai,
ông nhường ngôi lại cho ông thừa
tướng rồi lên núi ở ẩn, Đổ-Vũ
chết, hồn hóa ra con chim tử qui
là chim Quốc.

● SAI LẦM VỀ CON CUỐC

Theo các từ điển trên, chúng
ta thấy rằng ông Thanh - Nghi
giải-nghĩa tuy đúng nhưng quá
giản lược, ông chỉ nêu hai tính
chất của con cuốc là «lủi thủi
dưới các lùm cây» và «kêu buồn
bã suốt mùa hè» chúng ta không
tài nào hình dung được con
vật ấy ra sao.

Vả lại con cuốc mà ông dịch
ra chữ Pháp là Poule d'eau e
chưa đúng. Phải chăng ông áp-
dụng câu tục ngữ "trông con gà
ra con cuốc" (?). Vì chữ Poule-
d'eau chính là con «gà nước»
mà người Trung-hoa cũng gọi là
Thủy-kê (1).

Ông Đào-dăng-Vỹ cũng sai lầm
như thế. Đổ-yên mà ông dịch
ra hai chữ Pháp là «Râle d'eau»
và «Poule d'eau» thiết tưởng
không dính dáng gì đến con cuốc
mà chỉ là giống gà hoang sống
trong các bàu, đầm hồ ao đúng như
Larousse đã định nghĩa :

«Râle d'eau : genre d'oiseaux
échassiers, très estimés comme
gibier et qui vivent en plaine (râle

des gânets) ou aux bords des ma-
récages (râle d'eau)

Và như thế thì tại sao trong
Pháp Việt từ điển cũng ông Đào
dăng-Vỹ lại dịch chữ «Poule
d'eau» là gà nước và chữ «caille»
là «chim cút cút». Có lẽ ông lầm
chữ Đổ vũ là con «quốc» mà con
«quốc» với con «gà nước» không
phải là một. Sự thực không phải
thế.

Đến ông Đào-duy-Anh thì chỉ
phỏng theo «Từ nguyên» mà giải
thích điển tích «Đổ-vũ» chứ
không cho chúng ta thấy hình
dáng con vật ấy ra sao và ông
cũng vấp cái lầm giữa con Đổ-vũ
và con «quốc».

Lại có người cho rằng chữ Đổ-
vũ trong văn chương dùng để
chỉ con «quốc» chứ không phải
là «cuốc» họ đưa ra các lẽ sau đây:
a) Con cuốc hình dáng xấu xí,
trong văn chương chỉ có thể dùng
con quốc tượng đối đẹp hơn để
tượng trưng lòng thương nhớ.

b) Con Quốc được đề cao vì
đặc tính chung tình (xem phần sau)

c) Tiếng quốc là con chim cũng
vừa là chữ quốc.

(1) Theo «Tân biên Việt Hoa
từ điển» của LÝ-VĂN-HÙNG

Nhưng thực ra các lý do được nêu ra trên đây cũng không xác đáng mấy.

a) Sở dĩ con cuốc được đưa vào văn chương là vì tiếng kêu ai-oán gọi sầu của nó chứ đâu có vì hình dáng con vật.

b) nếu bảo rằng con "quốc" vì đặc tính chung tình thì đây chỉ là tình chồng vợ còn trong văn chương dùng điển Đỗ-Vũ để chỉ tình đối với quốc gia, vua tôi. Xem như sách *Hoàn-vũ-Chí* chép: « xưa có vị Thái tử tên là Đỗ-Vũ, con vua Thục Đế lên ngôi được mấy năm, trong nước có loạn, Đỗ-Vũ bỏ ngôi đi mất không ai tìm ra. Dân thực nhớ Đỗ-Vũ trông mãi không thấy gọi là Vọng-Đế. Khi nghe cuốc kêu, dân Thục cho rằng Đỗ-Vũ tái sinh để KHÓC NƯỚC MÁT.»

c) Vấn đề âm thanh do con chim phát ra lại càng đáng ngờ hơn. Rất có thể người Tàu nghe tiếng "cuốc" tương tự với tiếng « quật » (Tiếng Bắc kinh) nên bảo là con chim gọi « nước ». Người Việt-nam cũng không phân biệt những âm có vần C và Q.

d) Hơn nữa con CUỐC sống vào MÙA HẠ còn con QUỐC sống về MÙA ĐÔNG (những mùa khác nó bay đi tìm xứ có khí hậu thích hợp).

Thử xem cụ Nguyễn Du viết:
« Dưới trăng QUYÊN đã gọi HÈ»

« Đầu cành lửa lựu lập lòe đâm bông»

Và cụ Dương-bá-Trạc:

«Ai xuôi con cuốc gọi vào hè?»

Như thế *Đỗ-quyên* hẳn là con quốc vậy.

● Con cuốc và con quốc trong thực tế

1) *Con Cuốc*: Chỉ lớn bằng năm tay, lông trên lưng hơi giống lông chim sẻ. Cuốc không có đuôi, thân hình rất mập, đồng dao có câu:

Con cuốc cụt đuôi.

Ăn bờ ở bụi

Ai nuôi mập ù?

Cuốc chân thấp, chạy rất nhanh, chân có ba ngón trước, không có ngón sau như chân gà nên không thể đậu trên cành cây được. Vì thế cuốc chỉ sống trong đồng cỏ khô ráo chứ không sống ở rừng hay đầm lầy. Mặc dù cánh không dài lắm nhưng cuốc bay rất xa. Nó có thể bay từ châu Âu vượt Địa-trung-hải sang châu Phi ở trọ trong những ngày đông giá. Cuốc ăn sâu bọ và các hạt ngũ cốc (theo Claude Augé). Xứ ta cuốc chỉ xuất hiện nhiều trong mùa hạ nên bị thi nhân đổ tội là đem mùa hạ đến. Sách « *Cầm trung Khảo dị* »

cũng có nói « Đỗ Vũ là con chim kêu về cuối mùa xuân, đầu mùa hạ, thường kêu ban đêm, giọng rất sâu thẳm...»

Ngoài các tên đã được thi vị hóa như *Đỗ-Vũ*, *Đỗ-Quyên*...con cuốc chính người Tàu viết là (Thuần) và theo như định nghĩa của « *Từ nguyên* »:

« Thuần = hình tựa kê sỏ, đầu tiêu, vĩ thốc, chùy, cước quân đoản bối nòng hạt sắc, dực hoàng hạt sắc, dai hữu hắc ban, phúc xích bạch sắc, tính hiếu bộ đầu, hữu thuần dưỡng chi dĩ vì du hý giả, dữ yêm bất đồng chủng, kim hồn xưng yêm thuận (Con cuốc hình giống gà con, đầu nhỏ, đuôi cụt, chân và mỏ đều ngắn, trên lưng màu xám đậm, cánh màu vàng xám lưng và cánh có chấm đen, bụng màu đỏ nhạt, tính hay đá lộn, có thể nuôi tập thuần thực dễ chơi được, không cùng giống với loài vịt nước, ngày nay thường gọi lẫn lộn giữa con vịt nước và con cuốc.)

2) *Con quốc*: Là loài chim màu lông rất đen trên lưng; dưới bụng có một ít lông trắng. Đuôi quốc không dài lắm, dưới lông đuôi có một chòm lông đỏ nên các người nhà quê ví dụ « *đỏ như đít quốc* ». Chân quốc cao, màu vàng, mỏ dài. Quốc ăn côn trùng như dế, nhái, trùn... Con vật này thường xuất hiện trong mùa đông, cùng giọng họ với gà nước. Một đặc điểm

đáng chú ý là quốc chỉ sống thành từng cặp. Khi con trống hay con mái bị bắt hoặc di lạc thì con còn lại kêu từng hồi suốt ngày đêm đến nỗi cổ chảy ra máu thì chết. Người ta tin rằng máu lấy nơi cổ con quốc chết rồi này, có thể dùng làm bùa ngãi nhân tình rất hiệu nghiệm. Vì đặc điểm chung tình như thế cho nên ca dao có câu:

« Quốc lẻ đôi còn ngồi than khóc
« Huống chi hai đứa mình nam
bắc đôi nơi..»



Tóm lại những tên: *Đỗ-Vũ*, *Đỗ-Quyên*, *Từ-Quy*... người Tàu dùng khi đem vào văn chương Việt nam chỉ có thể là CON QUỐC (*la caille* (1) mà thôi. Câu thơ của bà Huyện thanh Quan:

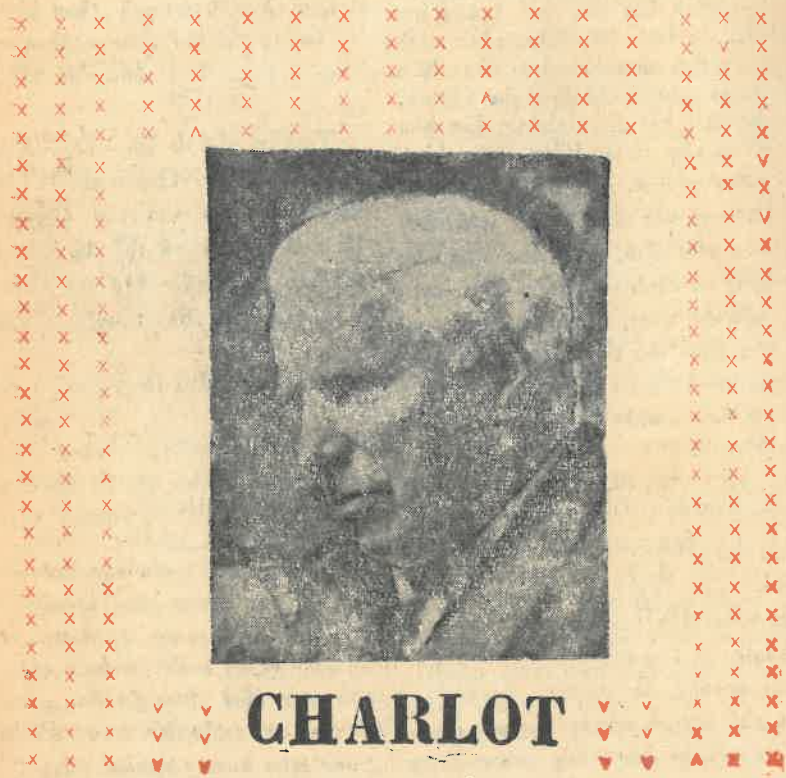
« *Nhớ nước đau lòng con quốc quốc.*

cũng đã được mọi người công nhận vì ý nghĩa của thơ nên bà đổi chữ « cuốc » ra thành chữ « quốc » vậy.

(1) *La caille*: oiseau voisin de la perdrix, migrateur (*la caille vient en France au printemps et en été*) (Con cuốc là loài chim tương tự như chim đa đa, sống di cư, con cuốc đến nước Pháp trong mùa xuân và mùa hạ)

— Larousse —

CHARLIE CHAPLIN



CHARLOT

CHARLIE CHAPLIN
Kịch-sĩ sân-khấu
với Cô Gái Nghèo ở
Ngoại - ô LONDON



NGƯỜI
Việt-nam ta
phần đông
thường-thức
"VUA HỀ
CHARLOT"
như một kép

pha trò trên màn-sảnh, có những
điệu-bộ ngộ-ngẩn, lưng-khùng
hiển cho khán-giả một trận
"cười vỡ bụng", thể thời.

Người Âu-Mỹ kính-trọng
CHARLIE CHAPLIN, (tên
thật của Charlot), và tôn ông
lên hàng danh-nhân thế-giới.
Một tờ báo Anh ở London đã
chỉ-định Chaplin, Einstein và
Churchill là ba nhân-vật vĩ-đại
nhất của Hiện-đại. Một nhà phê
bình văn-nghệ danh tiếng,
Théodore Huff, đã coi Charlie
Chaplin là "người, mà kể theo
Shakespeare, đã diễn-tả mãnh-
liệt nhất tất cả nét trào-lộng và
tất-cả nét bi-thảm của tư-cách
con người."

Có người khâm-phục Charlot,
cũng có kẻ công-kịch Charlot,
nhưng ai ai cũng phải công
nhận Charlot là một thiên-tài,
một kịch-sĩ độc nhất vô nhị
của Thế-giới.

Hồi Charlie Chaplin du-lich
các nước Á-đông, ghé thăm
thánh Gandhi, ông có nói với
nhà chí-sĩ Ấn-độ: "Tôi muốn
sống cuộc đời kham-khổ như
ông", Gandhi trả lời:

— Ông là người duy-nhất
đã làm cho tôi cười.

Nhà chính-trị Winston Churchill,
nhà Bác-học Đức Albert
Einstein, nhà Văn-hào George
Bernard Shaw, vua George VI
nước Anh, Tổng-thống Pháp
Vincent Auriol, v.v... là những
bạn thân của Charlie Chaplin—
đều kính-trọng ông là một nhà
"Hài-kịch thâm-thúy nhất, và
vĩ-đại nhất của nhân-loại từ
nhiều thế-kỷ."

Charlie Chaplin làm cho
người ta cười, nhưng chính
cuộc đời niên thiếu của ông thật
là khổ cực. Sinh năm 1889 trong
một gia-đình nghèo ở Anh-
quốc, Chaplin vẫn đeo-đuối học
vấn khá cao. Có nhiều khả-năng
về môn kịch, ngay từ thuở bé
ông đã đọc say-mê các bản kịch
nổi danh của Âu-châu, và nhất

là các vở hài-kịch của Molière dịch ra Anh-ngữ. Thế rồi, trong lúc những bạn học cùng lớp với ông, kể đi làm Trang-sư, Bác-sĩ, Giáo-sư, người làm kỹ-nghệ, thương-mãi, chính-trị, riêng một mình ông nhảy lên sân-khấu làm hề. Ông làm hề với ý-định bêu lên những lỗ-lăng của các giới trưởng-giả, những bất công của xã-hội loài người.

Tình yêu đầu tiên của Charlie Chaplin trong lúc này, là một mối tình đau-khổ, và tuyệt-vọng. Nàng HETTY KELLY, là một cô gái rất đẹp, rất hiền-lành, nhưng lại là rất nghèo. Hetty yêu tài của Chaplin, yêu tha-thiết nhưng không muốn thành-hôn với ông. Nàng chỉ muốn mãi mãi là người vị-hôn-thê trung-thành với ông cho đến khi nào nàng « làm ra tiền », để cùng người yêu góp công góp của, xây dựng hạnh-phúc bền lâu. Hai lần, Chaplin yêu cầu thành-hôn, hai lần Hetty Kelly từ-chối.

Charlie Chaplin cũng nghèo. Ông liền từ-giã nước Anh để sang Mỹ, quyết lần này gây một vốn lớn để khi trở về nhất-định cưới Hetty làm vợ. Lúc bấy

giờ Charlie Chaplin vẫn còn là chú hề trên sân khấu, chứ chưa có cine.

Sang Mỹ, Chaplin diễn các hài-kịch, được công chúng hoan nghênh. Mười năm sau, ông đã trở nên triệu-phú, đã lừng-lẫy tiếng tăm với các vai hề thu-hút hàng vạn khán-giả. Ông trở về Anh-Quốc được nhà tỷ-phú Rotschild và Vua nước Anh mời dự tiệc. Ông tìm lại Hetty Kelly, người yêu nghèo-khổ hồi mười năm xưa, nhưng biệt vô âm-tín. Ông và người thư ký của ông là Robinson, đi cùng khắp cả kinh-đô London, hỏi khắp các bót, các quán. Sau cùng tại một xóm lao-động ở ngoại-ô người ta cho ông biết rằng cô Hetty Kelly đã chết, trước đó hai năm, đói rét và rách-rưới trong một túp nhà hoang đổ nát, như một con mẹ ăn mày. Charlie Chaplin khóc òa lên giữa công chúng. Về khách-sạn (vì ông không có nhà cửa ở London, nên lúc thành triệu-phú ở Mỹ về, ông thuê ở một khách-sạn sang nhất ở trung-tâm London), suốt trong bốn ngày ông đóng cửa phòng, nhớ khóc người yêu bạc-phước.

Mặc dầu Thủ-tướng Anh và nhiều vị Bộ-trưởng đến mời ông đi chơi và đi dự tiệc để giải khuây, Charlie Chaplin

vẫn một mực từ-chối. Sau đó, Ông bảo với người thư ký của ông : « Cái khổ nhất trong đời tôi, là tôi làm giàu muộn quá ! »

CHARLIE CHAPLIN

Kịch - sĩ

Màn-Ảnh



LẦN đầu tiên, Charlie Chaplin sang Paris được dự một buổi chớp bóng Nghệ - thuật chớp bóng lúc

bấy giờ chưa được phổ-biến ở Anh nhưng bắt đầu bành trướng ở Mỹ. Mặc dầu Charlie Chaplin đã được coi một vài phim cine đầu tiên, nhà kịch-sĩ Anh-quốc vẫn không tỏ vẻ hoan-hoan. Được biết Charlie Chaplin có ý-định sang Mỹ lần thứ hai, chủ rạp hát Karno sợ ông sang Mỹ để làm cine, nên đề-nghị ký với ông một bản hợp đồng 10 năm, buộc ông không được bỏ sân-khấu để qua màn ảnh.

Nhưng Chaplin cười :

— Chú mày bảo tờ ký hợp-đồng là chuyện vô ích ! Vì, dù sao chăng nữa tờ cũng cảm thấy rằng tờ không thể nào đứng được vai hề trước ống ảnh cinema.

— Vậy thì anh sang Mỹ làm gì ?

— Ta chỉ có một triển vọng : trở thành một kịch-sĩ khôi hài danh tiếng nhất trên sân-khấu ở Hoa-kỳ.

Làm kịch-sĩ trên sân-khấu ở Mỹ, được nhiều tiền hơn ở Anh, cho nên Chaplin không do dự trở sang Mỹ lần thứ hai. Mỗi tuần ông kiếm được 50 đô-la. Nhưng sang Mỹ, dần dần ông bị phong-trào Cinê lôi cuốn, rồi ông mua lấy một ống máy camera, và tự ông quay những phim khôi-hài ngắn do ông tự viết ra. Những cuộn phim của Charlie Chaplin đem chiếu tại Los Angeles được khán-giả vỗ-tay cười dậy rạp. Tiếng-tâm của Chaplin,

kịch-sĩ Cinéma, lại được nổi lên như cồn. Tức thì, Mac Sennett, là chúa trùm ở Hollywood, lập tức đánh điện tín mời Chaplin đến Hollywood để đóng phim cho y, và y đề nghị trả ông một tuần 125 đô-la. Nếu ông bằng lòng, sẽ ký hợp-đồng một năm. Chaplin nhận lời, vì Sennett đã có sẵn phim-trường lớn nhất ở Hollywood và có đủ tiện-nghĩ để quay những phim dài.

Chính tại nơi đây, Charlie Chaplin lấy tên chính thức là CHARLOT, và cũng tại nơi đây, lần đầu tiên ông tự đặt ra bộ y-phục kỳ-dị với đôi giày há mồm, chiếc mũ trái dưa, cây gậy có gút, và khóm râu khôi-hài dưới mũi, lối phục-sức riêng-biệt của Charlot mà ngày nay cả thế giới không ai là không biết. Và không ai trông thấy mà không cười!

Thế là *Hề Charlot* xuất hiện trên màn-ảnh, gây lên tiếng cười vang-dội cả xứ Hoa-kỳ và cả Thế-giới.

Charlie Chaplin được nổi tiếng trên màn-ảnh, chính là do thiên-tài của ông : ông khéo vận-dụng từng mỗi cử-chỉ nhỏ-nhất, mỗi hành-động bất ngờ, đem cả



CHAPLIN với GANDHI



CHAPLIN với EINSTEIN



CHAPLIN với B. SHAW



CHAPLIN với CHURCHILL

trí thông-minh và tâm-lý tế-nhị, tươi-trẻ, thanh-tao, trong nghệ-thuật tuyệt-vời của ông, dễ gây lên tiếng cười thích-thú trên khắp các nét mặt già, trẻ, lớn, bé ở khắp mọi nơi.

Thấy Charlie Chaplin thành-công rực-rỡ, và được quăng đại quần chúng nhiệt-liệt hoan-hô, có một số kịch-sĩ thấp kém đâm ra ganh tỵ, ghen-ghét, và tìm cách chê bai, và nói xấu ông.

Nhiều tờ báo do những hãng phim cạnh tranh và những kịch-sĩ bất tài nhưng có nhiều tiền, mua chuộc để đăng bài chửi bới và moi-móc đời-tư của Charlie Chaplin để thỏa-mãn lòng ganh-

ghét đê hèn. Nhưng chính những bài báo chuyên-môn bêu xấu ông lại càng làm tăng danh tiếng của ông thêm lên. Quảng-đại quần-chúng uà nhau đến các rạp Cinê, tranh-giành mua vé trước hàng tháng, để hy-vọng được coi những cuộn phim cười diều đầy ý-nghĩa và vô cùng trào-lộng của Charlot. Charlot được khắp khán-giả trên thế-giới yêu-chuộng, và khâm-phục là một kịch-sĩ hài-hước bậc nhất trên màn-ảnh.

✧ TÂN-PHONG

(kỳ sau tiếp)



✧ NHÁT NHƯ THỎ

Một thanh-niên rất nhút-nhát, hôm Tết đi xe lừa về Huế. Trên xe, ngồi bên cạnh chàng, có một thiếu-nữ đẹp tuyệt. Chàng muốn làm quen, mấy lần định hỏi chuyện, nhưng nhát quá không dám mở miệng, và không biết hỏi gì ? Tàu chạy từ Saigon ra đến Đà-nẵng, chàng mới liều mang quây lại nạng, và hỏi áp-úng một câu :

— Thưa... cô... cô... cô cũng đi chuyến xe lừa này... ?

Thiếu-nữ ngạc-nhác :

?

Nắng lạc phương nào ?

Một chiều xuân êm êm,
Nắng dịu xuyên qua rèm.
Ánh sắc vàng rực - rỡ,
Sưởi ấm cõi lòng em.
Em mơ thấy cuộc đời,
Đẹp như cánh hồng tươi.
Em dệt tình Lý - Thương,
Xây đắp mộng Ngày - Mai.

Bỗng dung trời trở gió,
Nắng vội biến sau rèm,
Phút đầu còn lấp - ló,
Rồi chợt chết im - lìm ?

Em ngần - ngơ tìm nắng,
Nhưng nắng khuất nơi nao ?
Chỉ thấy chiều hoang - vắng,
Và nghe gió lao - xao.

Buồn trong cảnh nhà thương,
Lá úa rơi ngập đường.
Hiu - hiu làn gió thoảng,
Em ngơ thu vùa sang.
Một mối sầu mạn - mác...
Len - lỏi chiếm hồn em.
Như hơi thu bát - ngát...
Gieo giá lạnh vào tim !

Bâng - khuâng em lướt - tiếc,
Màu nắng chói tưng - bùng.
Giữa bầu trời xanh biếc,
Đào - dạt khúc tình xuân.

Nắng lạc phương nào ơi hơi nắng ?
Và đây sưởi ấm lại lòng ta !

TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG
Bệnh-viện Huế, chiều trở gió.

HỒI KÝ

Một Đời Người

PHẦN THỨ HAI

XXVII

Nhà Văn đứng trước thời cuộc

(Tiếp theo P. T. số 54)

★ THIẾU-SƠN

ANH chủ-bút báo *Justice* nhận được một cuốn sách nhỏ nhan đề : *Devant le drame Franco-Vietnamien. Đứng trước thảm - kịch Pháp - Việt.* Sách có hai phần : tiếng Pháp và tiếng Việt. Phần tiếng Pháp chính tác-giả tự dịch của phần tiếng Việt. Tác giả là Nguyễn-Vỹ, một thi-sĩ tôi đã nghe danh mà chưa từng gặp mặt. Anh chủ bút báo tôi : "Anh đọc đi. Tuy ảo-tưởng mà thành-thật."

Tôi mới đọc được vài trang thì Tam - Ích cũng gửi đến cho một bản nữa có đề tặng : " *Thân tặng anh Thiếu-Sơn, một người tôi rất mến...* , một người tôi

trọng... một người tôi thương... một người tôi hay ngạo một cách kín-đáo... » Tam-Ích có nêu thêm vì sao anh mến tôi vì sao anh trọng và anh ngạo những gì. Có điều vì sao anh thương thì anh viết : « Một người tôi thương : anh là một nhà văn lạc vào trường chánh-trị rồi mắc kẹt không ra được. Lúc đầu thấy khó chịu, sau quen đi lại thấy thâm thâm quen mùi ».

Sở dĩ Tam-Ích tặng sách tôi là vì anh là người đề tựa cho tác - phẩm của Nguyễn - Vỹ. Bài tựa của anh dí-dỏm và tế - nhị. Anh giới-thiệu tác-giả là một nhà thơ nhưng là một nhà thơ bước

MỘT ĐỜI NGƯỜI

binh đã viết hai cuốn sách tổ-cáo chủ-nghĩa phát-xít và « *Cái họa Nhật bản* » mà kết-quả là 3 tháng trong ngục thất của Nhật và 3 năm ở « *Cảng* » an-trí của Pháp. Nguyễn-Vỹ được trả tự-do năm 1945 và ở miết trên Đà-lạt luôn mấy năm.

« *Nhưng, Tam - Ích nói, một buổi sáng, thi-nhơn bỏ cảnh yên tĩnh của Đà - lạt và xuống với những người sôi nổi. Người ta hỏi ông đi đâu. Ông trả lời bằng một vẻ mặt hết hoảng : có một xã-hội đang đầy máu lửa...* »

Cái xã-hội máu lửa đó đã dựng nhà thi-sĩ dậy và gọi hứng cho ông viết cuốn « *Đứng trước thảm kịch Pháp - Việt*. Rồi người đề tựa kết-luận :

« *Hỡi bạn đọc sẽ dành cho ông rất nhiều thiện-cảm, dành cho một người, xưa kia là nạn nhân của tư-tưởng phân-đế-quốc, ngày nay là nạn-nhơn của tinh-thần nhơn loại và ngày mai sẽ là người bạn thành-thực của những người biết thương người.* »

Đọc rồi bài tựa là phải đọc liền tới sách. Sách không dày, chỉ lối 100 trang gồm cả hai phần Pháp và Việt. Đọc một phần chỉ là đọc một nửa cuốn sách.

Tác-giả đã vẽ cái thảm-trạng

chiến-tranh Việt-Pháp bằng những nét linh-động cho ta có cảm-trởng rằng chính ông đã choáng-váng vì máu lửa đương tràn-ngập trên tổ-quốc thân-yêu. Ông thương tất cả những gì đã bị chiến - tranh tàn - phá : thương đồng-bào, thương Đất nước, thương nền văn - hóa cổ-truyền Việt-Nam, thương luôn cả những nạn-nhân người Việt, người Pháp và nền văn-học phong phú của Pháp, mà ông thành-thật ca-ngợi một cách vô-tư.

Tấm lòng bác-ái chân-thành của tác-giả giữa một cuộc giao-tranh đang quyết-liệt chống xâm lăng có thể làm cho nhiều người ngộ nhận.

Tác-giả lại đưa ra một quan-niệm và đề-nghị một kế hoạch đề giải quyết vấn-đề Việt Nam. Ông mong nước V. N. *thật-sự tự-do*. Nhưng hơn hết và trước hết là cần phải chấm - dứt ngay cái thảm-trạng Pháp - Việt, cần phải dẹp tan cuộc binh-dao và đem lại hòa-bình cho xứ sở. Ông đề nghị thành lập một Ủy-ban Thống-nhất Quốc-gia.

Ủy-ban này sẽ soạn - thảo một dự-án cho một chế - độ « *Liên - Bang Cộng-Hòa Việt - Nam* ». Chủ-Tịch Chánh-phủ sẽ cử 3 phó chủ tịch cho 3 phần Bắc, Trung, Nam... vv. Ta không cần đi vào chi-tiết những kế-hoạch trên đây,

MỘT ĐỜI NGƯỜI

ta chỉ cần biết những lý - do đã thúc đẩy nhà thi-sĩ thảo ra những kế-hoạch đó.

Theo ông thì chúng ta đã thất-bại và cả Pháp cũng thất-bại, cả hai bên đều thất-bại hết ráo.

Hơn nữa, chúng ta đã bị trơ-trọi một mình, « *và, ông viết, nếu chúng ta không thể nhờ cậy một sức mạnh nào can thiệp, tại sao chúng ta nhất định chiếm lại bằng võ-lực cái Lý - tưởng mà chúng ta còn có thể chiếm lại bằng lý-trí mạnh - mẽ và lòng cương-quyết của chúng ta?* »

Ta nên nhớ rằng sách này xuất bản vào cuối năm 1947, lúc đó tình-hình quân-sự không có gì là khả-quan.

Nhà thi-sĩ lại bảo người ta tả Pháp lẫn Việt nên « *thôi đánh* » và « *đi về* ».

Ta hãy nghe ông nói :
« *Trong giờ phút này, bao nhiêu tư-tưởng của tôi đều thành kính quay về các vong - linh tử - trận, tôi xin gửi tiếng gọi Hòa - Bình tha thiết cùng tất cả anh em, chị em kháng chiến Việt - Nam. Hỡi các chiến-sĩ không tên tuổi, không sờn lòng nản chí, còn đang hăng-hát trong cuộc chình-chiến thiêng-liêng cho Đất-Nước ! Hãy trở về với chúng tôi,*

là những bạn-hữu, những anh em của các anh, các chị, và góp sức nhau chúng ta cùng xây-dựng tương-lai cho nước nhà.

Tôi ước muốn anh chị em đều có mặt đông đủ trong đại-gia-đình Việt-Nam, vì xa vắng anh chị em, chúng tôi cảm thấy một trống - trải nào - nùng bi-thương lắm lắm !

Tôi mong rằng từ nay trong gia-đình chúng ta nước Pháp sẽ không phải là một kẻ xâm-lăng tàn-bạo mà sẽ phải là người bạn hiểu-biết chúng ta.

Tôi mong rằng trong Hội-nghị Gia-đình Việt-Nam nước Pháp Mới sẽ không có thái-độ gì để chúng ta oán ghét... »

★

Ngày nay không-khí đã khác xưa, kẻ thù không còn nữa, cho nên ta đọc lại những lời kêu gọi của thi-sĩ ta không còn thấy lòng ta xúc-động bao nhiêu. Nhưng lúc đó, lòng ta không có thể bình-thản được và ta phải đánh một vài dấu hỏi trong đầu để tìm hiểu nhà thi-sĩ khi không lại xuống núi mà kêu gọi hòa bình, giữa lúc chiến tranh đang ác liệt.

Và ông đã quá thiên về lý-tưởng

Bác ái mà hy-vọng nước Pháp sẽ không phải là một kẻ xâm-lãng tàn-bạo và sẽ là người bạn hiền biết của chúng ta. Lúc đó nước Pháp còn là kẻ xâm-lãng tàn-bạo, và nước Pháp chưa thể là người bạn hiền biết của ta được. Và chính lúc đó tôi đã viết bài phê-bình cuốn sách của nhà thơ trên tờ báo « Đoàn kết », xuất bản ở Sài-gòn. Số báo đó tôi không còn giữ được nên tôi cũng không nhớ là tôi đã nói gì. Đại-khái tôi không đồng-gý với Thi-sĩ về lời kêu gọi hòa-bình và bác-ái giữa lúc chiến tranh đang quyết liệt.



Trên 10 năm sau, tôi gặp Nguyễn Vỹ ở Saigon và được anh vui lòng dành chỗ cho tôi viết ở *Phổ Thông*. Trong những cuộc gặp nhau và nói chuyện với nhau, có lần anh nhắc đến sách *Devant le drame Franco-Vietnamien* và nhắc luôn đến bài phê-bình của tôi nữa. Anh than-phiền rằng cả Pháp cả Việt-Minh đều đã hiểu lầm anh, rằng anh em Bình-Xuyên đã hăm dọa anh, rằng người đề tựa cho sách anh là Tam Ích đã viết lời thanh-minh và như thế là thiếu can-dảm và thành thực, v.v.. Nay

có dịp tôi đọc lại sách của anh, tôi thấy chính tôi cũng đã mắc chung một chứng bệnh với anh Nguyễn-Vỹ là bệnh nặng sống về tình-cảm, và cố-nhiên là ảo-tưởng.

Tôi nhớ rằng hồi anh em *Việt - Nam Quốc - Dân Đảng* khởi nghĩa năm 1930 và bị thất bại, chính tôi đã viết một bài trên tạp-chí *Nam-Phong* thương-tiếc những giòng máu anh-hùng nhưng lại chê anh em là vọng-động tự-khí. Rồi qua năm 1945 tôi lại còn viết một bức thư cho Đại-Tướng Leclerc tố-cáo với ông những hành động cướp-bóc tàn-bạo của binh-lính Pháp, nhưng vẫn tự-hào với ông rằng tôi ở trên cuộc xung-đột và có thái-độ cao - thượng như Romain Rolland. Sau này nghĩ lại tôi thấy rằng sự đứng trên cuộc xung-đột không làm danh giá gì cho tôi, thứ nhất là trong khi toàn dân đương cần-răng tử-chiến với quân-thù và đương là nạn-nhân của binh-đao và khói lửa. Hơn nữa, đứng trên mà cố tránh khỏi vạ đầu ? Chuyện 3 cái bạt tai tôi đã từng nói ở phần trên.

Nhờ vô Đảng Xã-hội tôi mới thấy rằng nhận-định về chánh-trị không nên nhận-định theo tình-cảm và làm chánh-trị không thể làm một mình.

Phải theo một lập-trường và phải khép mình vào một kỹ-luật đảng. Tam-Ích đã nói đúng : Tôi là một nhà văn lạc vào chánh-trị rồi mắc kẹt không ra được. Lúc đầu thấy khó chịu, sau quen lại thấy thâm-thẩm quen mùi.

Trải qua nhiều biến-cổ và tang-thương, tôi đã gỡ kẹt, thoát thân và trở về làng văn với các bạn. Gặp lại Nhà thơ Nguyễn-Vỹ mà tôi đã phê-bình năm xưa, tôi thấy ở chúng tôi có vài điểm dị-đồng nhưng chúng tôi đều là những người ảo

tưởng mà thành-thật. Chúng tôi không ai muốn thấy máu đỏ, thịt rơi, và nhiều khi đã cất tiếng kêu thương một cách thiết-tha ai-oán. Tiếng kêu gọi hòa-bình của Nguyễn Vỹ đã bị tiếng súng lán-át và trật nhịp đối với những tiếng lòng của những kẻ hăng say. Chúng tôi là những con người thiên về lý-tưởng nhiều hơn là thực-tế chính-trị, nhưng chúng tôi thành-thật và đã từng là nạn-nhân của lòng thành-thật ấy.

(Còn nữa)



★ CUNG VỢ

Người hàng xóm hỏi bà nhà giàu vừa gả con lấy chồng :

— Sao bà, cô Hai có hạnh-phúc không ?

— Ồ, chồng nó cung nó lắm ! Hễ nó đòi món gì thì chồng nó chạy về bảo tôi đưa tiền để nó đi mua ngay món đó cho vợ nó !

★ DANH NGÔN : tiến bộ

Tiến bộ là một cuộc thi đua không ngừng. Nếu loài người phát-minh được một bầy-chuột có khiếu nghiệm hơn thì Trời lại sinh ra loài chuột khôn lanh hơn.

TÔ PHỞ

* PHƯỢNG-CHÂU
(Hội - An)

TRỜI cuối đông đầu xuân của phố Hội buồn tênh càng buồn tênh hơn nữa. Gió ngoài trời thổi vi vút lạnh thấu xương, lại thêm có những loạt mưa ngâu giá buốt.

Khí trời tuy có lạnh nhưng với chúng tôi — bầy quỷ trước bảng đen — vẫn không thấy lạnh một chút nào cả. Mà lại càng thấy thú vị nhiều hơn, và rũ nhau kéo đến trường để hưởng cho trọn vẹn những cái thú êm đềm và ấm cúng của ngày cuối năm sau một lực cá nguyệt.

Đặc biệt hôm này được vào lớp tự do; vì có những giờ

nghỉ bất ngờ — các giáo sư phụ trách ở xa đã về trước để đoàn tụ với gia đình — học trò đi đầy sân. Chúng tôi cả bọn lớp tứ 1 có lần cả hai ba và tư đi vào cùng một lớp, vì có lệnh của anh Liên đội trưởng.

— Giáo sư quốc văn đến bây giờ. Mời chúng ta vào lớp, nếu ai thích nghe chuyện... đời xưa.

Không khí tẻ tẻ đang còn ồn ào thì giáo sư đến, đứng ngay nơi cửa lớp nhìn chúng tôi một lát — vẫn yên lặng thầy bước lên bục. Tiếng giầy chạm mạnh làm cả lớp giật mình, im phăng phất đồng đứng dậy. Theo thói

quen, thầy vẫn không nói một lời nào, trừ cái vẫy tay ra lệnh cho cả lớp được ngồi. Xong, thầy bách bộ quanh lớp đóng bớt những cánh cửa gió lùa, rồi lên bục kê nơi bảng đen chùi nhẹ nhẹ những giòng chữ còn nham nhò. Cả lớp vẫn nhìn thầy không chớp mắt.

Lớp học yên lặng và ấm cúng quá, không có lấy một ngọn gió lạnh nhỏ nào có thể len vào đây mà phá vỡ cái khí ấm thân mật này. Thình lình đang bách bộ, thầy đứng dừng lại và hỏi chúng tôi như nửa đùa nửa thật :

— Các em đã có lần nào đi ăn «phở nhà thờ» chưa?

Cả lớp cười ồ lên và đồng thanh đáp :

— Thưa thầy «permanent» ạ!

Thầy tôi cũng cười chung vui. Trong đầu não chúng tôi bây giờ hiện lên một cách rõ rệt cái, rộn rịp của những ngày nghỉ ngày lễ trong quán phở bên đường Nguyễn-công-Trứ, lộ dẫn ra nhà thờ Thiên Chúa Giáo. Vì nằm ở vị trí ấy nên người ta vẫn quen gọi là quán Phở Nhà Thờ.

Tự nhiên ai nấy đều thấy vui

vui và hớn hờ lạ. Thầy tôi lại hỏi tiếp :

— Thử có ngon không?

Thích chí chúng tôi la lên :

— Thưa thầy tuyệt ạ.

— Này, thế các em có biết vì sao ngon không? Thầy tôi hỏi.

— Thưa thầy vì nước phở ngọt.

— Thử vì sao nước phở ngọt?

— Thưa thầy vì thịt nhiều xương nhiều ạ.

— Vì sao thịt nhiều xương nhiều?

— Vì ông bán phở mua nhiều ạ.

Thầy trò vẫn đối đáp nhau trong vòng thân mật. Tự nhiên tôi thấy thầy tôi suy nghĩ và mỉm cười nói :

— Vì người ta ăn nhiều nên hàng phở phải mua nhiều để đáp lại nhu cầu của khách.

Nhưng chẳng nhẽ vì nước phở ngọt, xương thịt nhiều mà tô phở ngon thôi sao.

— Thưa không ạ. — Chúng tôi vui vẻ a lên — Còn gia vị nữa mới ngon thầy ạ.

Thầy tôi vui vẻ kêu một cô nữ sinh nhỏ nhỏ đứng lên kể cho cả lớp nghe những gia vị nào làm cho tô phở thêm màu mè và

hương vị. Cô học trò ngập ngừng đứng dậy và thưa :

— Thưa Thầy chanh, ớt, tiêu, tỏi, hành nước mắm ạ !

Cả lớp được thể lại càng cười to hơn lên. Cô học trò bẽn lẽn ngồi xuống, hai má ngây ngây hồng.

Thầy giáo tươi nét mặt bảo với cái lũ — nhút qui, nhì ma, thứ ba là chúng nó — rằng :

— Thế thì các em cũng là những khách hàng sành điệu lắm rồi ! Nhưng đã có bao giờ ngồi dùng một tô phở các em suy nghiệm đến điều gì chưa ?

Chúng tôi tất cả im lặng và lắng đợi những lời không còn khôì hài nữa. Vì bây giờ chúng tôi thấy trên nét mặt thầy hiện lên một vẻ suy nghĩ và nghiêm nghị quá ! Giọng trầm trầm thầy bảo :

— Với cái tuổi của các em mười sáu, mười tám này. Chắc hẳn chưa bao giờ các em nghĩ đến cái đời với đầy đủ ý nghĩa của nó.

Cả lớp im phăng phắt, thầy lại tiếp :

— Nhiều lúc thầy thấy tiếc và thương hại cho những cô cậu học trò còn bước những bước tập tễnh ra khỏi ngưỡng

cửa học đường để chen vào xã hội đã phải vấp ngã một cách chua cay trên vạn nẻo đời. Vì họ đã không quen chịu, hoặc quá ngạc nhiên trước cái ngọt, bùi, chua, cay, mặn, đắng của thế nhân.

Các em, hôm nay ngày cuối cùng của một năm, Thầy muốn mượn cái khí xuân êm đềm để giao hòa cùng các em một niềm thông cảm giữa kinh nghiệm sống sơ thiển của thầy với căn não ngây dại của các em.

Thầy muốn các em sau này sẽ không đến nỗi là những kẻ nhìn đời với cặp mắt bi quan hay lạc quan quá. Vì trên ván cờ của thế sự thiên hạ lắm lúc con người chỉ hơn nhau hai chữ rủi may. Các em sẽ nhìn đời với đầy ý nghĩa của nó và muốn tận hưởng một cách thú vị thì các em cũng phải quan niệm như mình dùng một tô phở. Để hưởng cái ngon lành của nó các em phải chịu ít nhiều cái chua, cay, mặn, ngọt. Có như thế các em sẽ không đến nỗi tiếc nuối chuỗi ngày qua để trở nên người bi quan, hay mơ ước tương lai để trở thành một kẻ mơ mộng. Hãy bằng lòng trong hiện tại, đừng cho hiện tại chỉ là một sự thật phủ

phàng. Để khỏi mang tiếng là con người lập dị.

Và này còn điều nữa, vào ăn phở các em đừng quên bỏ cặp kính mát ra nhé ! Vì đây là một trở ngại đáng bực mình nhất, khi mà khói thơm của phở bốc lên, sẽ phủ kín kính ta bằng một lớp hơi nước mờ ! Cũng thế, đừng bao giờ các em nhìn cuộc đời qua cặp kính râm. Vì các em hãy coi chừng Hương sắc đời sẽ làm mờ hai "cửa ngõ linh hồn" tinh anh và tươi đẹp của các em.

Thầy muốn hôm nay đây đóng vai trò của kẻ đi trước, gây nên một ý nghĩ nho nhỏ để các em

suy nghiệm trong những ngày xuân về với gia đình đoàn tụ.

Tiếng nói của Thầy im rồi im hẳn... Một tràng pháo tay nổ vang vang. Thường cái bệnh của chúng tôi là sau một hồi vỗ tay phải có một chuỗi cười ngoặc nghèo. Nhưng không, ở đây khác hẳn các cô cậu chỉ nổ pháo tay để cảm ơn Thầy đã truyền vào cho mình một nghĩa sống ; rồi ai nấy đều giữ một thái độ im lặng đứng đắn để suy tư.

Trong khi tiếng giầy của giáo sư Quốc-Văn vẫn cộp cộp nhịp đều theo những bước đi bách bộ quanh lớp... im lặng.



* ĐỒNG-HỒ CỦA THI-SĨ

Thi-sĩ lết chưa tới nhà thì còi đã thổi 12 giờ trưa, chàng vén tay áo xem đồng hồ rồi lăm-băm !

— Quái ! chưa đến 12 giờ mà còi đã thổi rồi.

TÚY-HỒNG (Huế)

54 Phan chu Trinh



(tiếp theo P. T. số 53)

★ NGUYỄN - VỸ

ANH phu xe cyclo - đạp là người bạn đầu tiên ở Nha-Trang đón tôi trước sân ga với một nụ cười niềm-nở, thân-thiện. Anh mời tôi lên xe bằng một cử-chỉ đầy tình hữu-nghị. Trong thâm-tâm, tôi cảm ơn anh đã cho tôi một cảm tưởng êm-đẹp về thành - phố Nha-Trang hiền-lành, ưu-ái. Chiếc xe chở tôi chạy trên nẻo đường dài thăm-thẳm, đưa đến

Biển đang phập-phồng lóng-lánh tận xa xa. Tôi tiến thẳng vào trái tim của Nha-Trang. Làn gió mát dịu đang mở rộng trước mắt tôi cánh cửa bao-la của trời, mây, non, nước.

Ồ Biển ! Biển ! Chào người ! Chào vừng Thái-dương chói-lọi của những truyền-ký xa-xưa ! Núi xanh - xanh..., cát long-lanh..., sóng mỏng - mảnh..., chào tất cả !

NHATRANG DU KỶ

Tôi ngồi dưới bóng dừa, nhẹ nhàng, khoan-khoái. Tôi cởi giày, tháo cravate, cởi áo, bỏ trên cát vàng. Một đợt gió ủa tới, mơn-trón tóc tôi như một bàn tay quyến - luyến, rồi lạnh-lẹ, nê-đùa lượm chiếc cravate bay vù ra quãng cho sóng. Tôi ngồi yên lặng, mỉm cười nhìn theo trò chơi tình-nghịch ấy. Làn sóng reo cười chụp chiếc cravate, lôi ra xa, vừa gặp làn sóng khác đổ-xô vào cuốn lấy, tung lên... Bọt sóng tấp lên bờ, nở một mâm hoa trắng xóa, chiếc cravate quẩn lên trên như một rêu ruban vàng, tím, đỏ... Sóng và gió đã trao lại tôi chiếc cravate ướt nhẹp, nhưng phơi trên cát một lúc là khô liền.

Tôi vào quán-trọ, còn phải thay đồ để đi thăm mấy người bạn.

Trước khi đi Nha-Trang, tôi đã định để dành riêng cho tôi một thích - thú bất ngờ.

Không báo tin trước cho bà Trương-Phổ biết rằng tôi đi Nha-Trang và sẽ đến thăm bà, tôi muốn đến đột-ngột để được thấy con người của Sông Tương hiện ra trước mắt tôi như một giấc mơ. Không dè, 30 Tết tôi

hồi hộp bước vào « *Trịnh-phong-Hiên* », một ổ-khóa bám chặt vào cửa đón tôi với một im-lặng lạnh lùng. Một em bé ở căn nhà kế cận, bảo tôi : « Bả đi Đà-Lạt ». Tôi hoàn toàn vỡ mộng. Thui thủi ra đi, tôi tự nhủ thầm : Nha Trang không có Trương-Phổ, thì Nha Trang buồn lắm vậy ôi !

Tôi phải thú thật rằng tôi biết Trương-Phổ đã ba chục năm nay mà chưa hề biết mặt bà Trương Phổ. Hồi bà ở Hà-Nội, tôi có ở Hà-Nội; hồi tôi ở Đà-Lạt, bà có ở Đà-Lạt; tôi ở Saigon, bà có ở Saigon. Nhưng chỗ có Trương Phổ là không có tôi, chỗ có tôi là Trương Phổ không có. Hai giấc mộng như cứ muốn tránh nhau hoài... trong hai giấc mộng ! Chẳng thế mà hôm qua tác giả « *Mưa gió sông Tương* » viết cho tôi : « N. V. hận vỡ mộng dưới Trịnh phong Hiên à ? Vô duyên ấy mà đẹp đấy ! Vậy xin đừng bao giờ phá cái « vô duyên » ấy nhé. Chỉ « vỡ mộng » mới nên tho thòi, thi-nhan thừa biết thế ! »

Tôi đến Quách-Tấn. Nửa Nha-Trang không có Quách-Tấn nữa thì Nha Trang vui làm

« sao được nữa ! Quách Tấn ngạc nhiên, nở nụ cười tươi rói, đưa hai tay ra niềm nở : «Ồ ! Anh ! » Gặp nhau trong mùa Xuân « Cổ điển », vẫn là đôi bạn của hai mươi mấy Xuân xưa. Những bạn tôi, thi sĩ mà làm công chức không phải chỉ riêng gì anh Quách Tấn. Nhưng tôi phục Quách Tấn : Công chức mà vẫn là thi sĩ. Trong đám người thơ của Thế-hệ 40, Quách Tấn vẫn còn giữ vẹn nho-phong của thời di vãng. Ngày Tết, anh tiếp tôi tại nhà anh, mặc chiếc áo dài đen, bịt khăn đóng và mang đôi guốc. Bộ quốc phục khiêm nhã của anh, cũng như của đại đa số đồng bào đáng mến trong mấy ngày Xuân ở Nha Trang, gọi lại cho tôi phong độ huyền mơ của Tết cổ truyền mà Saigon không còn thấy nữa. Tôi có cảm tưởng như chàng Từ-Thức lạc lối về đây..

Ở tí thành xưa, nơi chặn đường nào đó, phăng-phất xa-xa vài làn mây trên đỉnh núi, có cặp thơ Trinh Tiên và Bửu Đáo trong một căn nhà dán đầy tranh Tết. Nếp bên cành mai, lo-lửng bức ảnh diêu hiên của nàng thơ Thanh Nhung, con gái đầu lòng.

Thanh - Nhung, tên thật là *Nha Trang*. Thanh Nhung còn trẻ, đã làm nhiều thơ. Tôi có đọc những bài thơ ấy. Tôi tin rằng một ngày mai Nha Trang sẽ là Thanh Nhung. Bao nhiêu mây gió Nha Trang ngày nay chẳng đã đầy ngập trong thơ Thanh Nhung là gì ?



Tình cờ tôi gặp một vị Giáo-sĩ Tây-phương của giòng Chúa Cứu-Thế, quen từ lúc ở Hà-Nội. Cách nay đã 25 năm, mà ông còn nhớ mặt tôi, tôi còn nhận được ông. Cả hai cùng ngạc-nhiên vui-mừng, vồn-vã bắt tay. Ông nói chuyện với giọng rất ngọt - ngào, khả - ái, bằng tiếng Anh :

— Ô, Anh còn trẻ hơn lúc ở Hà-Nội !

Tôi không nhin cười được :

— Hình như Cha nói có lý.. Trái đất mỗi ngày mỗi trẻ, và con-người mỗi ngày trở thành như đứa con nít.

Giáo-sĩ hiền-lành bảo :

— Chúng ta tất cả đều trẻ, bởi vì tất cả chúng ta đều là con của Chúa.

Riêng tôi hôm ấy, đứng bên cạnh một nhà hiền-triết có lão

rất đáng tôn kính, quả thật tôi tự cảm thấy tôi là một đứa trẻ con ngây-ngô.

Chúng tôi đi dọc theo bờ biển, hồi-han, chuyện trò. Lúc đầu toàn là những câu chuyện hàn-huyên, hỏi về thân-thể phù-trầm trên hai chục năm qua, trải bao nhiêu biến-cổ. Tôi không ngờ ông là một độc-giả của Phổ. Thông từ một năm nay. Giáo-sĩ và tôi cùng ngồi trên bãi cát, dưới bóng mát của rặng dừa.

Sau một cuộc đàm luận khá lâu về tôn-giáo, tôi hỏi :

— Nhưng, thưa Cha, Chúa có hay không có ?

Giáo-sĩ nhìn tôi :

— Anh đã hỏi tôi câu đó lúc anh còn là một sinh-viên ở Hà-nội. Nay đã 25 năm mà anh chưa tự tìm được câu trả lời hay sao ?

— Tôi đã đọc một ít sách về tôn-giáo, trong số đó có một quyển nhan đề là : « Chúa có hay không có ? » (Dieu existe-t-il ?). Tác-giả quyển ấy đem khoa-học ra mà giảng-giải rằng không có Chúa. Nhưng tác-giả không làm cho tôi thỏa-mãn, vì chính khoa-học không hề giảng-giải được cái huyền-bí của tạo-vật. Ai sinh ra tạo-vật ? Ai đã sáng-tác ra vũ-trụ hiện-tại ? Đó là câu hỏi thắc-

mắc nhất mà tất cả các tôn-giáo của loài người, kể cả Gia-tô-giáo, đều không hề giảng-giải được rõ-ràng. Còn khoa-học thì mò-mẫm mãi từ mấy ngàn năm mà không thể quả quyết một xác-nhận nào nghiêm-chính cả.

Đức Giáo-sĩ của tôi là một nhà tôn-giáo cao-siêu và cũng là một bậc hiền-triết rất đáng khâm-phục. Ông đã nhấn mạnh rất hùng-hồn ý-niệm về Chúa. Tôi cũng cho rằng ấy là ý-niệm huyền-linh, vô cùng tốt đẹp, của hàng triệu người từ hai nghìn năm nay.

Nhưng tôi nói :

— Riêng tôi không tin có Chúa, nhưng tôi biết rằng thi - nhân có tôn - giáo riêng của họ : Tôn - giáo của Đau-khổ. Tôn-giáo ấy không có Chúa, nhưng từ khi con-người bắt đầu biết suy-tư và rung-cảm, thì bất cứ chỗ nào có Đau-khổ, là chỗ ấy có thi-nhân quý gỏi xuống để cầu-nguyện.

Trước Jésus Christ, trước Thích-Ca - Mâu - Ni, trước cả Homère, đã có Sapho : một người đàn-bà trẻ, đẹp, ca hát Sắc Đẹp, Tình-yêu và Đau-khổ. Thất-vọng vì anh thuyền-chài Phaon không yêu nàng, nàng đã đứng trên mỏm đá cao nhảy xuống biển Lesbos để tự-tử. Nàng thi-

sĩ đầu tiên của nhân-loại còn để lại cho chúng ta những bài thơ nào-nùng, bi-đát vô song, từ đời Thượng-Cổ ! Homère, Dante, Firdowsi, của những thế-hệ sau chỉ là những vang bóng của Sapho, réo rất tiếng Thơ và tiếng Nhạc thiêng-liêng của Tình-Thương, và của Đau-xót..

Giáo-sĩ nhìn tôi với một nụ cười hiền-lành, chỉ trả lời một câu :

— Anh cảm thấy đau khổ, là anh sẽ tìm thấy Chúa.

Nhà tu hành thông-thái bắt tay tạm-biệt tôi, và đi về một con đường vắng-vẻ.

Buổi chiều tắt - niên, cả một khu trời đều vắng-lặng. Trên bãi bể mênh-mông, nhìn quanh-quẩn chẳng còn ai.

Một trời, một biển bao-la,

Một mây, một gió, một ta, một mình !

Buồm ai xa tít, lênh-đênh,

Trăm thương, nghìn nhớ, một mình, một ta !

Tôi viết với ngón tay trên bãi cát. Nhưng làn sóng nô-đùa ập vào bờ lùa mấy vản thơ của tôi ra bể..

(K) sau hết)

N. V.



★ LỜI EM TRÉ

Chị của Tám đau cúm, khi chị ăn cam, Tám đứng sát bên giường mắt nhìn hết sức rụt-rè. Chị cho Tám một miếng cam, Tám ăn rất hiền lành

Tám nói với chị :

— Bữa mô em đau, em cho chị ăn cam lại nghe.

TÚY-HỒNG (Huế)

Le jardin mouillé

La croisée est ouverte ; il pleut
Comme minutieusement
A petit bruit et peu à peu
Sur le jardin frais et dormant ;

Feuille à feuille, la pluie éveille
L'arbre pondreux qu'elle verdit ;
Au mur, on dirait que la treille
S'étire d'un geste engourdi.

L'herbe frémit, la gravier tiède
Crépite, et l'on croirait là-bas
Entendre sur le sable et l'herbe
Comme d'imperceptibles pas.

Le jardin chuchote et tressaille,
Furtif et confidentiel ;
L'averse semble maille à maille
Tisser la terre avec le ciel.

Il pleut, et, les yeux clos, j'écoute,
De toute la pluie à la fois,
Le jardin mouillé qui s'égoutte
Dans l'ombre que j'ai faite en moi.

H. DE RÉGNIER
(Thi-sĩ Pháp)

Vườn dầm mưa

Ngồi yên bên cửa sổ
Nghe trời mưa lâm râm,
Êm êm từng tiếng nhỏ,
Vườn cây ngủ lặng thẫm.

Mưa rơi lay từng lá
Nhuộm xanh những tàng cây ;
Bên tường, hoa nhẹ thở
Trở mình giấc mơ say.

Cỏ xao, sỏi teo hát
Nơi kia, dường như nghe
Trên lau, trên bờ cát
Chân ai bước rụt rè.

Vườn thì thào, run rẩy
Lời thầm lén, thở than,
Màn mưa đưa từng sợi
Đất với trời liền đan.

Mắt nhắm nghiền im nghe,
Cả trời mưa một lượt,
Vườn dầm dĩa nhỏ giọt
Trong nền tối dề mê.

DA-NGUYỆT dịch

Mình Ồi !

TẠI SAO

ng ư ờ i

DO-THÁI

B!
THÙ
GHÉT

VÀ
B!
ĐÀN
ẤP
KHẮP NƠI

?



QUỐC.KỲ DO.THÁI

M Ì N H ƠI, có một vấn-đề mà em thắc-mắc hoài, mà em muốn hỏi Minh hoài, mà em cứ quên hoài...

— Cái gì mà hoài... hoài... vậy, em?

— Cái chuyện Do-Thái, Minh

— Chuyện Do-Thái làm sao?

— Tại làm sao người Do-Thái đi đâu cũng bị người ta thù ghét đàn-áp dữ tợn? Tại sao Hitler đã truyền-lệnh giết hại đến 6 triệu người Do-Thái ở Đức và ở Trung Âu hồi Đệ-nhị Thế chiến? Tại sao Nasser cũng thù Do-Thái, các Quốc-gia Á-rập cũng muốn tiêu-diệt Do-Thái? Người Do-Thái quê-quán ở đâu? Họ như thế nào? Họ bị tội ác gì mà nước nào cũng ghét họ, oán-hận họ, hãm Minh?

— Tại vì...

— Tại vì sao?

— Tại... họ là Do-Thái.

— Em không đùa đâu, nghe không. Minh trả lời gì kỳ-cục vậy?

— Ai mà đùa... Người Do-Thái cũng đâu có đùa. Tại họ là Do-Thái, cho nên họ mới bị coi như « con vật đen » của các dân-tộc Âu-châu và Á-rập.

— Nghĩa là sao? Minh nói úp mở thế, ai mà hiểu?

— Muốn cho dễ hiểu, chúng ta có thể so-sánh hoàn-cảnh dân Do

Thái ở Palestine (Cận-Đông) với hoàn-cảnh của dân-tộc Chàm ở Nước ta vậy. Một dân-tộc xưa kia rất hùng cường, văn-minh, nhưng bị các dân - tộc khác chiến - thắng, chiếm-cứ thành-trị, quê-hương, khiến hàng nghìn hàng vạn người bị tiêu-diệt, còn tất cả những kẻ sống sót đều phải chạy trốn, tàn-mác các nơi. Lịch-sử Do-Thái chỉ khác lịch-sử Chàm có một điểm: người Chàm dân số không đông lắm, bị Việt-Nam chiếm lấy đất đai và tràn lan khắp xứ, nên dần dần họ bị thôn tính cho đến nỗi chỉ trong khoảng mấy trăm năm quốc-gia Chàm đã bị diệt vong hẳn, dân-tộc Chàm chỉ còn lại một thiểu-số bị hoàn-toàn Việt-Nam hóa. Đó là một thảm-kịch rất đau lòng trong lịch-sử. Do-Thái cũng bị các giống dân khác đến xâm-lãng quê-hương Palestine, chiếm-cứ kinh-thành Jérusalem, tàn-sát dân-chúng cả hàng vạn người. Nhưng dân-tộc Do-Thái đông-đức, và có một sức chịu đựng phi thường, rất nhẫn-nại, và thông minh tuyệt-vời, họ trốn tránh kẻ thù cướp nước, và bồng-bé nhau đi di-cư, tàn-mác khắp các xứ Âu-Châu, với hy-vọng sẽ có ngày trở về xây dựng lại Quê cha Đấng tổ... Và họ đã thành-công.

MÌNH ƠI

— Minh kể sơ qua cho em nghe lịch-sử của Do-Thái hồi xưa như thế nào, và bây giờ như thế nào?

— Cũng cần phải biết tổng-quát Lịch-sử Do-Thái, mới hiểu lý-do vì sao người Do-Thái bị các dân tộc Âu-Châu và Á-rập thù ghét muốn tiêu-diệt cho hết. Sự thù hằn về chủng-tộc đó, và chánh-sách đả-kích Do-Thái, là một cái nhục lớn cho nhân-loại. Chúng ta nên theo dõi Lịch-sử Do-Thái trong 3 giai-đoạn:

● Dân tộc Do-Thái từ Thượng cổ đến cuộc di-cư vĩ-dại của toàn dân, dưới đời Hoàng-đế La-Mã ADRIEN năm 135 sau J.C.

● Do-Thái bị hà-hiếp, bị khinh khi, bị đàn-áp tại các xứ Âu-Châu mà họ trú ngụ.

● Sau Đệ-nhị Thế-chiến, năm 1947, dân Do-Thái ở các nơi lữ lượt kéo về quê cũ và chính-thức tái-lập Quốc-gia Israel.

* Lịch-sử nguyên-thủy của người Do-Thái, (Juifs) chính là lịch-sử đã kể trong Cựu-Uớc (Thánh-Kinh). Dân Do-Thái là con cháu của Jacob. Jacob là cháu nội của Abraham. Abraham là cháu 22 đời của ông Adam và bà Eva.

Abraham cũng là thủy tổ 42 đời

của chúa Jésus Christ. Đó là theo Thánh-Kinh. Rẻo đất PALESTINE, quê hương của dân tộc Do-Thái, chính là nơi sinh trưởng của JÉSUS CHRIST. Tất cả lịch-sử của Chúa Christ và của Gia-tô-giáo và lịch sử của dân tộc Do-Thái (Israel) kể trong Thánh-kinh, đều đã xảy ra trong rẻo đất nhỏ hẹp ấy nằm kẹp ở giữa Địa-Trung-Hải (phía Tây), Sa mạc Syrie (phía Đông) Ai-cập và Hồng-Hải (phía Nam), Liban — Syrie (phía Bắc).

Jacob, cháu nội của Abraham, và tên của Chúa-Trời đặt riêng cho là ISRAËL, có 12 người con trai, mỗi người về sau này thành ra một vị Thi-tô của một dân-chúng. Do một nạn đói khủng khiếp ở vùng này suốt 7 năm trường, con cháu của Israel phải kéo qua cư trú ở Ai-Cập. Nơi đây họ sinh sản quá đông đúc nên bị người Ai-Cập đuổi đi, đành phải lang thang 40 năm trên các vùng sa mạc, rồi cuối cùng đến đất Sinai, ở CANAAN, tại đây Chúa-Trời hứa hẹn cho một đời sống phát đạt, lâu bền.

Họ tôn DAVID lên làm vua, và lấy thành JÉRUSALEM làm thủ-đô của Do-Thái.

Sau, vua SALOMON lên kế-

ngiệp, nhưng khi Salomon chết, năm 930 trước J. C. đê ngôi cho con là Roboam, một bạo chúa, thì trong nước có nội-loạn.

Đất Do-Thái bị cắt đôi thành hai nước thù-dịch nhau : JUDA ở phía Nam, và ISRAËL, phía Bắc. Cuộc nội-chiến bị các dân-tộc khác xen vào, lợi-dụng tình-thế, đánh-phá tan-tành, cho đến năm 587 trước J. C. vua NABUCHODONOSOR của xứ Babylonie chiếm thành Jérusalem và đày người Do-Thái đi nơi khác. Năm 538, vua CYRUS của xứ Perse (Ba-tur) thắng Babylone, và cho phép người Do-Thái trở về Jérusalem, lập lại quốc-gia. Nhưng họ bị người Perse đô-hộ 200 năm. Sau triều đại Ba - Tur suy-sụp, Đại-Đế Hy-Lạp ALEXANDRE I sang đánh Ba-Tur.

Năm 63 trước J. C. Do-Thái bị quân La-Mã xâm-chiếm. (Jésus Christ giáng-sinh trong lúc Do-Thái đang ở dưới ách thống-trị của La-Mã). Năm 130 sau J. C., Do-Thái nổi dậy chống La Mã cho đến năm 135 bị Hoàng-Đế La-Mã ADRIEN kéo quân sang đàn-áp, và tiêu-diệt có hàng vạn người. Quốc-gia Do-Thái bị hoàn-toàn diệt-vọng từ đây, và dân tộc Do-Thái phải chạy trốn

tán loạn, bồng bế di cư, tản mác khắp các nước Âu-Châu... Giai-đoạn đầu của Lịch sử Do-Thái đến đây chấm dứt.



Về sau, một nhóm Do-Thái khá đông dần dần qui tụ tại các khu đất Babylonie, và lập-thành một quốc gia nhỏ nhỏ. Đây là trung tâm diêm của giòng dõi Do-Thái còn sống sót. Nhờ họ là một giòng người rất thông-minh, lanh lợi, nên dù là một nhóm thiểu số, di cư tản mác, họ vẫn khiến cho thế giới phải đề ý vì những khả năng dồi dào của họ trên các phương diện văn nghệ, khoa học, và nhất là thương mại, kỹ nghệ.

Họ đi đến đâu, ở trú ngụ một thời gian là thế nào cũng chiếm một địa vị quan trọng trên thương-trường ở đó. Họ làm giàu rất mau lẹ, và chuyên môn mở ngân-hàng, cho vay lấy lãi. Người Do-Thái đối với các nước Âu-Châu, cũng gần giống như Hoa-kiều và Chà-Và ở xứ ta.

Lúc họ bồng bế vợ con đến xin trú ngụ nơi nào thì họ cò nghèo, nhưng không bao lâu, sớm hay muộn, thế nào họ cũng có những cửa tiệm, tập trung quyền lợi thương mại trong tay.

họ, và hùn vốn mở các ngân hàng to lớn. Nhỏ hơn, thì họ cho người bản xứ vay như kiểu người Việt-Nam «vay bạc Chà».

Đó là một trong hai lý do khiến người các nước Âu-Châu oán ghét người Do-Thái. Đến nỗi, sự oán ghét ấy đã thành ra tục ngữ. Trong dân gian, danh từ «Do-Thái» luôn luôn hàm ý-nghĩa «bóc-lột», «cho vay cắt cò». Trong tình hay trong làng, bất cứ người nào cho vay nặng lãi, đều bị ngạo là «đồ do-thái», «thằng-cha do-thái», «con mẹ do-thái», v.v... Nhà hài kịch lừng danh của Pháp, MOLIÈRE, có thốt ra trong một bản kịch một câu bất hủ đã thành ca dao :

«*Quel Juif, quel arabe est-ce là ?*»

(À, thằng Do-Thái, thằng A-rập nào kia ?)

— Nước Việt-Nam mình không có Do-Thái, Mình nhỉ ?

— Ở xứ ta, có Chà-và còn tệ hơn Do-Thái nữa đó !

Lý do thứ hai khiến người Âu Châu thù ghét Do-Thái, là vấn đề tôn giáo...

— À, em biết rồi... Đề em nói Mình nghe, có đúng không nhé ?

— Ừ, em nói đi.

— Tại vì người Do-Thái thờ Thần con Bò, hay con Heo gì đó. phải không ?

— Không phải vì thế. Đúng ra, thì người Do-Thái thờ con Bò Vàng (Le Veau d'Or), bắt chước theo người Egyptiens (Ai-cập) thờ con bò Apis. Nhưng đó là phong tục riêng của họ, mắc mớ gì thù ghét họ. Chúng ta nên nhớ một điều quan trọng, đã thuật rõ trong Thánh kinh về cuộc đời của Jésus Christ. Người Do-Thái không những không tin vị Chúa xuất hiện trên đất nước họ, họ lại còn chống-báng, kịch-liệt thù-hằn, và giết hại Jésus Christ. Trong Thánh-kinh nói rằng : chúa Jésus Christ là con của Chúa Cha phải xuống để cai-trị dòng-dối Israel, (Matthieu, 2-6) Người là Vua của dân tộc Do-Thái (Jean, 19 - 37), nhưng Do-Thái không nhìn nhận như thế, và luôn luôn ném đá và chửi bới Jésus. Sau cùng họ xử tội và đóng đinh Người trên cây thập-tự. Do đó, nhà thờ Gia-tô-giáo, là tôn-giáo chính-chức của nhiều quốc gia Âu-châu, oán ghét người Do-Thái bất cứ họ cư-trú ở chỗ nào. Từ thế kỷ thứ IX, các chính phủ dân-sự cũng hùa theo Nhà-thờ mà đả kích Do Thái không phải vì phương diện tôn giáo, mà lại

vì phương diện kinh tế, và thương mại. Lúc bấy giờ lại còn một đôi nước như Espagne, Portugal, Anh, lại còn trục xuất người Do-Thái ra khỏi xứ nữa. Nhưng bắt đầu từ Thế kỷ XVIII, một phần vì uy thế của Gia-tô-giáo không còn mạnh mẽ như xưa nữa, một phần vì ảnh hưởng sâu rộng của các môn Triết-học cách mạng của Voltaire, Rousseau, trong đầu óc của dân chúng Âu châu, cho nên phong trào bài xích Do Thái được đju bớt, và có đôi nơi đã bỏ hẳn. Đầu tiên là nước Đức bãi bỏ tất cả những biện pháp chống Do Thái. Rồi đến nước Pháp (Đạo luật 1791) cho kiều dân Do Thái được hoàn toàn tự do. Nước Pháp còn cho phép người kiều dân Do-Thái được xin nhập quốc tịch Pháp Hiệp ước Versailles 1918, của Quốc-tế, cho người Do-Thái bắt cứ ở nước nào đều được tự do tín ngưỡng, và bình đẳng bình quyền về chính trị và dân sự với dân bản xứ ở khắp thế giới. Nhưng khi Hitler lên nắm chính quyền ở Đức thì nhà độc tài Quốc xã trở lại chính sách khủng bố Do Thái. Trong trận Thế-chiến đệ nhị, Hitler tàn sát Do Thái một cách vô cùng tàn bạo. Người ta tính có đến **6 triệu** người Do - Thái,

ở Đức và các nước Âu-châu bị Đức chiếm đóng, kể cả đàn bà con nít, bị bắn, bị đốt cháy, hoặc bị chôn sống.

— Thật là dã man, Minh nhỉ ?

— Người thì hành triệt để mệnh lệnh của Hitler, và giết dân Do Thái không gớm tay, là EICHMAN, sau chiến tranh trốn sang Nam Mỹ, hồi năm ngoài đây bị ban trình thám Do Thái rình bắt được, sau 15 năm trốn tránh. Eichman bị bắt cóc, chở tàu bay bí mật đem về Israel (Quốc gia Do Thái hiện nay), Y sắp bị đưa ra tòa Quân sự Do-Thái để đền tội.

*— Ừ, thế ra bây giờ Do Thái đã có một quốc gia rồi sao, Minh?

— Em nhớ lúc nãy anh đã nói một thiếu số Do Thái qui tụ tại Babylone sau khi dân Do Thái bị bị Hoàng đế La Mã là ADRIEN tàn sát tại Kinh thành Jérusalem và khắp xứ (năm 135 sau J.C.) Thế rồi trải qua mấy thế kỷ, họ nhẩn nại làm ăn, buôn bán, xây dựng lại cơ đồ sự nghiệp, dần dần trở lại Palestine, nơi quê hương xưa. Người A-rập đến ở đây từ lâu, bị Do Thái lấn lướt mỗi ngày và rốt cuộc A Rập phải nhường chỗ cho Do Thái. Đến đầu thế kỷ XX, dân Do Thái đã ở tràn lan cả xứ Palestine, và trở

thành thù địch bất-cộng ái-thiên của dân bản xứ Á-rập. Năm 1929, có cuộc tàn sát khủng khiếp giữa hai giống dân A-Rập và Do Thái. Do Thái thắng lợi, chiếm trọn vùng Palestine. Đến khi Hitler đàn áp Do Thái ở Đức và ở các nước Trung - Âu, thì kiều dân Do-Thái tại các xứ này kéo nhau từng đoàn trở về Palestine. Từ năm 1933 đến 1935, có đến **134.000** kiều dân Do Thái hồi hương. Trước mối đe dọa càng ngày càng bành trướng của Do Thái, các nước A-rập ở chung quanh sợ Do Thái sẽ tràn qua xâm chiếm đất đai của họ, bèn họp nhau lại năm 1944, thành lập một **LIÊN ĐOÀN Ả RẬP** (Ligue Arabe) để phòng bị nạn Do Thái, và chủ trương diệt Do Thái. Do Thái cũng thành lập cơ quan bảo vệ Đất nước, cơ quan ấy tên là HAGANNAH. Năm 1946, các quốc gia A-rập (Egypte, Arabie Séoudite, Irak, Syrie, Jordanie, v.v...) đem vấn đề Do Thái ra trước Hội Đồng Liên Hiệp Quốc. Nhưng trong lúc O.N.U. bàn cãi, thì ngày 14 tháng 5 năm 1947, người Do Thái tự động thành lập một Quốc gia chính thức, lấy tên là **QUỐC GIA ISRAËL**, với Bác sĩ

CHAIM WEIZMANN làm Quốc-trưởng, BEN GOURIOU làm Thủ tướng. Đại tướng MOSHE DAYAN (Trưởng một mắt), làm Tổng tư-lệnh. Quốc gia Israel có một quân đội hùng cường bậc nhất ở Trung-Đông và Cận đông, gồm cả đàn bà, con gái, và tuyên bố cương quyết bảo vệ lãnh thổ Do-Thái chống mọi sự xâm lăng. Thấy vậy, các cường quốc trên thế giới, Mỹ, Anh, Pháp, Nga, cũng phải nhìn nhận Quốc gia Israel. Hiện nay, một mình quân đội Do Thái dám đương đầu với 5 quân-đội A-rập, và trong cuộc chạm súng lần đầu tiên năm 1949, Do Thái đã thắng EGYPTÉ (Ai-cập) tại Neguev, thắng ARABIE SÉOUDITE tại Galilée, thắng LIBAN và JORDANIE. Các nước này đã phải hạ bút ký Hòa ước với Do-Thái tháng 3 năm 1949. Tháng 7, năm 1957, Egypte lại kéo quân sang đánh Israel, có Nga-Sô viện trợ phi cơ và xe tank, nhưng cũng bị Israel đánh cho xiềng niềng, sau rốt phải nhờ Liên-hiệp-Quốc xử huê... Đó, em đã nghe rõ vấn đề Do-Thái chưa ?

— Hiện nay, Quốc gia Israel có lớn không, có phải một cường quốc không ?

— Tuy Israël bị kẹt trong một rẻo đất Palestine nhỏ hẹp, chỉ được 10.000 ki-lô-mét vuông, chung quanh là biên giới của các quốc gia A rập, nhưng họ là một dân tộc hùng cường.

— Dân số Israël được bao nhiêu, hả Minh.

— Ở tại quê-hương Palestine, dân số hiện nay của Israël chỉ có **MỘT TRIỆU** người thôi Kinh đô vẫn là kinh thành tôn giáo Jérusalem. Có 3 hải cảng lớn : Del Aviv, Haifa, Jaffa. Nhưng kiều dân Do Thái hiện ở rải rác khắp thế giới, tổng cộng có gần **VÀI CHỤC TRIỆU**, đại khái như ở Âu châu : 10 triệu ; Mỹ : 5 triệu. Phi ; 1 triệu ; Á : 1 triệu ; Úc : 28.000 v.v... Chính những kiều dân của họ gởi tiền bạc về xây dựng cho Quê hương, Israël hiện nay là một quốc gia giàu mạnh, rất tiến bộ về kỹ nghệ và thương mại.

— Họ có nhiều nhân tài không?

— Nhiều lắm. Các nhà bác học lừng danh, như ALERT EINSTEN (Đức) ARY STERNFELT (Nga), đều là người Do Thái. Rất nhiều Chính trị gia, Văn học, triết học, họa sĩ, nhạc sĩ, tỷ phú nổi danh trên thế giới, như LÉON BLUM. STRA. VINSKY. ROTHSCHILD.

ERICH MARIA REMARK, v.v.. là người Do Thái. Do Thái ngày nay được các dân tộc khác kính nể, tôn trọng, vì những khả năng tiến bộ rộng lớn của họ, chứ không bị chửi bới, và miệt thị, kinh khi, đàn áp như hồi xưa nữa. Riêng chỉ còn Nhà thơ Gia tô giáo vẫn thù ghét Do Thái, vì truyền thống tôn giáo. Nhưng sự thù ghét ấy ngày nay không thành vấn đề. Và lại chính chúa Jésus Christ vẫn là người Do Thái, sinh trưởng trên đất Do Thái, và cũng là giòng dõi Abraham, giòng dõi Jacob mà Chúa Trời đã đặt tên là ISRAËL.

Bà Tú coi bộ mệt-mỏi rồi :

— Đi xem cinê không, Minh ?

— Tuồng gì ?

— Tuồng gì mà có Marlène Diétrich đóng.

— Ừ, đi.

Ông Tú đứng nơi lavabo, rửa mặt, cạo râu, còn quây lại nói với bà Tú đang thay áo :

— Marlène Diétrich, cũng là người Do Thái đấy, em nhé.

— Thế thì em hoan-hô !

Diệu-Huyền

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

• Thành xưa

Trời xanh lạnh-lẻo ánh sao,
Đêm nghe bình-tịch trôi vào hư vô
Thành khuya mơ tưởng bóng cờ,
Gió kèn công một, hồn xưa lách về.
Cỏ cao gầy nép bên hè,
Chân mơ rón nhẹ lăn đi trong phòng.
Bụi dày phủ mác, gom cong,

Tường xiêu, nón tuồng dây thông
buồng lơi,

Mùi xưa ẩm-ướt tắm hơi,
Bây giờ oanh-liệt một thời ngủ yên
Đêm nay chuột dậy đi tìm
Nước tiêu trong đá rùa im lặng
châu.

Thờ-ơ mây cuốn về đâu ?
Nào-nùng cú rúc trên lầu gác canh-

PHẠM ĐÌNH TÂN



thơ « Lời Thiêng »).

BÀI này rút trong tập thơ « TIẾNG THÂM » của Phạm đình-Tân, xuất bản lần đầu năm 1952, tái bản năm 1960 (in chung với tập

Qua tập thơ « Tiếng Thâm », ta thấy tâm-hồn Phạm-đình-Tân là một tâm hồn tế-nhị, ưa cò-quạnh, thích sống với những tình cảm trầm-lặng, sâu kín.

Nhưng tiêu biểu hơn cả những « tiếng thầm » trong thơ Phạm - đình - Tân là bài « THÀNH XƯA » trên đây.

Chỉ có mười bốn câu mà gọi được đầy đủ hình ảnh và không khí của một cảnh điêu tàn hoang phế với bao tình quyến - luyến tiếc thương.

*Trời xanh lạnh lẽo ánh sao,
Đêm nghe bình tịch trôi vào hư vô.*

Cảnh thành xưa hoang vắng ban ngày đã buồn, ban đêm không trăng chỉ có ánh sao mờ lạnh lẽo, càng gợi buồn nhiều hơn. Một sự bình yên lặng lẽ trôi dần, trôi dần vào... cõi hư vô tịch-mịch.

Mấy chữ « lạnh-lẽo », « hư-vô » tuy rất thường nhưng, ở đây, thực là đặc vị. Nhất là chữ « hư vô » đã gợi ra được ý hư ảo của thể chất :

Ở đời, hữu hình tất hữu hoại không một hình thể vật chất nào lại có thể trường tồn với thời-gian :

*Thành khuya mơ tưởng bóng cờ,
Gió kình công một, hồn xưa lách về.*

Những động-tự « mơ tưởng »,

« kình », « lách » đã nhân-cách hóa sự vật, làm cho chúng sống động, có hồn. Nhất là hai chữ sau đã được dùng rất ăn - ý khít khao : nghe tiếng gió kình công một, tưởng như hồn xưa vừa lách mình về. Thực là gợi hình. Và cái công phu lựa chữ của tác giả cũng thực đã đến chỗ vi diệu vậy.

Trong cái không gian và thời gian tịch - mịch ấy, mọi sự vật đều e-dè im lặng : Cỏ gãy nép mình bên hè, bụi phủ dày gươm mác, dây nón trướng buồng thông, nước rêu thêm-thiếp bên rùa đá im lìm, cả đến cái mùi dĩ-vãng âm-ướt cũng lắng xuống; tất cả đều im lặng như kính-trọng giấc ngủ bình yên của một thời oanh-liệt xa xưa :

*Mùi xưa âm ướt tâm hơi,
Bây giờ oanh - liệt một thời ngủ yên.*

Giữa cảnh ấy, nhà thơ — vốn có một tâm-hồn tế nhị và nhỏ nhẹ — cũng nhẹ-nhàng rón bước, cẩn thận giữ gìn cho khỏi làm kinh động sự yên tĩnh của cảnh vật :

Chân mơ rón nhẹ lần đi trong phòng.

Chàng bước những bước nhẹ như mơ, hòa mình vào cảnh vật chung quanh để cảm thông với dĩ-vãng. Và chàng đã thành công, vì biết nghe những « tiếng thầm » nên đã gặp được hồn xưa trong cái điêu tàn của sự vật.

Tả cái tịch - mịch, phải biết chú ý đến những tiếng động nhỏ mới là nắm vững được nghệ-thuật diễn tả ; vì nhờ những tiếng động nhỏ ấy mà tịch mịch như càng thêm lắng sâu. Ở đây, Phạm đình-Tân đã không quên yếu-tố ấy, nên giữa cảnh yên lặng hầu như hoàn toàn ông đã cho ta nghe tiếng chân chuột sục-sạo đi tìm ăn :

Đêm nay chuột dấy đi tìm...

Và đã kết thúc bài thơ bằng mấy tiếng cú rúc nào nùng trên lầu canh cũ :

Thờ ơ mây cuốn về đâu ?

Nào nùng cú rúc trên lầu gác canh.

Câu « Thờ ơ mây cuốn về đâu » còn tả được vẻ thần nhiên vô tình của thiên nhiên trước cảnh điêu-tàn của sự vật cũng như cảnh đau-khổ của loài người.

Tóm lại, bài « Thành xưa » này có thể coi là bài thành công nhất trong thi - phẩm TIẾNG-THẦM, cái nhan đề khéo chọn, rất thích hợp với tiếng thơ của Phạm đình - Tân, một tâm hồn ưa-thích nhỏ - nhẹ và cô quạnh. Và cũng vì sự ưa thích đó, nên thơ Phạm-đình-Tân khi nào thủ thi như những « tiếng thầm » thì dễ làm ta chú ý lắng nghe và cảm động ; còn khi ông cất tiếng nói lớn thì người ta lại không cảm thấy gì mặc dù — theo ông — có là những « lời thiêng » đi nữa !

BẢNG-BÁ-LẦN

ĐÍNH CHÍNH

Vì sơ ý nên tôi đã viết nhầm tên tác-giả hai câu thơ :
• Yêu là chết ở trong lòng một ít
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu.
Chính là của thi-sĩ XUÂN DIỆU chứ không phải của THẾ LỮ. Vậy xin thành thật cáo lỗi và cảm ơn các bạn đã biên thư về tòa soạn nhắc nhở.
H. T.

O N T
 H Ê U
 T L R

Xích-lô-đạp tự thân

Đường Sài-Thành nổi cơn gió bụi,
 Nghề xích-lô đau túi nhường bao.
 Bấy lâu đường phố ra vào.
 Nghênh ngang tám cõi ai nào kém ai.
 Thấy những chú xe hơi lên mặt,
 Máy nổ ran phi-phạch dinh tai.
 Khói xăng, bụi bốc mù trời,
 Kê bung lỗ mũi, người chùi mắt cay.
 Cậy sức máy chạy bay như gió,
 Khoe lái tài lại rú chân "ga",
 Đụng nhau thôi chết bỏ bà,
 Kê ngồi lăm kê ra ma, hết đời.
 Riêng ta vẫn thanh-thoi, thông-thả,
 Đạp ung-dung tám ngã, mười phương.
 Không vội-vã, ít tai ương,
 Ai nhanh đi trước, ta nhường cho đi.

Ai nhểc ta chậm rì cũng mặc,
 Chậm mà ta máy tắc gì đâu.
 Nhanh mà có lúc tắc dầu,
 Tắc bu-gi với tắc bầu điện xe.
 Nhanh như thể làm chi thêm ngán,
 Chậm như ta tưởng đoảng mà hay.
 Trách ai lòng dạ đổi thay,
 Có mới nới cũ xưa nay thể thường.
 Khinh ta cũng một phường nội hóa,
 Lại giờ trở kén cá, chọn canh.
 Chắc gì, ai tục, ai thanh.
 Không ưa đồ tội, đồ tình cho nhau.
 Lăm-bét-ta chắc đầu đã lịch,
 Cũng một loài phình-phịch khác chi.
 Cũng rãng, cũng nhót khác gì,
 Khói thì điếc mũi, nổ thì điếc tai.
 Chắc chi cái vỏ ngoài đẹp mẽ,
 Mà Đồ-thành hoa lệ gì thêm.
 Vắt tay nằm ngẫm mà xem,
 Ai hay, ai dở, ai dèm, ai pha ?
 Đòi là thế của... nhà là bỏ,
 Mà của... người mới ngó đã mê.
 Lạ gì hai chữ khen chê,
 Lái xe kia với đạp xe khác gì.
 Tay với cẳng tứ chi một bộ,
 Cẳng và tay ai khổ hơn ai ?
 Lái xe tay cũng mỗi nhòai,
 Đạp xe chân cũng một rời đôi khi.
 Danh với giá phải chi tay lái,
 Nhục cùng vinh đâu tại đạp chân.
 Nhọc nhằn thôi cũng là thân,
 Đồi xe mang lấy nợ nần khổ thêm.

TÚ BE

ATALA



(Tiếp theo P.T. số 54)

● *Chateaubriand*
★ TRẦN-CHU dịch

III— Người cày ruộng

CÓ những người công bình chính trực mà lương tâm họ bình thản đến nỗi người ta không thể nào lại gần họ mà không chia sẻ nỗi hòa dịu từ người họ lan tỏa ra, hay ta có thể nói rằng không người nào lại gần họ mà không chiêm ngưỡng được tâm hồn cao thượng và những buổi nói chuyện hấp dẫn thú vị của họ. Dần dần tiếng nói của cô đơn vọng ra, tôi cảm thấy những đam mê trong lòng dịu bớt, và ngay cơn giông tố trên bầu trời cũng rời bỏ những cơn sấm sét,

nhưng trận mưa gió âm ỉm và dần trở nên êm dịu. Những chòm mây tản mạn, bầu trời thanh tịnh tươi sáng hé mở từ từ, cho phép chúng tôi rời khỏi chiếc hang sâu. Chúng tôi ra khỏi rừng và bắt đầu leo lên một sườn núi cao. Con chó dẫn đường đi trước. Năm tay Atala, chúng tôi đi theo vị tu sĩ. Ông luôn luôn quay lại nhìn chúng tôi, ngắm nghía chúng tôi với vẻ mặt thương hại cho sự trẻ trung và những điều bất hạnh của chúng tôi.

Một cuốn Thánh-kinh treo trên cổ, và ông nương theo một cây gậy trắng, đầu có buộc theo chiếc đèn

lồng đã tắt từ lâu. Thân hình ông cao lớn, gương mặt xanh xao, gầy gò, nhưng dịu dàng và thành thật. Ông không phải là người đi tìm cái chết, cũng không phải ông đã sẵn có những đam mê say đắm; người ta biết rằng những ngày dĩ-vãng của ông đen tối và những nét nhăn trên trán tỏ ra những đam mê say đắm của ông đã chữa trị được bằng phương thuốc đạo đức, tình yêu Thượng-Đế và lòng thương người. Khi nói chuyện với tôi, ông đứng thẳng, bất động, những sợi râu dài tha thướt, đôi mắt dịu hiền hạ xuống, giọng nói âu yếm, tất cả với ông tôi thấy có một cái gì êm đềm và cao thượng.

Cũng như tôi, ai đã trông thấy cha Aubry đi trên đường đơn độc trong bãi khoáng-dã, với cây gậy và cuốn kinh nhật tụng nơi tay, thì cũng có một ý-tưởng chân-thành về người lữ-hành mộ đạo trên quả đất này.

Sau nửa giờ leo núi một cách nguy-hiêm, nhọc-nhằn, chúng tôi tiến đến cái hang của vị tu sĩ. Chúng tôi bước vào hang, qua những hàng cây trường-xuân và những dây bí rợ âm-ướt vì mưa đã đánh ngã những tảng đá chổng

chất che dầy cửa hang. Trong hang chỉ có một manh chiếu kết bằng lá đu-dủ, một cái bầu đựng nước, và cái bình bằng gỗ, một con rần nhà, và, trên một tảng đá dùng để làm bàn, một cây Thập-tự-giá với một cuốn Thánh-kinh.

Vị ăn-tu vội-vàng nhóm lửa với những dây bìm khô, rồi ông bẻ một trái bắp ra làm hai nửa và lúi vào tro nóng để làm thành hai chiếc bánh ngon ngọt.

Chiếc bánh đã chín với một màu vàng tuyệt đẹp, ông dọn ra cho chúng tôi trong một cái bình bằng gỗ phong, với một thứ sáp như kem tươi lấy trong các hạt cây, tất cả ánh ngời.

Sự thanh tịnh theo buổi tối lại về, vị công bộc của Thượng-Đế sửa soạn đưa chúng tôi đến ngồi ở cửa hang. Nơi đó, ngồi trên một tảng đá cao, chúng tôi có thể đưa tầm con mắt xa rộng ra đến tận chân trời. Những mảnh mây bay hỗn loạn ở đằng đông. Những tiếng sét kinh hoàng gây ra nhiều đám cháy trong rừng, sáng rực cả một góc trời tự xa xa. Dưới chân núi, một đám rừng thông trong thung lũng hoàn toàn bị ngã đổ, gãy gập. Giòng sông chảy hỗn loạn cuộn theo nào thân cây; gốc còn

đính đất đỏ ngầu, nào xác súc vật chết lẫn với xác cá chết phơi bụng chường sinh màu trắng xóa, điếm đóm vào làn nước đỏ cuộn cuộn trên mặt sông.

Chính ngay giữa quang cảnh ấy mà Atala kể lại câu chuyện của chúng tôi cho vị lão thần nơi sơn cước. Lòng ông cảm động, giọng lệ lẫn dài trên má và dầm đĩa chòm râu.

— Con ơi, ông bảo Atala, nên dang sự chịu đựng nổi thống khổ của các con cho Thượng Đế, vì nhờ vinh hạnh của Ngài mà các con làm nên bao công chuyện, Ngài sẽ cho các con được thanh nhàn. Các con hãy nhìn xem khu rừng cháy, các thác nước khô, những chòm mây tản mạn, các con hãy tin rằng Ngài đã có thể làm yên tĩnh được một trận bão táp kinh khủng như thế, Ngài lẽ nào không làm thanh thần được lòng người? Nếu con không tìm được lối thoát nào êm đẹp hơn, con gái cưng của cha, cha sẽ biểu cho con một chỗ ngồi trong giữa đám tín đồ mà cha đã hân hạnh gọi về với Chúa Jê-sus. Cha sẽ truyền đạo cho Chactas, và cha sẽ thuận cho cậu ta làm chồng con khi cậu ta trở thành một con chiên ngoan đạo ...

Vị tu sĩ quỳ gối, và chúng tôi cũng bắt chước quỳ theo. Ngài bắt đầu xướng lên một lời cầu nguyện và Atala phụ theo Ngài. Những vầng ánh sáng bạc-như ngọc còn ngấm-ngấm hé mở vòm trời ở đằng đông, và qua những đám mây, mặt trời sắp lặn còn gắng gượng chiếu xuống những tia sáng lóa vàng. Vài con chồn tản lạc trong cơn giông bão, kéo đàn dài dọc theo những lỗ hang, bao nhiêu cái mõm nhọn đen sì. Ngàn cây vi-vút và nhờ những ngọn gió chiều thổi ráo nên các nhánh lá ngã hoảng vì nước nặng, lại lần-lượt vươn lên dần, rung động phát-phơ.

Trời tối hẳn. Màn đêm bao phủ cảnh vật, đen như mực tàu. Chúng tôi qua một đêm nặng nề nhọc mệt trên những mảnh chiếu lá. Ngày hôm sau, tôi lại đi như cha Aubry truyền giáo.

Ra khỏi khu rừng này, chúng tôi tìm được một làng truyền giáo tọa lạc trên một bờ hồ, giữa cánh đồng gieo toàn hạt hoa. Người ta đến đó theo một con đường lớn, hai bên có cây mộc lan, cây sồi; những con đường này làm ta tưởng đến những đại lộ thuộc vùng triền núi ở giữa Kentucky và Floride. Các người

đa đở trong làng chợt thấy vị tu-sĩ của họ đi vào cánh đồng, họ vội vàng bỏ cả công việc mà chạy dồn đến. Người thì hôn áo Ngài, người thì nâng Ngài đi, những bà mẹ cũng vội bồng con chạy đến cho chúng tôi thấy được vị tu-sĩ già, cảnh tượng làm cho Ngài phải rơi giòng lệ. Ngài vừa đi vừa hỏi han thăm dò những công chuyện trong làng, Ngài khuyên răn người này, quở trách dịu-dàng người kia, Ngài nói chuyện về vụ mùa sắp gặt, về những đừa trẻ cần được dạy bảo, về những nỗi đau khổ nhọc nhằn phải được an ủi, khích lệ, và lúc nào Ngài cũng lồng được vai trò của Thượng-Đế vào trong câu chuyện của Ngài. Chúng tôi cùng đoàn người đi theo Ngài mãi đến chân một cây Thánh giá khổng lồ. Tại đây, vị lão bộc của Thượng-Đế theo thường lệ, làm phép màu của đạo. Quay nhìn lại đám người làng, Ngài nói:

— «Hỡi các tín hữu mới thân yêu của cha, cha đem đến cho các con hai người bạn; và để hạnh phúc được tăng thêm, cha thấy rằng Thượng-Đế nhiệm màu đã ngăn ngừa trận bão tố ngày hôm qua cho các con: đó là hai lý lẽ để các con biết ơn Thượng-Đế.

Vậy thì chúng ta hãy hiến dâng một buổi lễ Thánh; các con phải trầm tư suy niệm, các con phải có một đức tin mãnh liệt, một lòng biết ơn vô tận và một đức tính khiêm nhường».

Lúc bấy giờ vị tu sĩ đã choàng một chiếc áo dài trắng bằng vỏ cây dâu; những chiếc bình cúng từ trong liêu dưới chân Thánh-giá được đem ra, bàn thờ được sửa soạn ngay trên một khoảng đá cao, nước múc ở thác bên cạnh, và một chùm nho rừng cung cấp cho buổi lễ một thứ rượu thơm lành. Chúng tôi đều quỳ gối trên bãi cỏ, và buổi lễ Mi-sa lạ lùng để sùng bái hình tượng bắt đầu.

Rạng đông hiện dần sau dãy núi nhuộm đỏ cả một chân trời. Toàn khắp bãi khoáng đã mênh mông đượm một màu vàng ối hay một màu hường phai nhạt.

Vì thiên thể đã mang lại bao nhiêu rực rỡ, rồi cuối cùng, vượt hẳn lên nền trời; và những tia sáng đầu tiên lóng-lánh khi gặp phải những dăng phàm mà vị tu-sĩ đã tung lên cao.

Ôi, sự mê-hoặc của giáo-nghĩa! Ôi, cái thần-kỳ trong sự sùng bái của giáo-dân! Người chủ lễ là vị tu-sĩ già, bàn cúng là một

tảng đá, nhà thờ là một bãi sa-mạc, người đi lễ là những người Man-dã thờ ngậy! Không, tôi không còn nghi-ngờ một tý nào rằng ngay lúc chúng tôi sụp lạy, những phép màu huyền bí tôn nghiêm đã ứng nghiệm, và Thượng-Đế đã xuống trần, vì tôi thấy Ngài đã ngự-trị trong tâm can tôi.

Tuy nhiên, tôi thấy thiếu thốn một cái gì quen thuộc; đó chính là nàng Atala thân yêu của tôi đã phải ở lại trong hang từ tối hôm rồi. Sau buổi lễ, chúng tôi về làng, lòng tràn ngập những niềm tin mới-mê kỳ lạ về những cảm tình man-mác mông lung. Ở đây, đời sống thiên-nhiên và đời sống xã-hội lẫn lộn, một sự lẫn lộn rất cảm động ngự-trị khắp vùng: ở một góc rừng cây trắc-bá trong bãi sa-mạc thời xưa, người ta thấy một cánh đồng đã khai khẩn; trên những thân cây sồi ngã ngổn-ngang, những bông lúa vàng éo-lả như một lượn sóng lướt theo làn gió chiều, khắp mọi nơi, người ta thấy những khu rừng bị cháy, khói tỏa lên mù-mịt bầu trời, và chiếc cày chầm-chầm lách đi giữa những mảnh vụn của đá sỏi, rẽ cây. Những người đạt điền đi đo các mảnh đất với mấy sợi dây xích dài, đó là những vị chúa tể đã tạo lập những tài sản

đầu tiên của họ. Trong cánh đồng đương khai khẩn, chim chóc bỏ lại tổ ấm của nó, và sào huyết của thú dữ đã biến đổi thành chuồng nuôi súc vật. Người ta nghe tiếng lò rèn rì rào, và tiếng bì bộp của búa rìu thét lên lần cuối cùng với cây cối để người ta mang được những súc gỗ vuông vức ngay thẳng về dựng nên cửa nhà.

Tôi say sưa đi lang thang trong giữa cảnh họa tình ấy, và dềnh bời một cách êm dịu bởi hình ảnh của Atala thân yêu và bởi những giấc mơ về diễm phúc huyền diệu mà tôi hằng ấp ủ trong tấm lòng. Tôi khâm phục sự chiến thắng đời sống dã man của Cơ-đốc-giáo, vì các tu sĩ đều là những chuyên viên mẫn-cán lo khai hóa xóm làng; và tôi thấy người da đỏ nghe theo tiếng gọi của Thiên-Chúa mà trở nên văn minh. Tôi đã tham dự vào sự kết hợp hoàn toàn tương xứng từ thời nguyên thủy, giữa quả Đất và loài Người: theo một kế ước lớn lao huyền nhiệm, con người tưới vào lòng đất cái tài sản về mồ hôi và sự kiên nhẫn của mình, và ngược lại, lòng đất trung thành bắt đầu mang về cho con người những vụ mùa trù phú, những đứa trẻ sơ sinh và tàng chứa những di hài của nhân loại.

(Còn nữa)

TRỊNH TRANG-CÔNG giết em

THIỆU-SƠN

NỮ A thế-kỷ trước kia Tề - hoàn - Công xây dựng nghiệp bá thì nước Trịnh đã là một chư - hầu mạnh có công bảo-vệ nhà Châu trong những ngày suy-vong đen tối. Chính nhờ công đó mà vua Trịnh được bổ - nhiệm làm khanh - sĩ của nhà Châu. Khi nhà Châu đời đô qua Lạc-Ấp thì lại càng gần với Vinh-dương là kinh - đô nước Trịnh. Trịnh-vô-Công là một bực anh-quân, khi ở Vinh-dương khi qua Lạc-Ấp, vừa lo củng cố nước mình vừa lo phục-vụ Thiên Tử, đã gây được một uy-thế lớn-lao giữa các nước chư-hầu ở đời Xuân - Thu.

Vợ Trịnh - vô - Công là bà Khương-Thị sanh dạng 2 người con trai. Con lớn tên là Ngô-Sanh, con thứ tên là Đoạn. Bà Khương-Thị sanh người con lớn không có chuyền bụng, khi đang ngủ mà sanh ra, chừng thức dậy mới hay. Bởi cớ ấy nên bà không ưa và đặt tên là Ngô - Sanh. Bao nhiêu tình thương bà dồn vào người con thứ là một chàng trai tuấn-tú, khôi ngô, khi lớn lên lại có sức mạnh, bắn hay và võ giỏi. Nhiều lần bà đã to nhỏ với chồng, khen con nhỏ hiền hơn con lớn và muốn ông lập tự cho nó để thay - thế cho anh nó mà nối nghiệp làm vua. Nhưng

Trịnh-võ-Công không nghe lời vợ và đã trả lời bà như sau: « Lớn nhỏ có thứ bậc, chẳng nên thay-đổi. Vả Ngô - Sanh có tội gì mà truất nó ? »

Ông lập Ngô-Sanh làm thế tử và phong cho Đoạn một ấp nhỏ gọi là Cung thành. Từ đó thành tên Cung Thúc Đoạn. Trịnh - võ-Công qua đời, Ngô-Sanh lên tức vị, xưng là Trịnh Trang Công và cũng tiếp tục thế cha làm khanh sự cho nhà Châu. Bà Khương Thị thấy cung Thúc-Đoạn chẳng được hưởng gì thì buồn lắm nên nói với Trang Công: « Người nối - nghiệp cha hưởng đất mấy trăm mẫu mà để cho em ở chỗ nhỏ mọn như vậy sao-dành ? » Trang-Công tử nói: « Mặc-tình mẹ liệu. » Khương - Thị nói: « Sao chẳng phong cho nó nơi đất Chế-Áp. » Trang - Công trả lời: « Chế-Áp là chỗ hiểm địa. Tiên-Vương có di mạng chẳng được chia phong. Trừ chỗ ấy thì chỗ nào con cũng không dám cãi. » Khương-Thị đề nghị đất Kinh-Thành. Trang - Công làm thỉnh không nói lại. Bà giận mà nói rằng: « Như không chịu nữa thì chỉ còn cách là đuổi nó đi nước khác, đừng làm quan cho người

ta mà nuôi miệng. » Trang-Công buồn rầu thưa: « Con đâu dám ! » Rồi dạ dạ mà lui ra.

Ngày thứ, tháng điện Trịnh-trang-Công đòi Cung-Thúc vào đề phong đất. Giữa lúc đó thì quan đại-phu là Tể - Túc can rằng: « Trời chẳng hai mặt, dân chẳng hai vua. Kinh - thành là chỗ đại địa, đất đã rộng mà dân lại đông, cũng như Vinh - dương vậy. Mà Cung-Thúc là con cưng của Bà. Rồi người lại ý vào đó thì tất sinh hậu-hoạn. Như thế là nước đã có hai vua rồi đó. » Trang-Công nói: « Lệnh của mẹ ta, ta đâu dám cãi. » Nói rồi Trang-Công liền phong cho Cung-Thúc đất Kinh-thành. Cung-Thúc tạ ơn rồi vào cung từ biệt Khương-Thị.

Khương-Thị đuổi kẻ tả - hữu ra hết rồi nói nhỏ với Cung-Thúc Đoạn như sau: « Anh con chẳng tưởng tình cốt-nhục bạc dãi con quá. Hôm nay nó phong cho con là cũng vì mẹ nài nỉ đôi ba phen, chớ trong lòng nó chẳng hòa thuận chút nào. Vậy hễ con đến Kinh - Thành rồi thì phải thao-luyện binh mã, lên dự bị cho sẵn sàng, chừng có cơ hội nên làm thì mẹ sẽ cho hay, chừng ấy

con phải hưng binh, mẹ làm nội ứng thì nước ắt về tay con. Mà con đoạt được ngôi của Ngô-Sanh rồi thì mẹ có thác cũng đành nhắm mắt. »

Từ ấy Thái Thúc mỗi ngày đều lấy cờ đi săn đem quân sĩ ra khỏi thành mà tập luyện. Thái-Thúc thân gồm binh của Tây-Bỉ, và Bắc-Bỉ, rồi lại cướp luôn đất Yên, đất Lãm Giêng. Quan Tề hai xứ ấy trốn về cho Trịnh Trang Công hay. Trang - Công nghe râu mím cười, không nói chi hết. Quan Thượng Khanh là Công Tử Lữ râu rằng: « Tôi nghe hễ làm tôi thì không có tướng riêng, nếu có tướng riêng thì phải giết. Nay Thái Thúc Đoạn, trong thì có mẹ yêu, ngoài thì cậy Kinh Thành bền chặt, đêm ngày luyện tập quân mã, chỉ mong soán đoạt. Xin Chúa-công cho tôi một đạo binh đánh thẳng tới Kinh Thành, trời hắt đem về thì mới khỏi hậu hoạn. » Trang Công nói: « Việc dữ của nó chưa lộ ra, lẽ nào giết nó ? »

Công-tử-Lữ than-thở với Tể-Túc thì Tể-Túc bảo: « Chúa-Công tài trí hơn người, việc này đây người chẳng phải ngồi vậy mà xem đâu. Ở đại-dinh có đông

người nên Chúa-Công không nói lậu ý mình. Ông là người thân thích sao không vào nói chuyện riêng với người. » Công-tử-Lữ làm theo lời Tể-Túc và khi được tiếp xúc riêng với Trang-Công thì mới được Trang - Công cho biết ý-kiến như sau: « Thái - thúc-Đoạn tuy là vô đạo song chưa trở mặt phản nghịch, nếu giết nó mẹ ta ắt ngăn-trở thì việc đã chẳng xong, mà lại bị người ngoài dị-nghị, chẳng những coi ta là người anh bất thuận mà còn gọi ta là đứa con bất hiếu. Nay ta bỏ liều chẳng nói tới, để cho nó làm chi thì làm thì nó ắt ý là con cưng, lấy làm đắc chí, chẳng kiêng dè chi hết, rồi chừng ấy hại tội cho rõ ràng mà trị nó, như vậy thì người trong nước chẳng ai dám giúp nó, mà mẹ ta cũng chẳng nói chi dặng. » Công Tử Lữ nói: « Kiến thức của Chúa công rất xa thiệt tôi chẳng bì kịp. Song ngày qua ngày như cây sanh chồi, e khó trừ dặng. Như Chúa Công muốn cho va dấy trước thì phải ghẹo cho va làm mau. » Thế rồi vua tôi bàn tính một kế-hoạch như sau: Trang Công nói dối rằng sẽ đi châu nhà Châu, nhưng sẽ kéo binh tới đóng ở một nơi bí-

mật. Công Tử Lữ sẽ bí mật kéo quân đến đóng ở gần nơi Kinh-Thành. Trang - Công vào chào Khương thị đề ra đi, Khương Thị sẽ mật tin cho Thái Thúc Đoạn hay mà đem quân về giết lấy ngôi vua. Đoạn rời Kinh Thành thì Lữ ào vô cướp lại. Đồng thời Trang Công cũng kéo rốc binh về mà hài tội thẳng em.

Kế hoạch trên được thực hiện quá đầy đủ vì Công Tử Lữ còn cho người rình bắt được kẻ đem thơ của Khương Thị đưa về cho Trang Công giết đi mà tráo một tên đem thơ khác có chỉ thị phải đòi cho được thơ trả lời của Cung Thúc Đoạn đem về cho Trang-Công. Hai mẹ con mưu toan những gì Trang Công đều nắm được bằng chứng đầy đủ. Kết quả là Cung Thúc Đoạn đã thất bại và đã tự tử. Trước khi chết chàng đã than rằng : « Mẹ ta gạt ta, nay ta còn mặt mũi nào dám ngó anh ta nữa ».

Trang Công vỗ thây Thái Thúc khóc rống lên một hồi rồi nói rằng: « Cái thằng lếu thì thôi, làm chi cho đến nỗi này. » Trang Công kiếm được thơ của Khương Thị, gói cùng một gói với thơ của Thái Thúc, khiến Tế Túc đem về dâng

cho Khương Thị và dòi người qua đất Dĩnh. Trang Công còn thề rằng : « Xuống suối vàng mới nhìn lại nhau. » Khương Thị xem thấy 2 bức thơ thì cũng hồ thẹn, nhắm không còn mặt mũi nào mà ngó Trang Công nên cũng lật đật lia khỏi cung môn mà ra nơi đất Dĩnh.

Trang Công về đến trào thấy vắng mẹ thì buồn bực mà than rằng: « Cực chẳng đã ta mới giết em ta, lại còn lòng nào lia mẹ như vậy nữa ? Thiệt là người có tội rất lớn. »



Đông Lai tiên sinh đã lên - án Trịnh Trang Công với những lời đanh thép. Ông nói :

« Người câu phụ phàng con cá, cá nào phụ được kẻ đi câu ; Thơ săn phụ phàng con thú, thú nào phụ được thợ đi săn. Trang Công phụ phàng Cung Thúc Đoạn nào phụ được Trang Công. Uốn lưỡi câu và tra mồi để gạt cá là do kẻ đi câu, đào hầm, cạm bẫy để lừa thú là do thợ đi săn. Vậy mà không trách kẻ đi câu, trở lại chê cá ăn mồi, không trách thợ săn trở lại cười thú mắc bẫy, trong thiên hạ có lẽ nào như vậy hay chăng ?

Đông Lai tiên sinh cho

Trang Công là con người « ngoài đố kỵ, trong nham hiểm, coi người ruột thịt như kẻ khẩu thù, như quân nghịch tặc chực hãm vào đường chết ».

Chính Trang Công đã gài bẫy để hại em. Khương Thị dòi hỏi cho Cung Thúc Đoạn quá nhiều làm cho bọn quan trong Triều đã phải can vua đừng quá pháp độ. Nhưng thật sự là Trang Công muốn cho quá pháp độ để như cho cá cắn câu, cho thú sa hầm. Đáng lẽ Trang Công phải biết can mẹ và dạy em, nhưng ông đã xô cả mẹ lẫn em vào cạm bẫy. Chẳng những nham hiểm mà còn đối trá vì đối với thiên hạ ông vẫn tỏ ra thương mẹ và thương em. Đông Lai tiên sinh cực lực công kích sự đối trá của Trang Công. Ông nói : « Trang-Công thích dối người thật nhiều mà không biết tự dối lòng mình không ít. Bị dối thì hại đến thân, dối người là tự hại đến lòng mình. Mà có gì đau thương bằng sự chết của lòng, thân chết chỉ là điều phụ thuộc. Bị người dối, thân bị hại mà lòng vẫn thản nhiên ; dối người thân đắc chí mà lòng mình phải tan tành. Vậy thì bị dối mất chẳng là bao ; dối người, bị mất quá nặng nề, giống như kẻ đi

câu tự nuốt cả lưỡi câu, như thợ săn tự chuôi mình vào bẫy, vào hầm. Trong thiên hạ không phải dần dần thì sao lại thế ?

Vì vậy, trước ta cho Trang Công là người chí hiếu trong thiên hạ ; sau ta lại cho Trang Công là kẻ chí ngu trong thiên hạ . »



Sau những lời buộc tội gắt-gao và thống thiết như trên thật khó có thể kiếm lời bào chữa cho Trịnh Trang Công.

Nhưng muốn được công bằng ta phải đặt ông vào cái hoàn cảnh lịch sử của ông nghĩa là vào thời đại Xuân thu mà Vương đạo đã lui bước, mà bá đạo Vương đã lộng hành, mà thiên tử nhà Châu chỉ là một bù nhìn mục nát, mà chư hầu chỉ lo khuyh loát lẫn nhau.

Những chuyện cha giết con, con giết cha, anh em giết nhau, để chiếm giữ ngai vàng là chuyện thường xảy ra như cơm bữa. So sánh chuyện Trịnh Trang Công giết Cung Thúc Đoạn với chuyện Tề Hoàn Công giết anh là Công tử Cú, ta phải nhìn nhận rằng Hoàn Công còn tàn nhẫn và độc-ác hơn nhiều.

Xét lại cho kỹ thì không phải Trang Công muốn làm người cầu cá hay muốn làm anh thợ săn. Khi mẹ ông nài nỉ ông phong đất Chế-Áp cho Đoạn, ông đã từ chối vì di-mạng của tiên-vương.

Khi bà đòi ông phong đất Kinh-Thành thì ông làm thỉnh không nói lại, như thế đủ chứng rằng ông không cố tình gài bẫy cho em mà thật ra ông phải ép lòng mà chiều theo ý mẹ. Một bà mẹ như Khương-Thị cũng thôi con mà đưa yêu, đưa ghét, yêu một cách mù quáng, ghét một cách vu vơ, một người mẹ như thế nhắm có thể khuyên can được không? Xây dựng được không? Hướng chi đưa em lại được một người mẹ như thế cầm cốt làm sao mà dạy dỗ, mà giáo dục cho nòi?

Hơn nữa, đầu làm một ông vua, Trang Công cũng chỉ là một người, một người đã bị mẹ hắt hủi từ thuở nhỏ, bị em coi như kẻ nghịch, người thù, hỏi làm sao giữ trọn tình với em, với mẹ? Một người khác ở vào địa vị Trang Công chưa chắc đã có thể tốt hơn Trang Công được.

Trang Công không phải là thợ câu mà chính mẹ ông đã gây nên tội lỗi và đã xô em ông vào những hành động phi pháp phản loạn để nhận lãnh lấy một cái chết đau thương. Những giọt nước mắt khóc em của Trang Công có thể không thành thật, nhưng thái độ của ông ít nào cũng còn đẹp hơn thái độ của Tề Hoàn Công trước thi hài Công Tử Cũ.

TIN MỪNG

Được tin bạn Nguyễn-khắc-Thiệu, giáo-sư, thứ nam của Ông và Bà Nguyễn-hữu-Tự ở Huế, đẹp duyên cùng cô Hoàng-phương-Thúy, trường-nữ của ông và bà Hoàng-xuân-Minh. Hôn lễ cử hành tại Huế ngày. 18-4-1961.

Nhân dịp vui mừng này, chúng tôi thành thực chúc tân lang và tân giai nhân muôn vàn hạnh phúc.

Tạp-Chí PHỔ THÔNG

MỒI HỒI TRƯỚC MẮT



TRUYỆN DÀI TÌNH CẢM THỜI ĐẠI

★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P. T. số 54)

TÓM TẮC KỶ TRƯỚC

Ánh xin thôi việc, không ở nhà cô Minh-Tú nữa. Nàng ra đi, sau buổi cơm tối. Một tuần sau ông Ngọc-Minh cũng dọn đi ở riêng, nơi một biệt thự ông thuê ở vùng Thị nghè. Ông ở đây với một cậu "liều đồng" 12 tuổi, một đứa em họ, bà con xa, mà ông về tìm tận thôn quê.

Ông thương nhớ Ánh, không biết cô Nữ-Sinh nghèo khổ hiện giờ ở đâu và làm gì? Ông vẫn đi dạy học, và viết sách.

ÁNH vẫn tự cho thân phận thấp kém của mình không xứng đáng với tình yêu quá tốt đẹp mà không bao giờ Ánh dám mơ-tưởng đến. Sự Ánh âm-thầm ra đi, càng khiến ông Ngọc-Minh mẫn phục cô Nữ-sinh nghèo khổ, và bù-ngùi thương nhớ cô.

Ông muốn gặp lại Ánh. Nhưng làm sao? Ông không biết chỗ ở của Ánh. Hiện nay Ánh là một cô gái lạc-loài, một chiếc bóng điu-hiu đơn-độc, không biết vất vưởng nơi nào... Một cánh bèo mong-manh trôi dạt đi đâu trên

biên đời giông tố ?

Ông Ngọc-Minh không dè tình yêu lý-tưởng của ông đối với một nữ-sinh nghèo đã gây ra sóng gió bất ngờ trong tâm hồn của ông. Ông không dè nó mạnh mẽ say mê đến thế. Anh càng dè-dặt xa cách, ông càng muốn gần Anh. Anh càng tự hạ xuống thấp hèn, ông càng muốn nâng đỡ Anh lên cao. Ông nhớ Anh, thương Anh, buồn bã âu sầu vì không còn cách nào gặp Anh được nữa.

★

Một hôm, ông đang ngồi trong văn phòng ông Hiệu - trường một trường tư-thực lớn ở Saigon, quen - thân với ông, một nữ-sinh ôm cặp bước vào. Ông Hiệu trường đang nói chuyện vui-vẻ với Ông Ngọc-Minh, vừa trông thấy cô học trò vào, ông liền chau mày gắt gỏng :

— Cô muốn gì nữa, cô Toàn ?

Nữ sinh rưng-rưng nước mắt đáp :

— Thưa thầy, em còn 4 tháng nữa đi thi, em xin thầy rộng lượng cho em được tiếp-tục học cho đến kỳ thi. May ra em đỗ, em sẽ rán kiếm việc làm, em xin cam-đoan sẽ trả tiền học-phí em mắc nợ nhà trường... Nay, thầy đuổi em, tội nghiệp em...

Ông Hiệu - trường trừng mắt ngó cô :

— Cô thiếu nhà trường 3 tháng tiền học rồi, chưa trả được xu nào. Nay cô muốn học cho tới kỳ thi nữa sao ? Hừ !... Đâu có được ! Cô muốn tiếp tục học cho đến kỳ thi, thì cô về nói với Ba má cô phải đóng đủ 3 tháng tiền cũ cho nhà trường đã. Tôi đã từ tể cho cô thiếu ba tháng, nay tôi không thể nào cho cô thiếu được nữa. Nếu cô không có tiền thanh toán 3 tháng nợ cũ, không những tôi đuổi cô ra khỏi trường sáng nay mà tôi sẽ còn cho thư-ký đến nhà cô đòi tiền cũ nữa đó.

— Thưa thầy, hay là thầy cứ cho em học, rồi cuối tháng này má em hốt được hụi, má em sẽ đến trả.

— Không được. Cô thiếu ba tháng là 900\$. Chừng nào Má cô hốt hụi trả đủ số tiền ấy cho nhà trường thì tôi mới cho cô học lại.

Cô nữ sinh khóc lóc, van xin :

— Thưa thầy...

Ông Hiệu trường cắt ngang :

— Không có thưa gì hết. Cô đừng có năn nỉ khóc lóc vô ích. Cô không có tiền đóng tiền trường thì nhà trường đuổi cô, chớ có gì đâu mà khóc lóc ?

Thôi, đi về biên Ba Má cô vay mượn làm sao cho có tiền trả nhà trường thì tôi cho học lại. Còn không thì thôi !

Cô Nữ - sinh không còn biết năn-nỉ cách nào được nữa, đành chào ông Hiệu-trường và ông khách lạ, rồi xách nón ra về. Ông Hiệu-trường quay lại ông Ngọc-Minh :

— Đó, anh coi. Ba tháng nay không đóng học-phí mà muốn trây cho đến kỳ thi nữa !

— Kề cũng tội-nghiệp, tại nhà người ta nghèo.

— Nghèo thì ai biếu đi học ? Trường tôi có phải mở ra để dạy bố-thí cho con nhà nghèo đâu ? Tôi đã đuổi ba đứa như thế rồi.

— Cô ấy học có khá không ?

Hình như ông Chủ-trường này không có theo dõi tình-hình học-tập của học-sinh, nên ông không trả lời. Ông chỉ nhún vai :

— Tội nó học khá hay không, cái đó không quan-hệ gì đến nhà-trường cả. Tôi chỉ cần đến tháng chúng nó đóng đủ tiền - học cho tôi thôi.

— Nhưng tôi tưởng mình cũng nên săn-sóc và cổ-vô sự học của học-sinh. Nhà-trường có nhiều em thi đậu mới có danh tiếng chớ.

Đó cũng là một quảng-cáo có lợi cho anh.

— Tổng cò năm ba đứa cũng không hại gì đâu, anh à.

Ông Chủ-trường gọi thầy thư-ký :

— Con nhỏ đó học lớp nào ?

Thầy ký lấy sổ ra coi :

— Dạ thưa, cô ấy học đệ-tứ A., tháng 6 này thi.

— Tên là gì ?

— Dạ, Phạm-thị-Toàn.

— Mấy tuổi ?

— Dạ, 18 tuổi.

— Nhận nó ở đâu ?

— Dạ, 158/28/6D đường Nguyễn-bình-Khiêm, Dakao.

— Nó học có khá không ?

Thầy ký lấy quyển sổ khác lật qua lật lại vài trang, dò các danh sách, rồi chậm rãi đáp :

— Dạ, tháng giêng vừa rồi cô ấy đứng thứ 4, tháng 12 tây đứng thứ 6, tháng mười một cũng đứng thứ 6, tháng mười đứng thứ 9... Pháp-văn và Anh-văn cô ấy khá. Toán, lý-hóa, cô cũng được đứng vào hạng khá...

— Nó còn thiếu tiền học từ tháng nào ?

— Dạ..., từ tháng Octobre.

Ông chủ-trường lắc-đầu, ngó ông Ngọc-Minh :

— Đó, anh coi !

Rồi ông đếm trên lòng tay :
Octobre, Novembre, Décembre,
Janvier, Février... 5 tháng.

Quây lại thầy ký, ông trợn mắt bảo :

— Thế là 5 tháng, chớ sao nó bảo có 4 tháng ?

— Dạ, tháng Février, chưa học...

— Anh này thật lắm - cầm !

Tiền học trả đầu tháng, chớ trả cuối tháng à ? Nay là 3 Février, phải tính cả tháng Février chớ ? Phải không ?

— Dạ, phải.

— Chiều nay, Thầy tìm đến nhà nó, đòi món nợ đó cho tôi, nghe ?
Biểu Ba Má nó phải trả đủ thì nhà trường mới có thể cho nó tiếp-tục học để đi thi. 5 tháng × 300\$, là vị chi 1.500\$!

— Dạ. thưa ông, tôi đánh máy cái thư đề ông ký, chiều nay tôi mang thư đến nhà cô ấy ?

— Không cần thư - từ gì cả. Anh cầm 5 cái biên-lai đến đòi tiền, là đủ rồi. Nghe ?

— Dạ.

Ông Ngọc-Minh đứng dậy, bắt tay ông Chủ-Trưởng :

— Thôi, xin phép anh nhé...

— Anh ngồi chơi đã.

— Hôm khác. Gần đến giờ tôi phải về Trường tôi.

Ông Ngọc-Minh ra xe, mở cửa xe vào ngồi chỗ tay bánh. Nhưng trước khi lái xe đi, ông móc túi lấy một quyển sổ con và cây bút máy, chăm chỉ ghi mấy giòng sau đây :

Phạm-thị-Toàn
158/28/6D. Nguyễn-bình-Khiêm

Ông do dự một giây đồng hồ, không biết số nhà ông nhớ đó có đúng như ông vừa nghe trong Văn-phòng kia không. Ông tin rằng đúng,

Trưa về nhà, ông liền lấy giấy viết bức thư sau đây :

Thị-Nghè, 3-2-1952

Cô Phạm-thị-Toàn

Mời cô vui lòng quá bộ đến nhà tôi vào khoảng 2 giờ chiều nay, để tôi nói chuyện với cô về vụ tiền học-phi cô còn thiếu trường Đạo-Đức. Cô có thể đi với cậu nhỏ này để khỏi mất thì giờ kiếm nhà.

Thành - thật chào cô.

NGỌC-MINH

Giáo-su

T. B. — Giấy này xem xong, yêu cầu cô xé đốt ngay, đừng để ai coi, — bất cứ ai.

Ông bỏ thư vào phong bì, đề tên và địa chỉ, xong gọi cậu em nuôi 14 tuổi :

— Chút ơi !

Chút đang ngồi đón với con chó Nhật ở ngoài sân, lên tiếng :

— Dạ.

Chút vào. Ông đưa thư :

— Em ra Dakao, tìm địa-chỉ này, đưa thư cho cô này.

— Dạ.

— Cô sẽ hỏi em : « Ông Ngọc-Minh là ai, mà tôi không biết ? », thì em cứ nói rõ cho cô hiểu anh là ai.

— Dạ.

— Em nói thêm rằng sáng nay lúc cô vào Văn phòng ông Hiệu-trưởng trường Đạo-Đức, đề nói về tiền học phí, thì có anh đang ngồi nói chuyện với ông Hiệu-trưởng. Anh quen với ông Hiệu trưởng.

— Dạ.

— Cô xem thư xong, nếu cô muốn đến ngay thì em dẫn cô đi với em. Nếu cô hỏi nhà đề cô đến sau, thì em chỉ đường cho rõ ràng.

— Dạ.

— Em đi lẹ, về kịp 2 giờ, đề 2 giờ 30 anh đi dạy học nhé.

— Dạ.

Ông đưa 20 đồng cho Chút đi taxi hai chuyến.

Ông Ngọc-Minh có tính quen buổi trưa không ngủ. Ông nằm võng, — ông thích nằm võng lắm, — hoặc nằm ghế xít-đu bằng mây, đọc báo.

Đọc hết 3 tờ báo hằng ngày, Việt, Anh, Pháp, ông ngó lên đồng hồ vừa đúng 2 giờ. Như thường lệ, ông đi tắm. 15 phút sau ông trở vào phòng thay đồ để đến trường. Ông sốt ruột vì Chút chưa về. Mãi đến gần 2 giờ rưỡi, ông mới nghe tiếng xe taxi đỗ trước ngõ, rồi Chút chạy vào:

— Thưa anh, em kiếm không được nhà cô ấy.

— Ủa ! Em có tìm thấy đường Nguyễn Bình Khiêm không ?

— Dạ đúng là đường Nguyễn Bình-Khiêm. Nơi số nhà 158 có cái ngõ hẻm, em vô trong, nhưng tìm hết một dãy nhà lụp-xụp ở đó người ta đề số lung - tung - beng, mà không có số 28. Rồi vô trong một khúc nữa lại có hai ba đường hẻm khác, có số nhà 28 là tiệm thợ giặt nhưng không có số 28/6D.

— Em đã đi hết các đường hẻm đó chưa ?

— Dạ chưa, vì em ngó đồng hồ trong nhà người ta, thấy đã 2 giờ, em lật đặt trở về.

— Thôi được. Đưa cái thư lại, anh sửa một chữ.

Chút rút thư trong túi ra đưa ông Ngọc-Minh. Ông lấy bút sửa lại con số 2, (2 giờ chiều), hãnh ra 5 giờ, rồi bảo Chút :

— Anh đi dạy học. Em khóa cửa ngõ thật kỹ, rồi đi ra Dakao, tìm lại số nhà cô ấy.

— Dạ.

Ông Ngọc-Minh dặn dò xong, ra lái xe đi. Chút cũng lo đóng chặt cửa ngõ để đi Dakao. Lần này em tìm thật kỹ các số nhà, chốc chốc xem lại địa chỉ trên bao thư. Gần 4 giờ; em mới tìm thấy trong một xó kẹt, sau một giấy nhà không số, có một căn nhà thấp lè tè, lợp tôn, vách ván, trên vách có viết nguệch ngoạc bằng hắc ín mấy con số 158/28/6 D. Em dò từng con số, đúng y như trên bao thư. Nhưng em còn do dự, không hiểu tại sao căn nhà này lại ghi con số dài và rắc rối như vậy ?

Chút đi qua đi lại hai vòng, dòm vào nhà hơi tối tăm, không thấy ai. Chút đánh bạo bước vào, gõ trên bàn hai tiếng rụt rè. Không nghe ai trả lời. Sau bàn

có treo một bức màn-mành cũ rách lại còn che thêm một màn vải, ngăn cách nhà sau.

Chút sợ sệt, khẽ bước vào sau. Em trông thấy hai đứa nhỏ, một đứa chị chừng 8 tuổi và một đứa em mới sanh chừng sáu bảy tháng, nằm ngủ ngon-lành trong một chiếc võng treo giữa nhà.

Chiếc võng đã rách hai ba nơi, lại lốt một mớ tơ rách rớt lòng thòng và ướt nhẹp, cạnh một vũng nước dãi ngay dưới đáy võng.

Chút bịt mũi vì mùi nước dãi của con nít xông lên khai ngòm. Bên cạnh võng, sát vào vách ván hở những đường dài từ trên xuống dưới, và dán một lớp giấy nhựt trình cũ cũng đã rách tét nhiều nơi, kê một chiếc giường và một cái bàn để đầy sách vở. Trên giường, một cô thiếu nữ mặc áo cánh trắng, quần đen, đang nằm xây mặt vô vách, khóc thút thít.

Chút đứng từ nãy giờ nơi cạnh đầu võng mà cô không hay biết gì cả. Chút không biết có phải cô học trò tên là Phạm-thị-Toàn đó không ? Nghe tiếng cô khóc, Chút không dám gọi. Nhưng thấy lâu quá, Chút gọi đại :

— Chị ơi chị !

Thiếu nữ dụi mình quây mặt ra,

thấy cậu nhỏ nào lạ, lật-dật ngồi dậy lấy khăn lau nước mắt, hỏi :

— Em là ai ?

Chút ngưng-ngịu đáp :

— Em tên là thằng Chút.

Thiếu nữ ngơ ngác, hỏi :

— Em hỏi ai ?

— Dạ, chị có phải là chị Phạm-thị Toàn không ?

— Nhưng em ở đâu ? Hỏi tôi có việc chi ?

— Dạ có cái thơ.

— Cái thơ của ai ?

Nhìn thấy cậu nhỏ cầm một cái thư trong tay, thiếu nữ liền đứng xuống đất, đi chầm không, đến gần cậu. Cậu bé đưa thư, nhưng mắt ngó cô trân trân :

— Chị có phải là chị Phạm-thị Toàn không ?

— Phải.

Thiếu nữ cầm thư, xé ra coi. Coi xong, cô rất đỗi ngạc nhiên, hỏi :

— Ông Ngọc-Minh nào đây ?

— Anh của tui. Anh làm Giáo sư dạy trường Trung-học Pháp.

— Tôi đâu có quen biết ông ?

— Anh tui nói hồi sáng nay chị vô trong Văn phòng ông Chủ trường Đạo-Đức nói về tiền học

phí, thì có anh tui ngồi với ông Đốc. Anh tui có thấy chị.

Cô Toàn đứng tần-ngần một lúc lâu. Cô nhớ lại lúc sáng, trong văn-phòng Hiệu-trưởng cô có thấy một người khách lạ. Có phải đó là ông giáo-sư Ngọc-Minh, người viết bức thư này chăng ? Nhưng ông Giáo-sư Ngọc-Minh mời cô 5 giờ chiều nay đến nhà ông có chuyện chi ? Sao lại nói về tiền học phí ? Thật là một chuyện lạ. Cô không hiểu.

Cô hỏi cậu bé :

— Sao ông biết nhà tôi ở đây mà gọi thư ?

— Em đâu có hiểu chuyện đó. Em cứ theo địa-chỉ đi kiếm nhà chị từ hồi trưa đến giờ.

— Ông Giáo có dặn gì em nữa không ?

— Dạ không. Anh Giáo em biếu nếu chị đi liền bây giờ thì em đưa chị đi.

Toàn suy nghĩ một lúc khá lâu. Xong, cô ngó đồng hồ, chiếc đồng hồ cũ kỹ để trên bàn, tiếng kêu cạch cạch thật to. Đã 4 giờ 25,

Cô hỏi cậu bé :

— Nhà ông Giáo ở xa không em ?

— Dạ, ở Thị-Nghè.

— Nhà ông có ai không ?

— Dạ không. Có một mình em.

— Chớ bà Giáo ở đâu?

Chút lúc đầu :

— Anh Giáo chưa có vợ mà.

Cô Toàn lại do dự, không muốn đi. Ai lại mình là con gái mà bỗng dưng đến nhà một người đàn ông lạ và chưa có vợ?

Cô thật không hiểu ông Giáo sư Ngọc-Minh này là ai, và ông muốn mời cô đến làm gì? Chắc là ông biết cô thiếu 4 tháng tiền học của Trường Đạo-Đức, vì nếu đích là ông ngồi trong Văn-phòng ông Đốc trường lúc sáng nay thì ông đã nghe rõ hết câu chuyện rồi. Hay là... ông thấy mình khóc lóc năn nỉ ông Đốc, rồi ông thương hại, xin giúp cho mình được học đến kỳ thi? Có lẽ vậy chăng? Nhưng nếu ông có lòng tốt, sao hồi sáng ông không xin giúp, để bây giờ ông kêu mình tới nhà ông?

Toàn đọc đi đọc lại bức thư năm bảy lần. Cô nhận thấy lời thư rất là nhã nhặn, đứng đắn. Giọng nói thành thật, cô có thể tin được. Và chẳng ông là một ông Giáo sư, dạy trường Trung học Pháp theo lời cậu em này nói, thì tức nhiên là một người đáng hoàng, cũng như bậc thầy của mình, chẳng lẽ ông phỉnh gạt mình điều chi?

Với tin tưởng ấy, và ở trong hoàn cảnh của cô, Phạm-thị-Toàn nhất định đi thử coi ông Giáo-sư Ngọc - Minh nói chuyện chi. Biết đâu ông xin giúp cho cô được tiếp tục đi học đến kỳ thi Trung-Học Đệ nhất cấp thì may phước cho cô biết mấy! Cô bảo cậu bé :

— Em chờ tôi mặc áo rồi tôi đi với em.

— Dạ.

Cô Phạm-thị - Toàn ra sân sau rửa mặt, trở vào chải tóc lại đáng hoàng, kéo tấm màn che giữa bàn học và chiếc giường của cô, để thay áo xống. Một lúc, cô vén màn bước ra.

Cô mặc quần lụa trắng, áo dài trắng, đơn sơ, sạch - sẽ. Mái tóc huyền uốn gọn-gàng, không kiểu-cách, khuôn mặt trái xoan, diêm-kieu, thùy-mị, đôi má ửng hồng và một làn sống mũi dọc dừa đều-dặn. Đôi mắt mơ buồn, đẹp lạ-lùng. Ngực nở tròn trịa, vun-vén, dưới làn áo tinh-khiết ôm dịu-dàng vào thân mình với những đường cong điệu hòa tuyệt mỹ. Cô khẽ cúi xuống giường lấy ra đôi guốc mà cô cất riêng để mang đi học, vì ở nhà cô đi chun không.

Cô xô vào đôi guốc hai bàn

chun mùm-mùm. Dịu-dàng, cô đặt bàn tay nòn-nà với năm ngón tay búp măng trên đầu vông, gọi em:

— Mùi ơi! Mùi!

Em bé 8 tuổi dợt mình, tỉnh dậy. Cô bảo :

— Dậy coi nhà, chị đi đây, em.

Chút nữa má về, em nói chị đến trường, nghe em?

— Dạ.

Cô Toàn lấy chiếc nón lá treo trên vách ván, nhưng thấy nắng ngoài đường đã dịu, cô treo nón lại, đi đầu trần.

Ra đường lớn vừa có taxi. Chút vậy gọi. Cô Toàn không ngờ từ nhà cô đến nhà ông Giáo ở Thị-Nghè, chỉ có 6 đồng bạc xe, không đầy 5 phút. Chút móc tuổi lấy ra chìa khóa mở ngõ, hai cánh cửa sắt cột lại với nhau bằng một dây xích sắt quấn lại ba vòng, với một ổ-khóa bụi móc chặt vào mối giầy. Cặp ngỗng đang đi đứng-đỉnh kiểng ăn trong vườn, cất tiếng kêu oác-oác. Con chó Nhật bồn trong nhà cũng sủa lên. Chút đưa cô Toàn vào sân, rồi lấy chìa khóa khác mở cửa, mời cô vào phòng khách.

Cô Toàn do dự không vào. Cô khẽ hỏi nó :

— Ông Giáo đâu?

— Dạ, ông đi dạy học, 5 giờ

mới về.

Tò - mò, cô Phạm-thị-Toàn đứng ngoài hè ngó vào nhà, thấy bộ xa-lông bằng mây kiêu tối-tân, giản-dị nhưng có mỹ-thuật, trang-hoàng. Vách tường phòng khách quét vôi xanh nhạt, một màu xanh mát dịu, treo hai bức hình lớn lồng kiểng, đóng khung vàng. Cô ngó kỹ giòng chữ đề dưới mỗi bức biết là chân-dung vua Duy-Tân và cụ Phan-Bội-Châu.

Một bình hoa lay-dơn trắng độ mười cành xòe ra trên mặt một chiếc tủ com mốt kê sát vách tường trong. Một tấm màn nhung xanh che cửa thông ra phòng sau.

Chút đề cô Toàn đứng đấy. Nó cắm ống cao-su vào vòi nước ở góc tường ngoài và lo đi tưới hoa. Đứng một lúc buồn, và lo - lắng hoang - mang, cô Toàn bước ra sân, lân-lạ gần cậu bé tưới nước, coi bộ cậu ấy lạnh-lợi, và hiền-lành dễ - thương, Cô hỏi :

— Em có bà - con gì với ông Giáo không?

— Em là em.

— Em ruột hay em thế nào?

— Em con bà cô.

— Sao em không đi học?

— Em ở nhà coi nhà.

— Em còn nhỏ tuổi, sao ông

Giáo không cho em đi học ?

— Anh dạy em học ở nhà.

— Ông Giáo ở đây một mình với em, hay có ai nữa không ?

— Dạ, không.

— Ông không có gia-dình sao ?

— Ông có em gái lấy chồng ở trên Sài-gòn.

— Ai nấu cơm cho ông ăn ?

— Anh Giáo em ăn cơm thúng ngoài tiệm. Em cũng ăn với anh...

Một lúc sau, có tiếng xe hơi bóp còi. Chút bỏ ống cao su xuống, khóa vòi nước, chạy ra mở rộng hai cánh cửa gỗ để ông Ngọc-Minh lái xe vào thẳng ga-ra. Cô Toàn thấy đúng là ông khách lạ ngồi trò chuyện với ông Đốc Trương của cô ban sáng.

Ông Ngọc-Minh cho xe vào ga-ra, tắt máy xong, mở cửa xe thông thả bước ra sân. Ông tiến đến cô nữ-sinh đứng khấp-nép dưới dàn hoa antigone, cạnh một bụi hoa sim gần bực tam-cấp lên cửa. Cô khẽ cúi đầu chào, bẽn-lẽn, sợ-sệt. Với giọng nói lúc nào cũng dịu-dàng và chậm-rãi, ông hỏi cô :

— Chào cô Toàn. Cô đến đây đã lâu chưa ?

Toàn ngượng-ngịu :

— Dạ, thưa ông, em mới đến.

— Mời cô vào.

Rất nhã-nhận, theo phép lịch-sự Âu-Mỹ, ông nhường bước để cô đi trước. Nhưng cô Toàn, một nữ-sinh 18 tuổi, ít giao-thiệp với người lớn, nên chưa quen với phép xã-giao ấy. Cô tưởng ông Giáo đứng lại nhìn cô. Mắc-cờ, cô cúi mặt xuống. Ông Ngọc-Minh bảo :

— Mời cô đi trước.

Toàn sợ mình đi trước như thế thì vô lễ. Ông Ngọc-Minh đành nhã-nhận nói :

— Xin lỗi cô...

Ông bước lên bực tam-cấp, vào phòng khách. Cô Toàn rụt-rè đi theo sau. Ông mời cô ngồi ghế.

Ông vào ngay câu chuyện :

— Xin lỗi cô, tôi mời cô đến đây e làm phiền cô. Nhưng vì sáng nay, ngẫu-nhiên tôi thấy cô là một Nữ-sinh chăm-học, lỡ thiếu mấy tháng tiền trường mà bị đuổi... Cô học ở trường Đạo-Đức đã lâu chưa ?

— Dạ, thưa ông, em học từ lớp đệ thất đến năm nay là đệ tứ.

— Bốn năm, cô vẫn trả đủ tiền học phí ?

— Dạ, thưa ông, nhà Ba Má em nghèo, nhưng Ba Má em cũng

sáng cho em đi học cho hết Đệ-nhứt-cấp. Nhưng bây giờ em phải thôi.

— Bao nhiêu công lao đèn-sách nay đã sắp đến kỳ thi không lẽ cô đành bỏ dở dang việc học hay sao ?

Toàn cúi mặt xuống làm thỉnh-hai ngón tay mân-mê tà áo trắng.

Ông Ngọc-Minh nói tiếp :

— Sáng nay, thấy rõ hoàn-cảnh của cô như thế, tôi muốn nói với ông Hiệu-trưởng cứ để cô tiếp tục việc học cho đến ngày thi. Nhưng... rất tiếc tôi không thể nói được, vì ông Hiệu-trưởng với tôi chỉ là bạn sơ-giao, chưa quen nhau nhiều. Vì thế nên tôi rất ái-ngại cho cô... Tôi thấy cô chăm-học lắm, và theo sổ sách nhà trường như tôi được biết sáng nay, thì cô rất thông-minh, cô thuộc hạng học giỏi nhất trong lớp. Chỉ tại cô thiếu mấy tháng tiền học phí... Nay tôi mời cô đến để tôi giúp cô. Sáng ngày mai cô đến trả cho nhà trường 4 tháng tiền cô còn thiếu, và cứ tiếp tục học. Tôi giúp cô mỗi tháng các tiền chi-phí để cô yên-trí mà đeo đuổi việc học cho đến ngày cô đi thi... Cô khỏi phải bận tâm đến chuyện tiền-nong nữa.

Toàn ngồi lặng-lẽ, cứ cúi mặt

xuống. Nhưng cô không nên được cơn bùi-ngùi xúc-dộng, bỗng dưng hai ngón lệ rưng rưng trên mi mắt cô, từ-từ rơi xuống má.

Thấy thế, ông Ngọc-Minh đứng dậy, vào nhà trong. Ông muốn tránh đi, cho cô Toàn khỏi ngượng.

Toàn ngồi một mình, lấy khăn mu-soa khẽ lau máy giòng nước mắt. Nhưng cô không nên được lòng cô băng-khuàng xao-xuyến. Cô không ngờ ông giáo Ngọc-Minh mà cô chưa hề quen biết, có lòng nhân-từ độ-lượng, giúp đỡ cô như thế.

Cô trầm-ngâm suy-ngĩ. Thật trong thâm-tâm cô rất đổi vui mừng vì đã có người giúp cô ăn học đến nơi đến chốn, trong lúc sáng nay bị đuổi ở trường về, cô đã thối chí, tuyệt-vọng rồi. Cô đã khóc gần suốt cả ngày hôm nay từ sáng đến chiều, buồn-bực chán nản, bỏ cả buổi cơm trưa. Bỗng dưng sao lại có một người từ-tế, hiền-lành, gọi cô đến để giúp cô ! Nghe những lời nói thương-xót thành-thật, và xét cử-chỉ khiêm-tốn tao-nhã của ông Giáo-sư Ngọc-Minh, cô cảm-dộng lắm. Nhớ lại thái-độ của ông chủ trường Đạo-Đức lúc sáng nay, cô lại càng tủi-nhục, đau-dớn.

(Còn nữa)

Nhớ quê hương

Viết tại Kuala Kubu Bharu
một chiều mưa buồn..

*Cách biệt quê-hương mấy dặm đường
Ai về ta nhắn gửi tình thương.
Chiều nay lá cuốn mưa rơi-tà
Ta thấy riêng ta chạnh nhớ buồn.*

*Quê-hương yêu quý của ta ơi!
Nhớ lũy tre xanh khuất bóng người
Nhớ chợ Đông-Ba cầu Bến-Ngự
Nhớ chùa Linh-Mụ những đêm vui.*

*Ta nhớ con đò bến chợ Dinh,
Nhớ phường Phú-Mỹ nhớ Ba-Đình,
Nhớ tà áo trắng bay trong gió
Nhớ mái tóc thề «đám nữ-sinh»*

*Nhớ buổi chia tay trên bến tàu,
Đôi hàng lụy giọt chỉ nhìn nhau...
Bao nhiêu lưu-luyến bao thương nhớ,
Ai biết nổi lòng kẻ khổ đau?*

*Chiều nay, buồn nhớ đến quê nhà
Ta thấy lòng ta bao xót xa
Còn nữa bao lâu ngày tháng nhi?
Cho ta nhìn lại quê hương ta.*

HỒNG-QUỐC-TRUNG
(Malaya)

CỤ THỨC-GIA không còn nữa !

Nhà Thi-hào Ung-Bình THỨC-GIA-THỊ đã mệnh chung tại Huế ngày 4-4-1961 vừa rồi, hưởng thọ 85 tuổi.

Sinh năm 1877, tại Vỹ-Dạ, Huế con của cụ Tiều-Thảo Hồng-Thiết, cháu nội của Ngài Tuy-Lúy-Vương. — Vương cũng là một thi nhân lừng danh ở Sông-Hương, Núi-Ngự, — và bác ruột của Giáo-sư Bửu-Hội, cụ Ung-Bình là một vị Cự Thần có uy-danh của Nam-triều. Cụ vẫn được tiếng là một vị quan trung-trực và thanh-liêm nhất thời bấy-giờ.



Cụ còn là một nhà Thơ cổ-lão đứng đầu trong các nhà Thơ xuất-sắc nhất của thể-hệ Thi-nhân Cờ-diễn Việt-Nam. Cụ là tác-giả những quyển : *Tình Thúc Gia* (1942) *Bán buồn mua vui* (1942), *Tướng Lộ Địch* (1959) *Đời Thúc-Gia* (đang in do Thư-lâm ấn thư quán, Saigon sắp xuất bản trong tháng 5-1961). Cụ THỨC-GIA mất, là một cái tang lớn cho Thi-giới Việt-Nam, để lại một luyện-tiết sâu đậm cho tất cả những người đã thưởng thức Thơ của Cụ và tán phục tài của Cụ.

Nhân dịp đau đớn này, chúng tôi xin kính - cầu nghiêng mình trước Vong Linh nhà Thi-hào, và trân - trọng gởi lời phân-ưu cảm-động cùng Bạn Bửu-Duyệt, bạn Công-tằng Tôn-Nữ Hỷ-Khương, và toàn thể tang quyến.

NGUYỄN-VỸ



* Bảng kỳ của Việt-Nam

(Của ông Nguyễn-văn Năng, 124/14 Bùi thị Xuân, Saigon).

... Nếu tôi không lầm thì Việt-Nam cũng có *Bảng kỳ* (*Armoiries*). Đó là biểu hiệu khóm tre một giầy băng hai đầu, có thanh gươm và cây bút lông. Khóm tre tượng-trưng cho sự bất-khuất của dân tộc Việt-Nam, thường in trên các con niêm, các con dấu, và trên các giấy tờ hành chính. Có phải đúng thế không, thưa ông ?

● ĐÁP.—Theo kiến kiến của chúng tôi, cảnh Trúc in trên các con niêm, các con dấu, trên giấy tờ hành - chánh của chính - phủ Việt-Nam Cộng - Hòa hiện nay là *biểu hiệu* (*Emblème*) của V. N. C. H. chứ không phải *Bảng kỳ* (*Armoiries*). Biểu hiệu có thể thay - đổi tùy theo mỗi chính-phủ, hoặc mỗi giai - đoạn Lịch-Sử. Như hồi thời Bảo-Đại, thì biểu-hiệu đó là con Rồng.

Cũng như *Hoa-Huyệt trắng* là biểu hiệu của giòng vua Bourbons của Pháp, và *con Ong* là biểu hiệu của Napoléon I, còn *Bảng kỳ* (*Armoirie*) của nước Pháp thì không có những hình vẽ tượng-trưng ấy. Biểu-hiệu của Trung-Hoa, dưới thời nhà Thanh, là con Rồng, nay cũng đã bỏ rồi.

Các Quốc-gia Tây-phương có *Bảng kỳ* là từ thời Thập - tự-quân (*Croisades*), thế-kỷ XI.

* Hai câu đối thờ Tôn-Thất-Thuyết

(Của ông Nguyễn Hoàn, 97 Huỳnh Thúc Kháng, Huế)

... Đọc Phổ-Thông số 53 ngày 15/3/61, về chuyện ngán Lịch-sử « Tả xẹt Lũ » (trang 22, 28). Cuối bài tác-giả N.T.Q. có nêu ra hai câu đối, trong đó, về đầu tác-giả chép :

« Vạn cổ lưu danh nơi Tượng quán »

Câu ấy sai mấy chữ. Nếu tôi không lầm, nguyên văn hai câu đối ấy là như thế này :

• Thù hung bất cộng đái thiên, vạn cổ danh phương lưu Tượng quán ».

• Phò chúa biệt tòng lưỡng địa, thiên thu hài cốt táng Long-Châu ».

* Thế-giới vô-hình

(Của cô Trần-Mộng-Lan, Đường Phan đình-Phùng, Saigon)

... Song le, chúng ta cũng không thể không công nhận sự nan-giải của một vài hiện - tượng thường xảy ra ở thôn-quê. Trong những đêm mùa hạ nóng bức, chúng tôi thường bắt ghẻ ngồi trò-chuyện ngoài sân cho đến khuya mới đi nghỉ. Thỉnh thoảng, nhất là những đêm tối trời, chúng tôi thấy có những đóm lửa to bay lơ-lửng trên không trung. Những đóm lửa này khi thì màu đỏ, khi thì màu xanh. Có khi chúng tôi rất là kinh - hãi khi một đóm lửa bay ngang qua đầu chúng tôi. Nếu ở những vùng có bài tha - ma, thì những hiện tượng đó rất dễ giải-thích : chất lân tinh (phosphore) trong xương cốt của những người chết, ban ngày bị sức nóng của nắng hè gay-gắt, nên ban đêm bốc cháy. Trái lại vùng chúng tôi ở rất xa bài tha-ma. Và nếu cho rằng đóm lửa lân tinh từ các bài tha-ma ở đằng xa bay lại thì làm sao bay được xa như thế.

Hiện tượng này theo sự dị-đoan của các người ở thôn-quê cho rằng « Ông đi hay bà giáng » gì đó. Tôi không tin như thế, nên tôi không thể nào tìm được một giải-thích hiện tượng trên. Khoa - học không thể chứng-minh. Vậy chúng ta có thể tin ở thần-linh chăng ? Tôi nhớ một bài thơ tả bài chiến - trường sau trận xô - sát, thi-si Victor Hugo có nói đến những ánh lửa lập-loè bay lượn trên không-trung nơi bài chiến.

Ngoài ra còn có nhiều hiện tượng khác mà chúng ta không thể dùng khoa-học giải-thích được. Như vấn đề cầu cơ chẳng hạn. nếu chúng ta cho rằng đó là nhơn điện ở chúng ta truyền qua cơ mới chạy được, tôi cũng đồng ý thế, nhưng ít ra phải có cái gì vô hình (linh hồn của người chết) nhập vào mới làm cho cơ di động và chỉ chữ được. Theo tôi thì ngoài thế giới chúng ta ra, còn có một thế-giới VÔ HÌNH, và những hiện-tượng thần-linh huyền - bí đôi khi

cũng phải được công nhận, nhưng không hiểu ông nghĩ thế nào.

● **ĐÁP.**— Theo chỗ hiểu biết hẹp hòi của tôi và do một vài thí nghiệm riêng có hiệu-quả xác-thực, thì chúng tôi tin là có *Thời gian vô hình*, ở ngoài dương-gian. Khoa-học huyền-bí không phải là một mê tín dị-doan. Nhưng những sự kiện như « Ông đi, Bà giáng », tôi chưa được thấy tận mắt nên không có ý-kiến. Thi-sĩ Victor Hugo là một trong những người tin có Ma. Còn vấn đề cầu cơ, tôi đã thí-nghiệm nhiều lần, nhận thấy là đúng.

* Tuấn chàng trai nước Việt...

(của « Một nhóm sinh viên Đại học Văn khoa, Saigon »)

... Xin nhiệt liệt hoan-nghênh hai mục mới *Tuấn, chàng trai nước Việt (1910-1960)* và *Một giấc mơ Hoa*. Tài liệu dẫn - chứng lịch-sử và xã hội hiện tại của Thanh-niên Việt-nam, chúng tôi thành thật nhận xét rằng từ trước đến nay chưa có nhà văn nào, hay sử-học nào chú-ý đến cả. Nhất là khi những tài liệu quý báu ấy được trình bày một cách hết sức duyên dáng. Đây là cuốn phim linh động nhất và hấp dẫn nhất về đời sống và sự tiến-triển của Thanh-niên Việt nam trong nửa thế-kỷ XX...

« Một giấc mơ hoa » cũng hứa hẹn nhiều thích-thú, mà chúng tôi chắc chắn sẽ được theo dõi một cách hào-húng. Xin thành thật cảm ơn Phổ-Thông tạp chí luôn luôn đem đến anh chị em chúng tôi những món học hỏi rất bổ ích và đầy đủ. Đa số chúng tôi yêu-cầu ông vui lòng đăng lên báo P.T, mấy lời thô sơ, nhưng thành thật này, để chúng tôi được tỏ mối thông-cảm giữa ông và chúng tôi...

● **ĐÁP.**— Tạp chí Phổ-Thông xin chân thành cảm tạ thịnh tình của quý Bạn.

* Thời gian là gì?

(Của ông Phan-hồng-Nghĩa P. H. V. Nha-Trang)

... Mấy hôm nay tôi mãi băng-khoảng với chữ « Thời gian » tôi không hiểu cái nghĩ của nó ra sao ? *Hán-Việt-tu-điển* của Đào-duy-Anh thì định nghĩa « Thời gian là quá khứ hiện tại và vị lai

Ba trạng thái ấy lưu - chuyển với nhau vô cùng gọi là thời-gian (le temps). » Định nghĩa như thế không rõ-ràng. Theo tôi hiểu : *Trạng thái* là dáng, hình dạng, thái-độ, (aspect). Chính tự điển Đ. D. A. cũng giải nghĩa thế. Thử hỏi *thời gian* làm gì có *hình dạng* ? Nó có *thái*, chứ không có *Trạng*. Theo cô nghĩ sao ? xin vui lòng trả lời...

● **Đáp** : Theo thiên-ý của chúng tôi, *Thời-gian* là khái-niệm của sự liên-tục ngày đêm hoặc lâu dài, hoặc ngắn-ngủi.

* Hiện-tượng « quái lạ » trên vòm trời Nam.

(Của ông Hoàng-Tùng, Kiến-Hòa)

... Thưa ông, nguyên vào đêm 17.3.1961 vừa rồi vào khoảng 9 giờ đêm, tôi cũng như bao nhiêu người ở KIẾN-HÒA cũng đều nhận thấy một vật sáng trông như một ngôi sao đã di chuyển từ hướng Tây-Bắc về Đông-Nam. Và thưa ông, khi tôi viết bức thư này cho ông, là 2 đêm sau (18 - 19) thì vật ấy lại di chuyển có phần hơi chậm nhưng cũng theo hướng như đêm trước.

Hiện-tượng này đã gieo khá nhiều hoang-mang cho dân Kiến-hòa chúng tôi. Tôi gửi đến ông bức thư này để nhờ ông giải rõ cho chúng tôi, đó có phải là một *vệ tinh nhân tạo*, một *khí cầu của nhà khí Tượng* hay... đó là một sự di-chuyển quái-lạ của hành tinh nào ? Một hỏa tiễn ? Một đĩa bay ? Trong thời-gian chờ đợi sự trả lời của ông, tôi và các bạn sẽ theo dõi hàng đêm hiện-tượng ấy và sẽ tin ông biết thêm...

● **Đáp** : Chúng tôi không trông thấy hiện tượng ấy nên không thể biết được là vật gì. Xin nhường lời cho các nhà chuyên-trách.

MUỐN CHỌN BÀN GHẾ ĐẸP, HỢP THỜI,
CHỈ ĐẾN :

PHAN - VĂN - NHỊ

71-C73— Hồng-thập-Tự
SAIGON
Đ.T. 221

105-107 Minh-Mạng
CHOLON



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ ĐIỀU-HUYỀN

★ Ô. Ng. giảng-Thuyền, Phan-Rí

● Người đầu tiên đã tìm ra ống thu - lòi (paratonnerre) để hút điện của sấm-sét là nhà Bác-học Mỹ Benjamin Franklin (1706-1790).

● Garde-chiourme = người cai ngục.

Chiourme, (danh-từ giống cái) = danh-từ để chỉ chung toàn thể những tù-nhân bị giam trong ngục.

★ Ô. Z. T. Saigon.

● Dấu & là do chữ Pháp *Et* (và) biến-hóa ra.

● « *Xứ 1.001 đêm* », là xứ Perse (Ba-Tur).

Theo truyện-tích « *Một ngàn lẻ một đêm* », Vua xứ Perse là *Chehriyar*, bị người vợ có ngoại-tình, không trung-thành với ông, nên ông tức giận muốn trả thù, cứ mỗi đêm ông lấy một người vợ rồi sáng ngày đem giết chết. Thấy việc uất tức như thế, con gái của một vị Đại-thần, là nàng *Chehrazade*, xin vào Cung ngũ với vua một đêm, nhưng yêu cầu cho cô em gái của nàng, là *Dinarzade* ở chung với nàng đêm ấy. Vua bằng lòng. Đêm ấy, theo lời nàng đã dặn trước đến nửa đêm cô em bảo cô chị kể cho một chuyện đời xưa. *Chehrazade* kể cho đến sáng, vua nghe câu chuyện hay quá nhưng chưa hết, bèn quyết định để qua đêm thứ hai nghe nốt đoạn tiếp theo rồi sáng ngày thứ ba mới đem giết nàng. Nhưng đêm thứ hai, câu chuyện của *Chehrazade* vẫn còn hấp-dẫn quá, vua nghe mê, mãi đến sáng vẫn chưa hết. Vua quyết định để đêm thứ ba nghe nốt rồi sáng ngày

thứ tư mới đem giết. Không hề câu chuyện của *Chehrazade* kéo dài cho đến một ngàn lẻ một đêm mới chấm dứt. Vua thấy nàng *Chehrazade* tài-giỏi vô-song, và lại chung-tình với ông, nên ông tha-tội cho nàng, lấy nàng làm vợ chính thức và từ đó ông bỏ luôn điều quyết định dã-man trước kia.

Những chuyện « *Cây đèn thần. Aladin* », « *Ali - Baba và 40 kẻ trộm* », « *Chàng Sindbad, lính-thủy* ; v. v.. đều là những chuyện trong « 1.001 đêm ».

★ Một nhóm học-sinh Đà-Nẵng

● Bài gửi về toà báo phải viết một mặt, vì lý-do kỹ-thuật sắp-chữ của thợ nhà-in, (nếu bài đăng được).

● Vịnh Hạ-Long của Việt-Nam là một trong những thắng-cảnh của Thế-giới, chứ không phải một trong « *Bảy Kỳ-quan vũ-trụ* », theo như người Tây phương thời xưa đã sắp-xếp.

★ Ô. Thanh.Thuần, Nha-Trang

● Bà *Hélène Adams Keller*, là người Mỹ, sinh năm 1880.

Ra đời được 19 tháng thì bà bị mù, điếc, câm, sau một cơn bệnh « sốt-rét đỏ da ». Bảy tuổi, bà được cô *Anna Sullivan*, giáo-sư trường *Mù ở Perkins* dạy học, đầu-tiên là dạy theo phương-pháp điếc-câm, rồi năm 1890 dạy về nghệ-thuật viết thành ra lời. Nhờ sự chăm-học kiên-nhẫn, bà *H. A. Keller* đã đỗ nhiều bằng-cấp đại-học và đã viết những quyển sách : *Lịch - sử của đời tôi* (1902), *Thế-giới tôi đang sống* (1908) *Ngoài bóng tối*, (1913), *Tôn giáo của tôi* (1927).

● Thành thật cảm ơn thư ông.

★ Bạn Ái-Việt, Lycée Yersin, Đà-lạt

● Không bao giờ nói : *Bonjour, Monsieur le Docteur*,

hay là : *Bonjour, Mon Docteur*.

● Phải nói : *Bonjour, Docteur*. Hoặc là : *Bonjour, Monsieur*.

● Không bao giờ nói : *Bonjour Monsieur Xuân*.

● Phải nói : *Bonjour Monsieur* (không nên thêm vào tên họ). Nếu là bạn thân, thì : *Bonjour, Xuân*.

● Viết thư thăm Thầy giáo, muốn tỏ tình thầy trò thân mật và có lễ phép, thì nên dùng : *Monsieur et Cher Maitre*.

Không bao giờ viết : Cher Monsieur le Professeur. (Rất vô lễ)

● 2 câu thơ chót mà bạn nói khó dịch trong bài thi Tú-tài II đó là 2 câu nào ?

★ **Bạn Tô-Kiều-Phương, An-Xuyên**

Các bạn cứ gửi thơ đến. Nếu bài nào đăng được, chúng tôi sẽ đăng ngay.

★ **Bạn Hải-Nguyên Hội-An, Bạn Trần-Quý, Bình-Định, Trần-Tinh-Anh An-Xuyên.**

Các chứng bệnh đó, các bạn phải đến Bác sĩ khám.

★ **Ô. Trịnh Quang Ngọc, B.P. 41, Vientiane, Laos**

Nhà văn Hồ-hữu-Tường hiện ở ngoài Côn-Đảo. Chúng tôi không biết tin tức rõ.

★ **Bạn Văn Lãm, Làng Sông**

Nguyễn-Du có vợ. Bằng chứng là năm 1787 Vua Lê-chiêu-Thống trốn qua Tàu, Nguyễn-Du ở lại Thái-Nguyên với người anh vợ.

★ **Ô. Ng. H. Trọng Giáo-sư, Saigon**

Xin ông cứ gửi một vài bài đến chúng tôi xem, sẽ quyết-định sau.

★ **Bạn Mai-Đình-Nam, Huế**

Phổ-Thông có ra số đặc-biệt ngày Đản-sinh Đức Phật (số 33, ra ngày 1 - 5 - 1960), và sẽ ra số đặc-biệt Phật Đản năm nay.

★ **Ô. Đỗ-bá-Địch - và Ô. Văn-Xưởng, Qui-Nhơn**

Về vụ « Quốc-trái » của Pháp, quý ông nên viết thư hỏi thẳng ông Đại-sứ Pháp ở Saigon

★ **Ô. Ng. Tân-Dân, Phú-Nhượng**

Câu-lạc-bộ, là chữ Tàu phiên-âm tiếng Anh : Club (Đọc đại-khái : K' - láp)

Ma - chiết : Hoàn-cảnh trái-ngược nguy-nan, khiến người chán-nản, mất tinh-thần.

★ **Ô. Thứ-Lang, 36 T. H. Đ, Nha-Trang**

● Quyền « *Phi-quyết* » của Nga, hay của Mỹ, trong các Hội-

ngộ Liên-Hiệp-Quốc, tức là Droit de Veto, đặc-quyền của Nga, hoặc Mỹ, được chống đối, *phủ nhận* một *quyết-nghị* nào mặc dầu đa-số các nước khác tán thành *quyết-nghị* ấy.

● Theo *thiên-ý* của tôi, thì câu thơ của Đặng-trần-Côn trong *Cung-oán ngâm khúc* là :

Tiền từ khuê-khôn tòng chinh-chiến.

● Ông N.V. không phải ở trong nhóm « *Đệ-tứ quốc-tế* ». Ông không thuộc về « *quốc-tế* » nào cả. Ông không muốn tham-gia vào chính trị vì ông muốn hoàn-toàn độc-lập để lo về văn-hóa.

● Vàng, quê ông N.V. ở Q.N.

★ **Bạn Mai-Chu-Vân, Cao giang.**

Thực-hiện là làm cho phát hiện ra thực tế. — Réaliser — to realize « *Thế hiện* » có nghĩa là cụ-thể-hóa.

★ **Ông Thanh Giao — Giáo Sư Trung Học Saigon**

Theo chỗ nhận xét của chúng tôi, bộ *Việt-Nam Bách-Khoa Tự-Điển* mà ông nói đó, soạn vội vàng, cho nên thiếu sót nhiều lắm, và rất nhiều sai lầm. Dịch ra Pháp-văn và Anh-văn cũng sai. Chúng tôi đồng ý với ông về một vài thí dụ sai lầm mà ông đã nêu ra :

— *Ba ngán* : cổ người đàn bà đẹp (?) Pháp : *Beau cou de femme* (?) Tiếng Việt không nói : Ba ngán, là cổ người đàn bà đẹp. Tiếng Pháp không nói : beau cou de femme.

— *Ba góc* : (Tục) Tiếng tục chỉ bộ phận sinh thực đàn bà. Cả Bắc, Trung, Nam, không ở đâu dùng danh từ đó.

— *Ba Lan* : một nước Cộng Hòa ở Đông Âu (?) giáp giới biển Baltique ở Bắc, Đức ở Đông (?) Nga ở Tây (?). Chúng tôi tưởng Ba-Lan ở Trung Âu (Europe Centrale) và giáp giới với Đức ở phía Tây, với Nga ở phía Đông.

— *Ban Cua* (y) : chữ dùng thường, không có một nghĩa gì chính xác, khoa học. (?)

— *Ăn xôi chùa ngọng miệng* (?)
Tục ngữ ta có nói : « ăn xôi Chùa *ngậm miệng* » Chứ không ai nói «... *ngọng miệng* »

Câu tục-ngữ chép ra đã sai, lại dịch ra tiếng Pháp câu văn vô nghĩa : Manger du riz gluant d'une pagode et ne pouvoir plus parler (?) v. v... v. v...

Chúng ta rất mong chừng nào tái bản, tác-giả nên mời một ủy-ban các nhà học-giả thông-thái, và các nhà kỹ-thuật chuyên-môn để sửa chữa nhiều chỗ sai-lầm, bổ-túc nhiều khuyết-điểm, nhất là cần phải chỉnh-dồn lại những câu văn Việt-ngữ và Ngoại-ngữ, hoặc soạn lại một Bộ « Việt-Nam bách-khoa tự-điển khác, cho xứng-đáng với tên ấy.

✱ **Ô. H. Thượng - Chí, K. B. C 4216**

Về cụ Hoàng-Diệu tự-tử, trong P. T. đã có nói đến, trong một số cũ.

✱ **Bà Trần-thị Hòa, đường Ngô-tùng-Châu, Gia-Định**

Điệp-vận (alliteration) là lối hành-văn dùng trong một câu những chữ cùng một mẫu-tự, hoặc cùng một âm-thanh, để gây được một nghi-âm hòa-điệu (harmonic imitative). Thí-dụ vài câu sau đây trong văn thơ ngoại-quốc :

— Pour qui SONT CES SERPENTS qui SIFFLENTSUR vos têtes (Racine)

Bất chước tiếng con Rắn huýt gió.

— Le RIZ TENTA le RAT, le RAT TENTÉ TATA le RIZ

Bất chước tiếng con Chuột cắn lúa.

Trong thơ thần-thoại của Đức, *Eddas* :

— WREIDR VA VINGHTOR

Es hann VAKNADI !

(Vinghtor thức dậy, hăm-hăm giận-dữ !) Voltaire cũng có một lần làm câu thơ hài hước sau đây :

— NON, il N'EST rien que NANINE N'HONORE...

Trong bài diễn văn đọc trước Nghị-viện Roma (La-Mã) Hoàng đế César dùng ba chữ La-tinh điệp vận để diễn tả 3 sự kiện kế tiếp, hùng dũng, lạnh lẽ :

— VENI, VIDI, VICI !

(Ta tới, ta thấy, ta thắng !)

Trong thơ Việt-Nam, cụ Nguyễn-công-Trứ tả mấy cái bánh chưng trong một bài thơ Tết :

— Bánh CHỪNG CHẤT CHẬT CHỪNG ba CHIẾC.

(Ta sự nặng-nề của chồng bánh chưng)

Nữ-sĩ Anh-Thơ, trong tập *Bức tranh Quê*, có câu ;

— CÚI CUỐC CÀO, CỎ ruộng sắp ra hoa.

(Bất chước được nghi-âm của cái cuốc đang cào cỏ).

Trong Kiều, Nguyễn-Du tả cảnh bát-ngát :

— BỐN - BỀ BÁT-NGÁT xa trông

Victor Hugo tả mùi thơm thoang - thoảng :

— Un Frais PARFUM sortait des TOUFFES D'ASPHO-
DÈLE... Và hai câu thơ sau đây của Thi-sĩ Anh Coleridge :

— The FAIR BREEZE BLEW, the white FOAM FLEW
The FURROW FOLLOWED FREE.

ĐÍNH-CHÍNH

Xin sửa lại cho đúng nguyên văn những chữ sắp làm
đều trong mấy câu thơ, bài « Anh đỡ ứng đối, Ni có bỏ chùa »
P.T. số 54 :

● Thay vì : lâm lưu bắt cam lay song chạp,

Xin đọc : lâm lưu bắt cảm huy song trạo,

● Thay vì : chỉ khùng hàn bá toại nguyệt quang,

Xin đọc : chỉ khủng hàn ba toái nguyệt quang.

● Thay vì : Hoa tại thạch trung trần thủy đề,

Xin đọc : Hoa tại thạch trung trầm thủy đề.

Xin quý Bạn vui lòng sửa lại giùm, đa tạ,

**NHỮNG SÁCH GIÁO - KHOA GIÁ - TRỊ
ĐÃ XUẤT - BẢN :**

1.— Phương-pháp làm văn

Nghị-luận của Thâm-thệ-Hà

2.— Giảng-văn Đệ-Thất

của Thâm-thệ-Hà

3.— Giảng-văn Đệ-Lục

của Thâm-thệ-Hà

4.— Giảng-văn Đệ-Ngũ

của Xuân-Tước

5.— Giảng-văn Đệ-Tứ

và Thâm-thệ-Hà

6.— Chánh-tả Văn-Phạm

của Xuân-Tước

6.— Chánh-tả Văn-Phạm

và Thâm-thệ-Hà

của Thâm-thệ-Hà

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT. HẠCH GAN
Đặt cốc cho:
 SẠN PHỤ, SINH-VIÊN
 NGƯỜI ĐAU MƠI MẠNH

HEPATANA

Pharmacie **TANA**
 42 - 44 NGUYEN-TRAI CHOLON

Nhà thuốc **VĂN XUAN**
Phát hành lại THUỐC BỒ:

HUYET-SON-DUONG

*Sở tiền Đại lý
 và khách hàng tại*

Nhà thuốc **VĂN XUAN**
 4. Đường THUAN-KIEU CHOLON

★ Bạn đọc đã nghe nói về:

THI-NHÂN VIỆT-NAM của **HOÀI-THANH**

★ Bạn đã đọc — Bạn chưa đọc — tất cả sẽ hài lòng vì:
THI-NHÂN VIỆT-NAM của **HOÀI-THANH** sắp sửa
 tái bản cùng các bạn vào ngày Lễ Lao-Động của nhân-dân
 Việt-Nam!

THI-NHÂN VIỆT-NAM

Quyền sách của các tử sách Văn học gia đình! Thêm
 phần phụ lục của «Thừa-Tử» tác giả vô cùng giá trị! Rừng
 thi nhân — sẽ xuất hiện đầy đủ cùng quý bạn yêu văn nghệ —
 hâm mộ Thi ca! đón đọc:

THI-NHÂN VIỆT-NAM

của **HOÀI-THANH** và **HOÀI-CHÂN**

MƠI là ĐẸP

Ngọc kia chẳng rũa, chẳng mài
 Cũng thành vô dụng, cũng hoài ngọc đi!
 NƯỚC NGỌT CON CỌP khác gì,
 Nếu không tinh chế, có chi NGON, LÀNH?
 Có chi mà lại nổi danh
 THƠM NGON, BỒ KHỎE, VỆ-SANH, RẺ TIỀN:
 Bạc lão thành, tuổi thiếu niên,
 Mọi người ưa chuộng, mọi miền hoan nghinh.
 Giờ đây, thời buổi vệ tinh,
 B.G.I nước ngọt thay hình chái xưa
 Bằng CHAI KIỀU MƠI dễ tra:
 Là CHAI HỎA TIẾN sẽ đưa tâm hồn,
 Khi dùng nước ngọt thơm ngon,
 Vượt phăng biển cả, núi non, địa cầu,
 Quẳng tung cả gánh lo âu.
 Vút nơi THANH THẢN đỉnh đầu không gian,
 Mơ xây mộng đẹp BÌNH AN,
 Lên xa Trái đất, nơi toàn hư vô.
 NƯỚC NGỌT CON CỌP, HOAN HỒ!
 Với CHAI HỎA TIẾN điem tô cuộc đời
 Thêm VUI, thêm ĐẸP, thêm TƯƠI.

K. N.

4 DƯỢC - PHẨM CỦA BÁC-SĨ ĐẶNG - VĂN - HỒ

MORINDOL

Tất cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên-bố từ năm 1953 - 55 nay đã được nhiều bác-học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công nhận *rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu. (Hyperlention artérielle)*. Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22 — 774 - 18 - 927).

MORINDA NERYA

• Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí - nghiệm
 « bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách
 « những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không yên giấc, hay buồn rầu*
 « (neurasthénie), hay xúc động (nervosité malade), hay lo âu, tim
 « hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoang hốt, không
 « tỉnh táo gâtisme) v. v..

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên »
 (Bs. Đặng văn Hồ)

COQUELUCHE

Trị bằng thuốc này, bệnh *Ho gà* chỉ trong hai tuần lễ là có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các biến chứng nguy hiểm.

Thuốc *Coqueluchine* trị ho gà theo một nguyên tắc hoàn toàn mới, là một thứ thuốc tiên phong mở một đường mới trong cách điều trị bệnh này.

HEMOPTYSOL

Số bệnh lao ra máu ở bệnh-viện Ngô-Quyền trong năm thí-nghiệm thuốc này chỉ còn 1, 2 phần 10, so sánh với mấy năm trước.

Nếu bệnh như không còn phải sợ chứng khái huyết nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan y.



Bốn dược phẩm trên đây đều có bán ở các nhà thuốc Tây và ở các Dépôts.

Bán sỉ tại 246 Đường Công-Quỳnh và 550 E Đại lộ Trần-Hưng-Đạo — Saigon.

THUỐC MUỐI SÙI TÂM

VECENO

Chuyên trị:

BÓN-Ợ CHUA-BUỒN NÔN-ÓI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RUỘT
BAO-TỬ CORÚT

CÓ BÁN KHẮP
DƯỢC-PHÒNG AU-MỸ

CHỈ CÓ THUỐC

Mồ hôi trộm HIỆU KIM ĐIỆN

đặc biệt chuyên trị bệnh con nít đổ mồ hôi trộm *lúc ngủ*.
 Rất hay.

Và sau khi hết bệnh nên bổ dưỡng thêm bằng

PHÌ NHI BÁ BỔ KIM-ĐIỀN

Thuốc bổ tỳ vị, ăn ngủ ngon mau mập, lên cân, tiêu
 cam sành.

Sản lãi trẻ em. Mỗi chai 28\$.00.

Bán khắp nơi và 361 Phan-đình-Phùng Saigon.

Đông dược-sĩ ĐÀO-PHI-PHỤNG

Asphélyne



Đặc biệt trị:

- SUYỄN
- BỒ TIM

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON

K.D. số 161/HĐHD -- Saigon, ngày 1-4-1961

In tại nhà in TẤN-PHÁT -- 283 Gia-Long -- Saigon

Quản. nhiệm NGUYỄN-VỸ